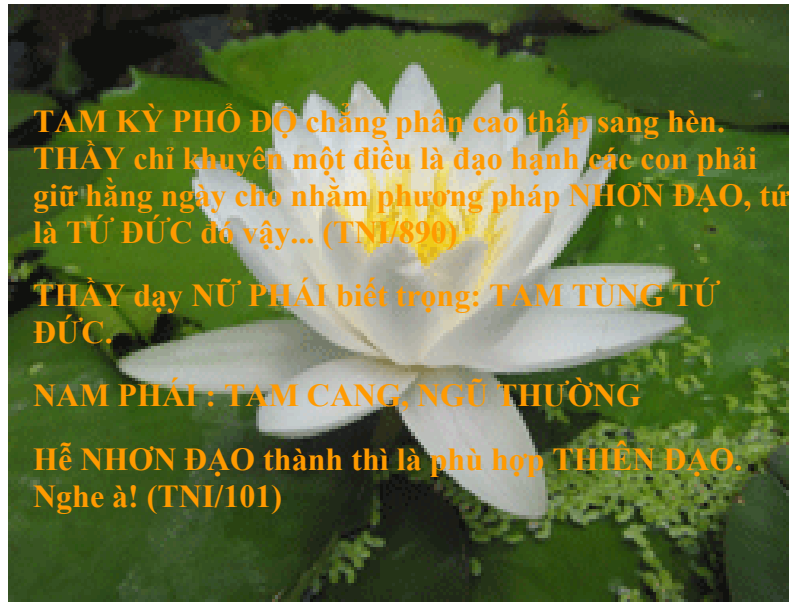


QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG

Nam
Phong
Thử
Nhứt
Biển
Nhơn
Phong



TAM KỶ PHỔ ĐỘ chẳng phân cao thấp sang hèn.
THẦY chỉ khuyên một điều là đạo hạnh các con phải
giữ hằng ngày cho nhằm phương pháp NHƠN ĐẠO, tức
là TỨ ĐỨC đó vậy... (TNI/899)

THẦY dạy NỮ PHÁI biết trọng: TAM TÙNG TỨ
ĐỨC.

NAM PHÁI : TAM CANG, NGŨ THƯỜNG

HỄ NHƠN ĐẠO thành thì là phù hợp THIÊN ĐẠO.
Nghe à! (TNI/101)

Quốc
Đạo
Kim
Triều
Thành
Đại
Đạo

Tây-Thánh mùa Hội-Yên Diêu-Trì-Cung
Thu Đinh-Hợi 2007
Nữ soạn-giả NGUYỄN-THUỶ

MỤC LỤC

- Lời bạt
- Thay lời tựa

Chương I: Cao-Đài là Quốc-Đạo

- Nền tảng Đại-Đạo: Thiên thời, Địa lợi, Nhân hoà
- Duyên khởi để đến Quốc-Đạo
 - Bài thơ Đức Chí-Tôn ban cho Vĩnh-Thụy
 - Tinh-thần của Quốc-Đạo Nam-phong
- Hiện tại nền Phong-hoá đã bị lung-lay
- Tinh-hoa của nền Quốc-Đạo Nam-phong
 - Đạo có triết-lý, Giáo-lý, Giáo-pháp
 - Quan-trọng nhất là căn-bản Pháp-luật Đại-Đạo
 - Chương-trình học vấn để trở thành Quốc-Đạo

Chương II: Đức Chí-Tôn đến đặng chuyển Quốc-Đạo

- Tổ-phụ lưu-truyền một nền văn-minh tối cổ là Đạo Nho
- Từ trước nước Nam chẳng Đạo nhà
- Đức Chí-Tôn đến đặng chuyển Quốc-Đạo
 - Hai chữ văn-minh của thời-đại này
 - Phương-pháp lập thân danh
 - Đức tánh Trung, Hiếu, Nghĩa

Chương III: Quốc-Đạo Nam-phong:

- Hườn thuốc thờ Người và thờ Trời
- Chúng ta quan-sát coi nền Quốc-Đạo có phương thế gì để làm nền Tôn-giáo hoàn-cầu
- Nho-Tông chuyển thế
- Bảo-thủ thuần-phong mỹ-tục
- Phong-hoá Việt-Nam đối với phong-hoá các dân-tộc vạn quốc
- Quyền-hành của người Cha
- Ông chủ quyền thứ nhì là Hương đảng

- Phương-pháp tổ chức trong hương thôn Việt-Nam
- Đệ nhứt chủ-quyền của xã-hội Việt-Nam

Chương IV: Chơn-tướng của Nho-Tông

- Quyền-năng của Tôn-giáo
- Phải giữ lấy nền Văn-minh tối cổ của ta
- Chữ Hiếu

Chương V : Nho-luân chi Đạo

- Tam tạng Ngũ thường theo Nho-giáo
- Tam tạng ngũ thường theo Đạo Cao-Đài
 - Thế pháp và Bí pháp của Nho đạo
 - Tam tạng Ngũ thường theo Thiên đạo

Phụ chương: Tư-tướng Đại-Đạo

- Đạo
- Đại Đạo



Lời bạt

Trong tập “QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG” này là kết-hợp tài-liệu “Mười năm Thuyết Đạo của Đức Hộ-pháp làm nòng cốt nhất là lời thuyết giảng vào năm Mậu-Tý (1948) và nhiều bài trong các năm khác.

Bên cạnh đó còn có tài-liệu “Tam thể xác thân” của Đức Cao Thượng-Phẩm và trích dẫn vài ý-kiến nhỏ của các tài-liệu trên mạng Intrenet không có xin phép tác-giả, xin được miễn chấp. Chung qui chỉ muốn làm giàu kho tàng văn-học-sử Đạo mà thôi.

Đây chỉ là “Tủ sách gia đình” lưu hành nội bộ để học hỏi.
Vài lời kính cẩn

Soạn-giả
NGUYỄN-THUY

THAY LỜI TỰA

Xin dẫn lời Thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp làm lời tựa cho đề tài **QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG**. Cũng như hầu hết tài liệu trong tập sách này đều trích trong “Mười năm Thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp”.

Thế nên những soạn-phẩm mới kế tiếp theo, đều được chào đời để ra mắt đại chúng thì cũng chỉ là sự ráp nối, xâu kết thành những chuỗi đề-tài có liên-quan với nhau, mục-đích là cho người đọc dễ tìm-tòi trong cái kho tàng Đạo-pháp quá u mênh-mông...

Đức Hộ-pháp thuyết ngày 30 tháng 9 năm Đinh-Hợi :

“Ngày nay ĐẠO CAO-ĐÀI đã đến khoảng đường kết-liễu danh-giá và hình-tướng của nó, nên Bản-Đạo lấy đề hai chữ QUỐC-ĐẠO đem giảng-giải. Chí-Tôn ban sơ thuyết-minh đạo-lý hầu may ra những kẻ mơ hồ tỉnh mộng đặng hiểu biết mình đang đến lập-trường nào, phương sách nào, khoảng đường nào ấy là điều rất hay về tâm-lý toàn cả quốc-dân buổi này.

Hai chữ Quốc-Đạo lần đầu Chí-Tôn viết ra làm cho Bản-Đạo mờ-mịt, cũng vì hai chữ Quốc-Đạo ấy mà PHẠM-CÔNG-TẮC chết năm 35 tuổi, thí thân theo đuổi làm cho ra thiệt tướng.

Ôi! hai chữ Quốc-Đạo là một vật của Bản-Đạo tìm tàng rồi mới biết khôn, khởi điểm biết thương nòi-gióng, biết thương Tổ-quốc, đeo đuổi mắt còn với cái điều muốn khát-khao từ buổi thanh-xuân đó vậy. Tự biết khôn dĩ chí gặp Đạo năm 35 tuổi, Bản-đạo thấy sao mà vẫn phải khao-khát thêm lạ, tại làm sao Chí-Tôn biết thiếu thốn nơi tinh-thần điều ấy mà cho Bản-đạo, Bản-đạo ban sơ nghi-hoặc, có lẽ một Đấng có quyền-năng thiêng-liêng biết tâm-lý đang nồng-nàn ao-uớc, đương thêm-lạ khao-khát, đương tìm-tàng mà đem ra cảm-dỗ.

Hại thay! Yếu-ớt đức-tin, ngày nay Bản-đạo ăn-năn quá lẽ. Mười lăm năm đã đặng thấy gì?

Toàn cả thiên-hạ nói rằng nòi-gióng Việt-Nam không có Đạo.

Lạ-lùng thay! chúng ta tự hỏi có thật vậy không?

Thật quả có chớ! Có nhiều Đạo quá mà thành ra không Đạo, mượn Đạo, xin Đạo của thiên-hạ mà thôi.

Ta thừa hiểu rằng nòi-gióng Việt-Nam xuất hiện ở hoàng-địa Tàu, nên ta không ái-ngại nói Việt-Nam này là sắc dân Tàu vậy. Nòi giống Tàu, nhìn quả thật là dân Tàu mà thôi. Đất địa tổ-quán ta không phải ở đây, ở Bắc Tam tỉnh là: Quảng-Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam kể luôn Đông-Kinh (Tonkin) tức là Hà-Nội và Hải-Nam nữa, là tổ quán ta thì thiệt của ta đó vậy.

Bản-đạo tìm hiểu Nho-Phong ta đoạt đặng hay đã có trước?

Chúng ta thấy nòi giống Việt-thường này là con cháu nước Lỗ. Nói rằng giống Lỗ lập Đạo Nho, chắc hẳn là Nho-Tông chúng ta vi chủ. Nói vi chủ tức là của mình nếu có Đạo Nho sẵn trước thì ta có: Đạo Nho, Đạo Lão, Đạo Phật; ba nền Tôn-giáo mà mặt địa-cầu nhìn là trọng yếu, bất kỳ là sắc dân nào hay liệt quốc nào cũng đều nhìn nhận là do trong xứ Á-đông này.

Thêm nữa Thần-Đạo nguyên do ở tại Phù-Tang, sắc dân vi chủ tức là Nhựt-Bổn đem truyền qua Trung-Huê rồi qua xứ ta. Ta chịu ảnh hưởng quyền-lực của Thần-Giáo từ đó. Nhờ có nó Nho-Tông phát triển khác chánh-giáo hơn, lại biết tín-ngưỡng một cách đặc-biệt hơn Thần-Giáo. Bằng có hiện-hữu là ta đã thờ Thần trong các làng ngày nay đó vậy. Ngoài nữa tâm-lý tín-ngưỡng của nòi-gióng, của Việt-Nam nhiệt-liệt và thật-thà đối với bất-kỳ đạo-giáo nào.

Đến thế-kỷ 19 Thánh-Giáo Gia-Tô đem đến nước ta truyền-giáo mới thành một trường nhiệt-liệt đua tranh quyết

chinh-phục hết thầy tất cả các Tôn-giáo khác. Bản đạo tưởng ai có đọc tờ phúc-sự năm 1937 đều biết rõ, Bản đạo đã giảng rõ-ràng nguyên-do đó, thành thử Việt-Nam có nhiều Đạo quá nên thành không Đạo!

Có phen các Bạn thân-ái tưởng đến tương-lai quốc dân, lo phương binh-vực mở rộng tự-do thêm, tức có kẻ phản-đối đả-đảo lại.

Bản-Đạo không nhớ ở Hạ-nghị-viện Pháp năm nào, những người binh-vực chúng ta bị đả-đảo:

- Nước VIỆT-NAM không tinh-thần đạo-giáo nên khó lập chánh-giới lắm! Vì không có căn-bản tinh-thần đạo-đức mà chúng ta không thể chối, chịu thiệt thòi theo lời vu cáo. Vì cơ Bản-đạo đau thảm khổ-não tinh-thần tìm hiểu coi sắc dân ta có Đạo hay chăng?

Hại thay! Ở trước mắt ta nào là bóng, chàng, đồng-cốt, ông tà, ông địa, đủ thứ làm cho nhơ-nhuốc cái tinh-thần Đạo-giáo, Bản-đạo uất ức!

Ngày CHÍ-TÔN tình-cờ đến, vì ham thi-văn nên ban sơ ĐIỀU-TRỊ-CUNG đến dụ bằng thi-văn tuyệt bút làm cho mê-mẩn tinh-thần.

Hại thay! nếu chẳng phải là nhà thi-sĩ ắt chưa bị bắt một cách dễ-dàng như thế, vì ham văn-chương thi-phủ nên Ngài ráng dạy. CHÍ-TÔN đến ban đầu làm bạn thân yêu, sau xưng thiệt danh Ngài, biểu Bản-Đạo phé đời theo THẦY lập ĐẠO. Khi ấy Bản-Đạo chưa tín-ngưỡng, bởi lẽ nòi-gióng nước Nam còn tín-ngưỡng thập tàng lắm; không hiểu đúng, không căn-bản, nói rõ là không tín-ngưỡng gì hết. Bản-Đạo mới trả lời với ĐỨC CHÍ-TÔN; ngày nay Bản-Đạo nghĩ lại rất nên sợ sệt. Nếu không phải gặp đặng Đấng Đại-từ Đại-bi thì tội tình biết chừng nào mà kể.

- Thừa Thầy, Thầy biểu con làm Lão-Tử hay chúa JÉSUS con làm cũng không đặng, Thích-Ca con làm cũng không đặng, con chỉ làm đặng PHẠM CÔNG-TẮC mà thôi, con lại nghĩ bắt

tài vô-đạo-đức này quyết theo Thầy không bỏ nhưng tưởng cũng chẳng ích chi cho Thầy.

Đáng ấy trả lời:

- TẮC! thoảng Thầy lấy tánh đức PHẠM CÔNG-TẮC mà lập giáo con mới nghĩ làm sao?

Bản đạo liền trả lời:

- Nếu đặng vậy!

Ngài liền nói:

- THẦY đến lập cho nước VIỆT-NAM này một nền QUỐC-ĐẠO!

Nghe xong, Bản-đạo từ đấy hình như phiêu-phiêu lên giữa không trung mơ-màng như giấc mộng. Được nghe nói cái điều mà mình thêm ước, nên Bản-đạo không từ chối đặng.

Ôi! QUỐC-ĐẠO là thế nào? Quốc là nước, vậy nòi giống tín-ngưỡng lập Quốc-Đạo; Bản-đạo theo tới cùng coi lập nó ra thế nào, hình tướng nào cho biết; vì đó mà lần mò theo đuổi đến ngày nay, thấy hiện-hữu cái hình trạng là ĐẠO CAO-ĐÀI rồi lại đoán xét coi nó biến thành QUỐC-ĐẠO VIỆT-NAM ra sao?

Ngài có một bài thi dám chắc không ai thâu-đáo nổi; người coi cái gốc thì không thấy ngọn, người coi cái ngọn thì không thấy gốc, tư văn thiệt-thà hay ho cho tới các đảng-phái quốc sự ngày nay cũng là lợi-dụng.

Từ đây nòi giống chẳng chia ba: tức nhiên không chia ba ĐẠO, chớ không phải ba kỳ à!

Thầy hiệp các con lại một nhà: Thầy nắm chủ-quyền hiệp TAM GIAO, nếu nói riêng nòi giống hiệp Nam-Trung-Bắc thì vô-vị lắm!

Nam Bắc cùng rời ra ngoại-quốc: tức nhiên nên chơn giáo QUỐC ĐẠO, không phải của ta thôi, mà lại của toàn nhơn-loại, là truyền giáo Nam Bắc thành tướng rời ra ngoại-quốc, tức là Tôn-giáo toàn-cầu vậy.

Chủ quyền chơn đạo một mình TA: Tam-giáo Ngài vi chủ năm châu hiệp tín-ngưỡng lại, qui nhứt mà thôi. Năm cả tín-ngưỡng của loài người, chính Chí-Tôn là Chúa-Tể Càn-Khôn Thế-Giới, làm CHÚA nền chánh-giáo tại nước VIỆT-NAM, vi-chủ tinh-thần loài người tức đủ quyền-năng lập QUỐC-ĐẠO.

Ngài đến đem đại-nghiệp cho quốc dân này, hình thể lựa chọn ai?

Chọn tạo đoan vạn-vật tức là PHẬT-MÃU.

Tinh thần của CHỈ-TÔN, hình thể của PHẬT-MÃU; trí não của CHA, hình hài của MẸ; cả thấy đều thấy:

Hễ vô đại diện ĐỨC ĐẠI-TỪ-PHỤ nào chức này, chức kia, mỗ cao áo rộng; còn vô ĐIỆN THỜ PHẬT MÃU đều trắng hết, không ai hơn ai cả. Nếu hiểu biết, thấy bí-pháp CHỈ-TÔN cao kỳ quá lẽ. CHỈ-TÔN nói rằng: “QUỐC-ĐẠO này Ngài qui-tụ tinh-thần đạo-đức, trí-thức toàn nhơn-loại cho đặc biệt: có cao, có thấp, có hàng ngũ, có phẩm giá; còn về phần xác thịt của người đời, mạng sống trước mặt Ngài không ai hơn ai, cả thấy sống đồng sống, chết đồng chết đặng đem QUỐC-ĐẠO làm mô-giới cả Đại-đồng đặng tạo tương-lai loài người cho có địa-vị oai quyền, cao-thượng.

Nếu thoảng hiểu đặng thì Thánh-thê cũng vậy, Hội-Thánh, chư chức sắc Thiên-phong nam, nữ hay toàn thể tín-đồ cũng vậy, lãnh thiên-mạng đảm-nhiệm trách-vụ thiêng-liêng CHỈ-TÔN phú-thác lập giáo tức-nhiên phải có phẩm-giá, trật-tự, đẳng cấp.

Nếu hiểu thêm ý của Ngài; khi cởi áo này ra khỏi đại diện rồi, hết thấy đồng là anh em, không ai hơn ai, không ai thua ai, không khinh, không trọng, đầy-đủ tình yêu-ái trong lòng MẸ đem ra mà thôi; nam nữ cũng thế.

Ngày nào nhơn-loại cả thế-gian ở mặt địa-cầu này hiểu được lý lẽ chí hướng cao-thượng ấy là ngày ĐẠO Cao-Đài sẽ ra thiết tướng”

Chương I CAO-ĐÀI LÀ QUỐC-ĐẠO

- A. Nền tảng Đại-Đạo: Thiên thời, Địa lợi, Nhân hoà
 - B. Duyên khởi để đến Quốc-Đạo
 - 1. Bài thơ Đức Chí-Tôn ban cho Vĩnh-Thụy
 - 2. Tinh-thần của Quốc-Đạo Nam-phong
 - C. Hiện tại nền Phong-hoá đã bị lung-lay
 - D. Tinh-hoa của nền Quốc-Đạo Nam-phong
 - 1. Đạo có triết-lý, Giáo-lý, Giáo-pháp
 - 2. Quan-trọng nhưt là căn-bản Pháp-luật Đại-Đạo
 - 3. Chương-trình học vấn để trở thành Quốc-Đạo
-

Chương I: CAO-ĐÀI LÀ QUỐC-ĐẠO

A- NỀN TẢNG ĐẠI-ĐẠO

Nền Đại-Đạo phải có đủ ba yếu-tố: Thiên, Địa, Nhân đó là nền-tảng của Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ ngày nay, còn gọi là Thiên-thời, Địa lợi, Nhân hoà.

1-Thiên thời:

Đây là Thiên-Thơ đã định “Khai Đạo muôn năm trước định giờ”.

Nền Đại-Đạo này tức là Tôn-giáo toàn cầu vậy! Tôn giáo, Ngài vi chủ năm châu hiệp tín-ngưỡng lại, qui nhứt mà thôi với tôn-chỉ: Tam-giáo qui nguyên Ngũ chi phục nhứt đó!

Thánh-ý của Chí-Tôn rằng “*Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này, là cốt để ban thưởng một nước từ thuở đến giờ hằng bị lăm cơn thanh-nộ của Thầy. Thầy lại tha-thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh-diệu. Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả địa-cầu 68 này đặng vậy, cốt để ban thưởng các con thì các con hưởng phần hơn là đáng, lẽ nào Thầy đã để phần nhiều cho các nước khác sao!*” (TN II/25)

2-Địa lợi:

Là một nền tảng quan-trọng về vật-chất nữa là đất nước Việt-Nam:

Toàn dân Việt-Nam có chung một niềm kiêu-hãnh về dân-tộc, về đất nước. Vì đất nước Việt-Nam thân yêu của chúng ta có những nét đặc thù khả kính.

Lời tiên-tri của Thầy là:

“*Một nước nhỏ-nhoi trong Vạn quốc,
“Ngày sau làm chủ mới là kỳ”.*”

Tuy nhiên cũng nên điềm lại trên thực-tế Việt-Nam có được những yếu-tố nào mà được chọn là nước CHỦ của Vạn quốc trong kỳ thượng-nguơn tứ chuyển? Vì sao nước Việt Nam được gọi là Thánh-địa?

Xét về ba phương-diện:

* Về mặt triết-lý văn-minh:

Nước Việt-Nam thọ ba ảnh-hưởng của ba nền Tôn-giáo: Thích, Đạo, Nho từ Ấn-độ và Trung-hoa truyền sang. Ba nền Tôn-giáo ấy đã được đồng-thời phát triển dưới thời nhà Lý và nhà Trần bằng sự bình-đẳng của ba nền Tôn-giáo nói trên.

Kịp đến khi văn-minh Âu-châu tràn vào thì Việt-Nam lại được hưởng thụ thêm nền văn-minh Cơ-đốc-giáo nữa. Như vậy, Việt-Nam là mảnh đất gieo Đạo giáo từ lâu; và lại Việt-Nam ít tạo oan báo, nên nghiệp quả của nó cũng nhẹ nhàng. Việt-Nam có đủ điều-kiện để làm cơ qui nhứt toàn thế-giới vì lý-do ấy.

* Xét về hình thể địa-lý thiên-nhiên:

Việt-Nam nằm vào vị-trí đặc biệt của Á-châu, mà Á-châu lại nằm vào vị trí trung-tâm của quả đất và Á-châu là châu lớn nhất thế giới. Châu Á thuộc sắc da vàng, theo lý của Ngũ-hành thuộc Thổ, mà Thổ chính là ở trung-ương.

Việt-Nam là cửa ngõ để tiếp nạp các luồng tư-tưởng từ Đông sang Tây cũng là cửa ngõ để phòng-vệ đất nước cho các giống dân miền Đông Nam châu Á.

* Xét về hình thể địa-lý huyền-bí:

Việt-Nam có con sông dài vào bậc nhất thế-giới tất sẽ tạo nên linh-khí thiêng-liêng. Linh-khí ấy tạo nên “long mạch Cửu-Long” và dãy “Thất-son” nơi Châu-đốc đó vậy.

Miền Nam là nơi đất mới khai-khẩn nên những quả báo chưa gây nhiều, lại có luồng nước nóng và nước lạnh từ các miền đại-dương hòa-hợp để tạo nên một khí-hậu điều-hòa.

Tóm lại, Việt-Nam có đủ điều-kiện: Thiên, Địa, Nhân tức là Tam tài để đứng ra chủ-trương một mối Đại-Đạo.

Tam-tài ứng với lý Tam-ngôi. Tam ngôi ba điểm đều vẹn thì làm chủ thiên-hạ là lẽ thường chớ có gì đâu khác lạ!

Nhưng Thầy cũng thường dạy rằng: “làm chủ đây là chủ về tinh-thần chớ không phải mang binh hùng tướng mạnh đi chiếm đất như các con lầm tưởng. Cái chủ tinh-thần mới trường-cửu, còn làm chủ theo thói đời thì nó lỏng-lẻo, bấp-bênh nào có bền-chắc, nào có nghĩa lý gì!”

Cái lý Tam ngôi nhứt thể biến sanh Tam-giáo, Tam nguơn, Tam bửu...Số Tam là chu-kỳ của trời đất để thực hiện cơ vận-chuyển hóa sanh, qui hợp. Việt-Nam cũng là một Bát-quái Đồ-thiên có đầy-đủ các con số ấy! Tức nhiên là một Thái-cực-đồ trọn vẹn.

3- Nhân-hoà.

Đức Hộ-pháp cho biết rằng:

“Kỳ khai Đại-Đạo Tam-Kỳ tạo một linh-đài qui tín-ngưỡng của toàn nhơn loại, đủ quyền năng tiêu-diệt tà pháp đặng đem nhơn-loại đến ĐẠI-ĐỒNG”.

Nay ĐỨC CHÍ-TÔN khai ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ là đúng theo lời sấm truyền của các vị GIÁO CHỦ ngày xưa.

Chỉ có hai phương diện:

1- Là do Tam-giáo thất kỳ truyền

2- Là chính mình ĐỨC CHÍ TÔN giảng cơ lập ĐẠO đặng qui nguyên phục nhứt, gọi là chấn-hung TAM GIÁO lại cho hoàn-toàn, lập luật pháp khuôn viên cho phù hợp theo dân trí buổi này mới tìm phương độ rỗi nhơn-sanh, hiệp cả TINH THẦN của các dân-tộc biết nhìn nhau một CHA chung là thuận-hòa cùng nhau, thật hành chủ quyền Thương-yêu, chung thờ một Tôn-giáo ĐẠI-ĐỒNG thì nhơn-loại mới gọi nhuần ân-huệ và đời tranh-đấu tự diệt sẽ trở nên đời mỹ-tục thuần-phong thì vạn loại mới chung hưởng cơ Hoà-bình, phục hồi Thượng cổ là do THIÊN-THO tiên định buổi hạ nguơn chuyển thể hoán cự duy tân.

Thánh-ngôn Thầy dạy: “Vốn Thầy tạo lập nền Chánh-giáo cho dân Nam-Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu. Các con ví biết Đạo là quý thì phải ân-cần thận trọng; đợi đến ngày thành-tựu các con mới thấy rõ Thiên-cơ, thì chừng ấy các con muốn lập công bằng buổi này sao đặng, vì mỗi việc khó-khăn trắc-trở là lúc sơ khai. Vậy Thầy khuyên các con rán thành tâm hành Đạo, mà Đạo không phải giữ bằng lỗ miệng không đâu.

Thầy thấy nhiều đứa trong các con có ý theo Đạo đặng toan kế làm nhiều việc chẳng lành. Thầy vì thương nhơn-loại muốn cứu hết nên thường thấu nhập nhiều đứa vô tâm, cũng muốn cho chúng nó ăn-năn chừa lỗi, ngõ hầu hưởng phước, mà chúng nó không biết tự hối thì làm sao mong rỗi đặng. Đến buổi chung qui mới thấy Thiên-đàng, Địa-ngục thì muộn rồi. Các con phải xét mình cho lắm nghe!”

Tóm lại, ĐỨC CHÍ TÔN khai ĐẠO kỳ thứ ba này là thuận theo lẽ tuần-hoàn “châu nhi phục thủy”

Khi đến với nhơn-loại Đức Thượng-Đế có hứa:

“Que l’Humanité soit une: une comme Race, une comme Religion, une comme Pensée” (Nhơn-loại rồi đây sẽ là một: Một về xã-hội, một về nòi giống, một về tư-tưởng).

Tất cả những biến động trên toàn cầu ngày hôm nay “Ấy là cuộc sửa đời (Être Nouvelle) của Đại-Từ-Phụ đã tuyên-ngôn từ buổi Khai Đạo”

“Đạo Trời đem tin Cứu thế, thức tỉnh nhơn-sanh phải tu tâm dưỡng tánh, theo lành lánh dữ cho khỏi nạn luân-hồi vay trả; hằng ngày phải nhớ câu “Oan gia nghi giải bất nghi kết”.

Đó là nền tảng của nền QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG theo như tinh thần bài Thánh-giáo mà Đức Chí-Tôn giảng ban cho từ buổi khởi khai Đại-Đạo.

Thật ra thì làm người ai cũng muốn sống và sợ chết, nhưng chẳng biết phải sống như thế nào? Sống để làm gì? Và có kẻ cũng chán đời muốn chết đi cho rảnh nhưng cũng chẳng

rõ sự chết ra sao? Chết như thế nào? Thì ra, sống không nên sống và chết cũng không biết chết.

Vậy, Đạo chính là sự sống. Học đạo, tìm đạo để định-vị cho cái sống và rõ thông đường chết hay nói rõ hơn là tạo sự bình-an cho cái sống giả tạm này và yên ổn với cái sống vĩnh cửu, tức là thông suốt cả đường đi lối về vậy.

Thế nên ngày giờ này Đức Thượng-Đế đến ban cho một nền Quốc-đạo cũng không ngoài các yếu lý ấy.

Bây giờ, chúng ta quan-sát coi nền QUỐC-ĐẠO của chúng ta có phương thế gì để làm một nền Tôn-giáo cho hoàn-cầu? Nhân-loại hiện giờ đang hướng về đâu? Mai này sẽ ra sao?

B- DUYÊN KHỞI ĐỀ ĐẾN QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG

1- Bài thơ Đức Chí-Tôn ban cho Vĩnh-Thụy là Đức Quốc-trưởng Bảo-Đại

Tập QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG chính là sự hình thành tư-tưởng từ trong cốt-tủy của hai câu thơ của bài thơ ĐỨC CHÍ-TÔN giảng cơ cho Ngài Quốc-Trưởng Bảo Đại, do Hộ-Pháp và Tiếp-Đạo phò-loan đêm 11 tháng 12 Đinh-Hợi dl 21.1.1947) như sau:

Thầy, các con.

“Ừ! ngày nay là ngày Thầy đã đấng-vọng cho toàn cả nòi-giống các con.

Vinh, con và Hoạch (Lê-văn Hoạch) phải hiệp cùng Vĩnh-Thụy (Bảo-Đại) mà làm tròn sứ mạng theo Thánh-ý Thầy đã định đa nghe!

TẮC! con biểu Tài viết Nho-văn bài thi này, rồi Hoạch, con đưa tận tay cho Vĩnh-Thụy.

THI

Thượng, hạ nhị thiên xứ địa hoàn

Việt-nam nhứt quốc nhứt giang san

Hoàng-đồ toàn bảo thiên-thơ định

Đảnh-tộ trường-lưu tổ-nghiệp tồn

QUỐC-ĐẠO kim triều thành ĐẠI-ĐẠO

NAM-PHONG thử nhứt biến NHƠN-PHONG

An dân liệt Thánh tùng Nghiêu Thuấn

Văn-hóa tương-lai lập Đại-Đồng.

上下二天處地寰

越南一國一江山

隍圖全寶天書定

鼎作長流祖業存

國道今朝成大道

南風此日變人風

安民列聖從堯舜

文化將來立大同

Hôm nay tựa đề “QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG” được thành hình là lấy hai chữ đầu của hai câu thơ 5 và 6 trong đề tài, kết-hợp thành tiêu tựa:

“QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG” là vậy!

Tuy nhiên tôi chỉ có trong tay bài cơ vồn-ven có mấy câu trên, còn phần chữ Hán tôi tự viết lấy để làm tượng-trung, nếu có sự sai biệt xin được quý vị chỉnh thêm cho và rộng lòng tha-thứ. Hơn nữa đây là một đề-tài tôi chỉ góp nhặt, xâu kết những lời giảng dạy hầu hết là những bài Thuyết Đạo của Đức Hộ-pháp Giáo-chủ Đạo Cao-Đài hoặc trích-lục những tài-liệu của Đạo.

Cái khởi nguyên của QUỐC-ĐẠO đã được Đấng Tôn-sư HỘ-PHÁP trần-tình bằng tất cả trái tim yêu ái, giờ đây ta hãy lật từng trang đã được đúc kết, hệ-thống-hóa thành tập sách nhỏ bé này để cùng nhau chiêm-nghiệm và cùng hoà nhập với không-khí thiêng-liêng của Đạo-pháp.

2-Tinh-thần của Quốc Đạo Nam-phong

* Giảng-luận về bài thơ:

Tinh-thần của nền Quốc-Đạo được gói-ghem trong bài thơ trên.

Qua bài thơ thấy cả tình-ái nồng-nàn của Đấng Trời CHA đã gửi trọn cả tâm-tình dành cho nhân-loại trong thời buổi này. Xin được tạm thích-nghĩa nôm và tìm hiểu ý-nghĩa từng

câu thơ để nghe được tâm-tình của Thiên-phụ, đồng-thời thấy được trọn vẹn chân tướng của Nam-Phong để dựng nên QUỐC-ĐẠO.

Giải-nghĩa:

Câu 1: Thượng hạ nhị thiên xử địa hoàn 上下二天處地寰

Chính là THIÊN-THƯỢNG và THIÊN-HẠ mà con người được đứng phẩm tối-linh nên đứng giữa kết liên thành TAM-TÀI (THIÊN, NHÂN, ĐỊA) vậy phải xử thế nào cho được vẹn toàn. Tức là thuận nhân-tâm ắt thuận Trời, mà cũng là bực tài ba quán-thông mọi việc thì mới mong gánh vác nổi vai-trò quá ư nặng nề thế-thiên hành hóa.

Hai chữ “thiên-thượng” “thiên-hạ” tức là “nhị Thiên” ý nói trên là trời, dưới là đất, giữa là người hiệp thành tam tài (số 3 trọn vẹn)

Nếu dùng những nét vạch để làm biểu-tượng thì thấy rất rõ:



Xử địa hoàn: có nghĩa là phải thông nhau, nối liền lại với nhau, tức nhiên thêm một nét sỏ ở chính giữa quẻ Càn thành ra chữ **Vương** 王 Vương là vua, chỉ người đứng đầu một nước.

Vua là người hiểu biết:

- Trên thông thiên-văn
- Dưới đạt địa-lý
- Giữa quán nhân-sự

Phải chăng Đấng Chí-Tôn giao trách-nhiệm Việt Nam lúc bấy giờ cho vì vua anh minh để bảo-tồn quốc thổ, vì đây là

một quốc-gia Thiên-định. Phải có một vị Vua xứng đáng, toàn hảo.

Nhưng Đạo là lý, phải lấy lý mà giải để thấy rằng ngày nay Thầy dùng tánh-đức của Vĩnh-Thụy (Bảo-Đại) mà lập quốc cũng như Thầy lấy tánh-đức của Ông Phạm Công-Tắc mà lập Giáo vậy. Xưa Thầy nói rằng:

- “**TẮC!** *thoảng THẦY lấy tánh đức PHẠM CÔNG-TẮC mà lập giáo con mới nghĩ làm sao?*”

Hai trường-hợp nào có khác nhau! Tức nhiên dù bất cứ ai đi nữa mà khi làm Vua, làm Quốc-Trưởng thì phải “bảo trọng cái lớn” tức “Bảo-Đại” thì mới giữ vững nghiệp “Quốc” của Đức Chí-Tôn đến thất ức niên. Nếu cứ nghĩ rằng “Bảo-Đại” chỉ có Ông vua cuối triều: Nguyễn Vĩnh-Thụy bằng xác thịt, thì ngày nay Người đã an nghỉ rồi thì nghiệp Đời, nghiệp nước này giao lại cho ai? Chẳng lẽ đến đây Đạo phải bẻ? Đất nước này sẽ về ai?

Và đây là yếu-tố tiên quyết:

Năm 1948: Đức Hộ-pháp đề xướng thuyết Bảo-Đại như vậy: “Trận giặc giữa Việt Minh và Pháp đang đánh nhau, chớ Việt Nam chưa có một Chánh Phủ hợp pháp để thương thuyết với Pháp, Đức Hộ Pháp triệu tập Hội nghị toàn quốc tại Sài Gòn, có đông đủ các nhân sĩ Nam Trung Bắc, các Tôn giáo, đảng phái. Đức Hộ Pháp được đề cử chủ tọa phiên họp.

Đức Hộ Pháp đưa ra giải pháp Bảo Đại, lúc ban đầu mọi người đều tỏ vẻ không tán đồng, xầm xì to nhỏ với nhau. Đức Hộ Pháp giải thích thêm vì sao Ngài đề xướng giải pháp Bảo Đại :

1- Nhà Nguyễn đã ký hai Hiệp Ước 1862 và 1864 giao nước Việt Nam cho Pháp bảo hộ, bây giờ Nhà Nguyễn phải lấy lại, rồi giao cho Quốc dân Việt-Nam liệu định. Chỉ có Cựu Hoàng Bảo-Đại mới có đủ tư cách thương thuyết với Pháp.

2- Trong phiên họp, ông Nghiêm-Xuân-Thiện một nhân sĩ miền Bắc đứng lên chấp nhận ý kiến của Đức Hộ Pháp, kế đó là ông Trần-Văn-Lý một nhân sĩ miền Trung cũng tán thành.

Đức Hộ-Pháp mới tuyên bố như vậy Nam, Trung, Bắc, đã đồng ý, nhờ toàn hội cho biết ý kiến và toàn hội đồng hoan-hỉ giải pháp Bảo-Đại của Đức Hộ-Pháp”

(Trích Dưới bóng cờ cứu khổ)

Câu 2: Việt-Nam nhứt quốc nhứt giang san 越南 — 國 — 江山

Đức Chí-Tôn đã hứa với nhân-loại là Đạo Cao-Đài sẽ đạt được là cơ quan Đại-đồng thế-giới tức là sẽ có:

- Một quốc gia
- Một nòi giống
- Một tôn giáo.

Chính đất nước Việt-Nam này làm khởi điểm một Thánh-địa đã ôm trọn Thái-cực-đồ mà thiêng-liêng đã dành sẵn; khi được địa-linh thì hẳn sẽ có nhân-kiệt vậy.

Việt-Nam phải liền một dãy: một đất nước, một giang-san bờ cõi. Đó là ý muốn của Đức Chí-Tôn. Có như vậy thì Đại-Đạo này mới ra toàn cầu thế giới được.

“Nam Bắc cùng rồi ra ngoại-quốc

“Chủ-quyền Chơn-đạo một mình TA”

Hơn thế nữa chữ-nghĩa cũng xác-định điều ấy.

Thông-thường chữ Quốc 國 có chữ hoặc 或 (hoặc là thay đổi) đặt trong bộ vi 讠 (vi là vây quanh). Ý nói ở đất nước không có chủ-quyền nhứt định khi thì vua, lúc lại Tổng-Thống, thay đổi chế-độ luôn.

Còn với đất nước Việt-Nam mà Ngài chỉ-định là “nhứt quốc nhứt giang-san” thì chữ Quốc 國 ấy phải là chữ vương nằm trong bộ vi, chứng tỏ rằng nước ấy có Chủ quyền thật sự.

Câu 3 “Hoàng-đồ toàn bảo Thiên-thơ định” 皇圖 全寶天書定

Trong bức đồ trọn vẹn họp đủ Tam Hoàng: Thiên hoàng, địa-hoàng, nhân-hoàng vô cùng quý-báu đó, Việt Nam hân-hạnh được đón nhận đầy-đủ trong quyển sách trời gọi là “Thiên Thơ” đã ghi chép hẳn-hoi.

Cả một mảnh giang-san gấm vóc này đã được quyền Thiêng-liêng quyết định rồi, tức nhiên là nước chủ của Vạn quốc.

Câu 4 “Đảnh-tộ trường-lưu tổ-nghiệp tồn” 鼎作 長流祖業存

Là phúc mệnh trời ban cho được lưu-truyền nhiều đời cháu con toại hưởng. (Đảnh là điểm cao, tộ là phúc vận may của đất nước, trường lưu là ví như nước cuộn-cuộn chảy, Tô-nghiệp là sự-nghiệp của cha ông nhiều đời đã tích-lũy cho con cháu, tồn là còn).

Nói chung là đã qua khúc quanh của lịch-sử, Việt-Nam lại được quyền Thiêng-liêng giao phó một trách-nhiệm lớn, cứ theo cái đà của sự-nghiệp Tô-tiên để lại cứ nối theo mà phát-huy thêm nữa; tức nhiên là thời-kỳ Nho-Tông chuyên thế đã đến đó vậy.

Câu 5: “QUỐC-ĐẠO kim triều thành ĐẠI-ĐẠO” 國道今朝成大道

Nền ĐẠO có trong nước Việt-Nam hôm nay dân Nam được tiếp nhận làm mới Đạo nhà, sẽ làm khởi điểm cho nền Đạo của toàn thế-giới trong một sớm một chiều nhân-loại đều chung hưởng.

Câu 6: “NAM-PHONG thử nhựt biến nhơn phong” 南風此日變人風

Chính cái phong-hóa của nhà Nam đã tàng ẩn nhiều điều quý hóa, như triết-lý nhân-sinh-quan, vũ-trụ-quan... kết-tinh thành một nền văn-hiến bốn ngàn năm, trong thời điểm này sẽ làm nền phong-hóa chung cho nhân-loại đồ theo khuôn mẫu đó.

Câu 7: “An dân liệt Thánh tòng Nghiêu Thuấn” 安民列聖從堯舜

Muốn cho quốc thói dân an, phương-pháp thực hành phải noi theo chư liệt Thánh đã nêu gương trước mà làm cho dân được sống cảnh thái-bình gọi là thuở trời Nghiêu đất Thuấn. Cả một cơ cấu Chánh-trị-Đạo trong nền Đạo Cao-Đài ngày nay chính Đức Chí-Tôn đến lập, chứ không phải một vị nào khác.

Trong chữ AN 安 đã có chữ Nữ 女 đặt dưới bộ miên, tức nhiên muốn nói đến sự bình đẳng, bình quyền phải có bàn tay của Nữ-phái trợ lực nữa để đem lại sự an-bình cho đất nước. Như vậy người nữ phải có nhiệm-vụ góp bàn tay xây dựng đất nước cũng như đạo nghiệp của Chí-Tôn. Nhưng dù nữ dù Nam cũng phải là mẫu người đạo-đức thật sự. Chính Đức Chí-tôn đã ban cho sự bình-đẳng ấy rồi.

Câu 8 “Văn-hóa tương-lai lập Đại-đồng” 文化將來立大同

Nền văn-hoá trong tương-lai sẽ là nền văn-hoá Đại Đồng, Đông Tây hoà-hợp: văn-minh tinh-thần của Đông phương kết-hợp với văn-minh của nhân-loại mà làm nên nền văn-hoá Cao-Đài làm khởi điểm.

Tức nhiên văn-hóa của Việt-Nam hôm nay đầy đủ yếu-tố để đi đến Đại-đồng. Nay, Đức Chí-Tôn đã dùng Quốc-ngữ làm chính-tự, làm căn-bản để thông-truyền về Tôn-giáo, thứ văn-hóa này sẽ làm nòng cốt đưa nguồn chơn-đạo chánh truyền phổ-thông trong thế-giới tức là “văn dĩ tải-đạo” vậy.

Mỗi Đạo trong nước giờ đây chỉ trong một sớm sẽ trở thành nền Đại-Đạo tức là sẽ có ảnh-hưởng đến toàn cầu thế giới.

Tiền-nhân có cho biết:

“Văn-hiến bốn ngàn năm có sẵn,
“Chi cần dị chủng đến dăng công”

Để kết-luận, xin dẫn lời nhận-định của Đức Hộ Pháp:

“Ta thường nói Đông Tây không bao giờ gặp nhau. Câu đó không thể áp dụng được trong giới triết-học tuy có đến hàng trăm đường lối khác nhau, nhưng chung qui cũng gồm về một mối.

Lấy cái thực học Âu Mỹ để so-sánh với thực-học Á-đông cân nhắc nhau thì phần nhiều cái học Á-đông bị lu mờ chỉ vì cách trình bày, luận-lý không rõ ràng, còn về phần tinh-thần thì bao trùm được khắp vũ-trụ như: Thiên-văn, Địa-lý, Dịch-lý mà ông cha ta vẫn cho là những môn học khó-khăn, huyền-diệu. Vì những lẽ trên, ta thấy khó-khăn, khúc-chiết mà xếp đặt cái học-thuyết ấy vào hàng tâm-truyền hay bí-truyền.

Nhưng nếu ta lấy cái học-thuyết hiện tại của Âu Mỹ hoà với DỊCH-LÝ để giải cho rõ, ta cảm thấy cái lý học Á-đông đã đến chỗ tuyệt-đối huy-hoàng”.

C- HIỆN TẠI NỀN TẢNG PHONG-HOÁ ĐÃ BỊ LUNG-LAY

Đức Thượng-đế mới chọn tay rường cột

Trong bài Điều-văn ngày 13 tháng 10 năm 1934 Đức Hộ-pháp ngậm-ngùi tuyên dương tinh-thần đạo-đức của Đức Quyền Giáo-Tông LÊ-VĂN-TRUNG đã là một tay rường cột chống đỡ Đạo-quyền, giữa lúc quyền vật dục đang hồi ưu thế, làm cho nền phong-hoá của dân-tộc sắp bị lung-lay.

Đức Hộ-pháp nói rằng:

“Giữa thế kỷ hai mươi này, toàn địa-cầu nhơn sanh đều xu hướng về đường vật chất, đua tranh náo nhiệt, mạnh đặng yếu thua, khôn thì còn, dại thì thác, làm cho cả cá-nhơn hay là trọn xã-hội nào cũng vì sanh hoạt khó khăn, mà quên hẳn tinh thần vi chủ.

Hại thay! Cơ-quan của đời hiện hữu lại do nơi quyền năng vật dục mà thành hình, đến đối trừ tinh-thần ra thì trí thức con người cũng lạm nhiễm lấy quyền duy-vật, đạo-đức tinh thần xem ra càng ngày càng mòn-mỏi. Nếu chúng ta thấy cơ quan hành động của các Tôn-giáo còn mảy-may duy trì lại có đặng là nhờ khuôn viên tập tục, chớ chẳng phải nơi tâm lý chuẩn-thẳng.

Qua trận sát khí Âu-Châu, những bậc ưu thế mãi thời để tâm nghiên cứu nguyên thủy sự bất hòa của toàn cầu do đâu mà sản xuất, thì đã thấy đặng hiển nhiên rằng:

- Tại dân quá khiếm phần đạo-đức,
- Những Tôn-giáo đương thời hoặc là bị buộc ràng vào tôn-chỉ hẹp hòi,
- Hay là bị triết-lý oai-nghiêm mà làm cho phân chia tâm lý, nên không thể dung hòa làm môi giới cho Đại-đồng thiên hạ. Thuyết giao tình các Tôn-giáo là thuyết trọng-yếu của nhà hiền triết Á-Âu buổi này.

Ôi! Hạng trí thức nhơn sanh ấy, khi xem đặng con đường nguy hiểm của văn minh duy-vật dong ruổi thẳng tới chùng nào thì lại càng âu lo khủng khiếp cho tương lai nhơn loại buổi sau kia chùng này.

Đời chẳng khác nào như chiếc thuyền chịu sóng gió ba đào lênh-đênh khổ hải. Những khách giang hồ của tạo công ai lại chẳng phấp-phồng rơi châu đổ ngọc. Trong cơn khổ não tâm hồn ngẫu nhiên lại gặp cứu tinh giải nạn là Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ của Thượng-Đế chấn hưng Tôn-giáo.

Người đến đặng nhìn nhận các Đạo là phương giáo-hóa của Người và dung hợp các triết-lý của đời dưới phép lương

tâm làm chủ. Dầu ai để chút tâm nghiên cứu thì đủ hiểu cơ quan chuyên-thế rõ ràng nên không cần luận giải.

Từ năm Bính Dần (1926) là năm Đạo mở tại Nam Kỳ, đến nay Anh Cả chúng tôi là Lê-Văn-Trung, Đạo-tịch Thượng-Trung-Nhứt ra đảm nhiệm vai tuồng rất lớn lao, quan hệ là phổ-độ diu dắt nhơn sanh vào đường Chánh-giáo.

Một mối Đạo rất cao thâm mầu-nhiệm mà chính mình Đức Thượng-Đế đem gieo truyền trong nước nhỏ-nhen như Việt-Nam ta đây, thiết tưởng sự khó-khăn chẳng nhỏ, mà Anh Cả chúng tôi trọn chịu 9 năm trường, chẳng quản nhọc-nhằn một tay chống vững Đạo thuyền, bèn chỉ lướt qua khổ hải.

Đạo mở vào buổi nhơn sanh đang khuynh hướng về đường vật-chất thì cái tôn chỉ Đạo tất phải có thiết lực gì cực-kỳ mãnh-liệt mới dung hòa nổi hai thuyết duy-tâm và duy-vật và phải hợp thời thì nhơn sanh mới chịu hoan-nghinh mà bước vào cửa Đạo. Nếu Đạo mà không có cái Tôn-chỉ duy-tân cải cách theo trình-độ tiến hóa của nhơn sanh thì Đức Thượng-Đế chẳng cần nhọc công tái lập, vì Đạo vẫn có từ tạo Thiên lập Địa mà trong nhân-gian cũng đã lập thành nhiều nền Tôn-giáo, để tùy thời mà tế độ quần linh.

Trong các Tôn-giáo ấy như Phật-giáo, Lão-giáo, Nho-giáo, Cơ-Đốc-giáo, cũng có nhiều triết-lý cao siêu, có thể cứ do theo đó mà hành Đạo cũng đặng tiến-hóa, nhưng mỗi Tôn-giáo ấy đều có một tôn-chỉ đặc biệt, có thể hợp với mỗi phong hóa tùy mỗi thời đại, chớ không đặng một tôn-chỉ thống nhất hợp theo thời đại buổi bây giờ. Đạo đã có những điều kiện tối tân như thế thì tất phải có người tài đức ra làm hướng đạo mới hiểu rõ tôn-chỉ của Đạo mà truyền bá cho nhơn sanh, khỏi làm đường lạc lối, và cũng phải có đại hùng đại lực mới gánh vác nổi trách-nhiệm lớn lao của Đại-Đạo.

Anh Cả chúng tôi đây, trước khi vào Đạo vẫn là người duy vật cũng như mọi người khác, ngoài đời vì đường danh lợi, Người cũng chẳng nhượng chi ai, kịp khi Đạo mở Đức Thượng-Đế kêu đích danh Người mà phú thác Đạo Trời.

Phong-trào duy vật đang sôi nổi, người lại đương thời phấn đấu, mà Người cũng vui lòng phé hết việc đời để hiến thân cho Đạo. Buổi ban sơ mới có vài ba anh em trong Đạo, cũng có kẻ trắng người đen, không đồng tâm chí, lẫn nghịch cùng nhau, rồi nào ai dám chắc sẽ ra làm sao đâu? Nhưng vì lòng háo đức của Người sẵn có, nên Người không chút ngại-ngùng bạo gan chí-sĩ mà hiến mình trọn vẹn lập Đạo mới thành, công ấy, thường này làm Anh Cả chúng sanh cũng đáng.

Vào Đạo rồi, khi thì lập Đoàn thỉnh giáo cùng các Đấng Thiêng-Liêng, khi đi phổ-độ khắp Nam Kỳ, không nói ra ai ai cũng rõ, những nỗi khó khăn về sự hội hiệp ở xứ mình cho nên lúc khai Đạo phải gặp nhiều nỗi tân khổ, lại còn nhiều nỗi cam go đối với Đạo-hữu các nơi. Khi Đạo đã có môi hoàng-hóa, sau lại Hội-Thánh Ngoại Giáo thành lập ở Kiêm-Biên, tuy gặp lắm nỗi truân-chuyên, mà Người cũng cứ nhứt tâm nhứt đức do đường thẳng tiến hành, không bao giờ nản lòng thối chí.

Vì sao Đức Thượng-Đế không chọn người nào khác, lại đem mối Đạo lớn lao mà trao lại cho Người lúc ban sơ? Mà những người có công tu luyện theo Đạo này, Đạo khác cũng chẳng hiếm gì, mà sao Đấng Chí-Tôn không dùng ai trước?

Có ai dám nói Đấng Chí-Tôn dùng lầm!

Vậy thì, Tôn-chỉ của Đại-Đạo đã biểu lộ ra rõ-ràng bí quyết đoạt Đạo chẳng phải do một mặt yếm thế để tịnh dưỡng tinh thần, mà lại phải lịch-lãm hơn sự và phải siêu-quần xuất chúng, rồi lấy đạo đức mà cứu vớt hơn quân.

Xã hội phải tùy sở-nhu của chúng sanh mà lập phương phổ hóa, thì cái công tu luyện kia mới bổ ích cho. Vì vậy mà Anh Cả chúng tôi mới đặc dụng trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

Anh Cả chúng tôi là người gồm có nhiều điều kiện hợp với tân thời, mà cũng không nghịch với phong hóa cũ.

Vậy nên, Đấng Chí-Tôn mới dùng người để làm mô-phạm cho anh em Đạo-hữu và cho đời thấy rõ một phần chơn lý trong Tôn-chỉ Đại-Đạo.

Theo thời-đại khoa-học đương nỗ lực phát dương này, nếu đem cái thuyết duy tâm cực-đoan mà phổ hóa chúng sanh không khỏi bĩ-lậu; còn nếu chuyên một mặt duy vật mà tiến hành thì xã hội phải có ngày tiêu diệt về nạn cạnh tranh phấn đấu. Vậy phải chiết trung hai thuyết mà dung hòa thì đời mới đặng vừa tấn hóa theo văn minh khoa học, vừa duy trì đặng tâm hồn đạo đức. Nhờ hiểu ý nghĩa cao thâm như vậy mà Anh Cả chúng tôi không vì hoàn cảnh mà phải quá ư thiên lệch về một mặt nào.

Chúng tôi còn nhớ lời tuyên bố rất thành thật của Anh Cả chúng tôi như vậy:

"Ngày nào hơn sanh còn khốn khổ, thì chưa phải ngày Anh tọa hưởng an nhàn. Dầu Anh đắc quả mà qui Tiên đặng sớm, Anh cũng nguyện tái kiếp để độ tận chúng sanh".

Hùng hồn thay! Bác ái thay là lời tuyên bố ấy! Không cần khoe khoan bằng văn chương tuyệt bút mà những lời chất phác trên kia cũng tỏ đặng tâm tình của một trang Đại-đức.

Theo thế thường người nào đi tu cũng có cái hy vọng đắc Đạo thành Tiên, chớ ít ai lẫn-lộn trong chốn trần-la vì sợ khổ tâm nhọc trí. Vậy mà Anh Cả chúng tôi chẳng hề nao-núng, thậm chí có người lo sợ dùm, nên đến khuyên Người giải quyền nhập tịnh cho yên, mà Người nói rằng:

"Dầu phải thời tử Đạo, Người cũng vui lòng, chớ Người không vì sợ chết mà bỏ phận sự". Xem đó thì đủ thấy cái đại chí của Người vì Người thấu mục đích tối cao của Đạo. Mà tôn chỉ của Đạo có cái ý nghĩa "không dữ mà hùng, hòa mà không nhược".

Cái ý nghĩa đó Anh Cả chúng tôi hiểu thấu mà cũng đã thật hành rồi, nên Đạo mới đứng vững đến ngày nay.

Anh Cả chúng tôi lại còn hiểu rộng cái nghĩa "từ bi, bác ái" mệnh môn lai láng, nên phải gặp nhiều cái phản-động-lực của những người thiên kiến.

Bởi vì từ bi bác ái mà hiểu nghĩa hẹp hòi quanh quẩn trong hoàn cảnh của mình thì cũng còn là "ích kỷ". Anh Cả chúng tôi không vì sự thương thấp thỏi của thường tình mà bỏ cái thương Đại-đồng thế-giới, cho nên phải gặp nhiều nỗi tan toan. Tuy vậy mà Anh Cả chúng tôi vì công đức hơn là vì tư đức, dầu ai muốn nói sao thì nói, làm sao thì làm, Người cứ một mực tiến hành, miễn là trong tâm nhứt quyết đuổi theo một chủ nghĩa cao siêu của bề trên phủ thác vì lòng tín-ngưỡng của Người rất là đặc biệt, ít ai sánh kịp.

Ngày nay Anh Cả chúng tôi đã vào cõi hư vô rồi, thiết tưởng những phản-động-lực kia cũng lần lần giảm bớt. Anh em trong Đạo cũng đã rõ thấy mà nhận thức cái chơn lý sờ sờ kia vậy. Cái khó nhất là phải có đủ đức kiên-nhẫn để chống lại với các phản-động-lực ở trong Đạo và ngoài Đời.

Trong Đạo cũng vậy, mà ngoài Đời cũng vậy, có nhiều lý thuyết tương phản nhau vì trí độ phàm của con người không thể đồng nhau đặng. Kẻ thì ưa thuyết duy tâm, rồi cứ chuyên chú một mặt tiêu cực, còn người lại thích duy vật thì chuyên chú một mặt tích cực, mà mỗi phía đều cực-đoan thì tránh sao khỏi xung đột. Hai phía xung đột nhau mà bắt Đạo ở trung gian làm nơi chiến địa thì kẻ cầm quyền trong Đạo tránh sao khỏi những nỗi khó khăn, vì vậy mà Anh Cả của chúng tôi chịu nhiều đau đớn. Ôi! Một Đấng anh hùng như thế, một tay kiện tướng của Đạo như thế, nay đã ra người thiên cổ.

Dẫu phải gan sắt dạ đồng cũng phải rơi châu mà thương tiếc”

Lòng thiết-tha phụng-sự cho nghiệp Đạo như thế làm sao khỏi động lòng Trời. Nhờ ơn Thượng-Đế mà Việt-Nam này mới khỏi ách oan-khiên đồng thời cả nhân-loại cũng nương nhờ nơi diệu-pháp

D- TINH-HOÀ CỦA NỀN QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG

1- Đạo có triết-lý, Giáo-lý, Giáo-pháp:

Thư hỏi “QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG” ngày nay đã dựa trên nền tảng nào? Lập-trường nào?

- “Đạo CAO-ĐÀI là một CHÁNH-GIÁO, tức là nền ĐẠO để thay thế tất cả Tôn-giáo đã có từ trước. Vì lẽ các Tôn-giáo ấy ngày nay không còn phù-hợp với lương-tri, lương-năng của loài người nữa. Hay nói một cách khác là các nền Tôn-giáo ấy ngày nay đã bị bẻ.

“Những điều bí-yếu bí-trọng trong nền ĐẠO CAO-ĐÀI, những triết-lý cao siêu mà chỉ ĐẠO CAO-ĐÀI mới có, tuy nhiên, âu cũng là một đặc-ân của ĐỨC CHÍ-TÔN dành cho ĐẠO CAO-ĐÀI là HỘ-PHÁP thay lời ĐỨC CHÍ-TÔN nói ĐẠO cho toàn thể con cái của Ngài nghe, qui hay chẳng là chỗ đó....” (ĐHP)

Như vậy nền Đại-Đạo này đã có đủ kỷ-cương: nghi-thức cúng kính, phượng thờ, giáo-lý, giáo-pháp hẳn hoi...tức là đủ yếu-tố để làm một Quốc-Đạo.

Điều này Ngài Bảo-Thế Lê-thiện-Phước cũng đã nêu rõ trong bài Diễn-văn đọc tại Hội-Nghị Tôn-giáo thế-giới tại Tokyo (Nhật-Bản) ngày 1-6 Ất-Mùi (dl 19- Juillet 1955)

“ĐẠI-ĐẠO TAM-KỶ PHỔ-ĐỘ do Đức Cao-Đài Thượng-Đế dùng Huyền-diệu Cơ bút khai sáng tại nước Việt-Nam từ năm Bình-Dần (1.926) đến nay đã 30 năm, độ dân được một số thiện-nam tín-nữ hơn hai triệu người, Tổ-Đình thờ Đức Chí-Tôn và Đền thờ Đức Phật-Mẫu lập thành tại Thánh-địa Tây-Ninh. Hội Thánh hành-đạo dưới quyền Đức Tiên-Trưởng Lý Thái-Bạch kiêm Giáo-Tông về mặt vô-vi, còn về mặt hữu-vi thì dưới quyền Đức Quyền Giáo-Tông Thượng-Trung-Nhật, nay đã qui thiên. Hiện giờ Đức Hộ-Pháp chấp-chương

quyền tối cao trong cửa Đạo cho tới ngày có Giáo-Tông hữu-hình chánh-vị.

Luật-pháp: Luật-pháp của Đại-Đạo là Tân-luật và Pháp-Chánh-Truyền do Đức Cao-Đài Thượng-Đế dùng huyền-diệu Cơ bút giảng dạy để làm qui-cử chuẩn-thăng cho Hội-Thánh truyền giáo.

Diệt trừ mê-tín dị đoan, bắt nạt bóng chày, phù thủy, bỗn Đạo dung-hòa mọi tín-ngưỡng và tùy khả năng tiến-hoá của mỗi hạng người và phong-tục của mỗi địa-phương mà phổ-độ.

Tôn-chỉ: Tôn-chỉ của Đại-Đạo là dìu-dẫn quần-sanh trên con đường xử thế, lấy luân-lý và triết-lý làm yếu-tố.

Luân-lý: Luân-lý thì dạy con người giữ Đạo nhân-luân, làm tròn bổn phận mình, đối với mình, đối với gia-đình, đối với xã-hội là gia-đình rộng lớn, đối với toàn cả thiên-hạ là Đại-Đồng huynh-đệ.

Triết-lý: Triết-lý thì cấm xa-hoa phung-phí, tránh bả lợi môi danh, trọng duy tâm hơn duy vật và xả phú cầu bần, xả thân cầu Đạo đặng giữ cho tâm thần được thơ-thời nhẹ-nhàng.

Giáo-lý: Giáo-lý của Đại-Đạo là chuyên về tín-ngưỡng và tu-trì, dìu-dẫn quần-sanh trên con đường xuất thế.

Tín-ngưỡng: Tín-ngưỡng thì dạy thờ Đấng Tạo-đoan là Trời, là Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, Chúa tể Càn-khôn vũ-trụ, sùng thượng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đã dày công giảng trần độ thế. Đại-Đạo cũng như các Tôn-giáo nhìn nhận linh-hồn bất tiêu bất diệt và tồn-tại mãi theo định luật quả báo, có vay có trả, phải chuyển kiếp luân-hồi đền nợ tiền-khiên đặng lần bước trên con đường sáng suốt cho tới cõi Hu-linh hằng sống.

Tu-trì: thì dạy lập công bồi đức, thủ giới trì trai, trau-giồi đạo-hạnh, tịnh-dưỡng tinh-thần, tu tâm luyện tánh đặng đoạt vị thiêng liêng”

2- Quan-trọng nhất là căn-bản Pháp Luật Đại-Đạo

Đức Hộ-Pháp nói:

“Luật của HỘI-THÁNH để định quyền cho ĐẠO, cho đại-gia-đình của tinh-thần nhơn-loại, ngó thấy TÂN-LUẬT và PHÁP CHÁNH-TRUYỀN là một chơn tướng lập THÁNH-THE của Ngài không cần luận đến, chỉ luận về TÂN-LUẬT mà ĐỨC CHÍ-TÔN và ĐỨC LÝ GIÁO-TÔNG đã dạy HỘI-THÁNH khi mới khai ĐẠO, lập trong ba tháng phải thành-tựu, trong TÂN-LUẬT con cái của ĐỨC CHÍ-TÔN đều ngó thấy, Bản đạo không cần lập đi lập lại vô ích, chỉ lấy cái tinh-t túy của nó là trong TÂN-LUẬT ấy ĐỨC CHÍ-TÔN định NGŨ GIỚI-CẤM và TỬ ĐẠI ĐIỀU-QUI và trong ấy bảo vệ TAM-CANG NGŨ-THƯỜNG của toàn thể con cái của Ngài, thật ra cái Thiên-luật của Ngài mà Ngài đã để trong tâm não con cái của Ngài:

Luật chỉ có một là THƯƠNG-YẾU

Quyền chỉ có một là CÔNG-CHÁNH

Thiên hạ đã lập luật nhiều quá, mà cái luật của thiên hạ lập ấy tưởng khi cả thấy đều thấy, dẫu cho họ có thay đổi cho tới tận thế, họ chưa có phương nào làm cho nó phù hợp với cả nhân tâm bao giờ. Còn ĐỨC CHÍ -TÔN đến lập luật có một điều mà thôi là THƯƠNG-YẾU. Cả thấy đều hiểu cái luật ấy, nghĩ coi có ai tránh khỏi đặng không, người nào không có dính trong cái luật THƯƠNG-YẾU ấy thì chẳng hề họ sống được bao giờ nhưt là sống chung của đồng-loại, hoặc họ phải tự họ ly dị cả nhơn-loại hay là cả nhơn-loại buộc phải đào thải họ, nếu họ không tuân cái luật ấy .

Còn cái quyền CÔNG-CHÁNH, công-bình, chánh-trực dẫu một kẻ không học kia, dốt nát thế nào mà học được hai cái đặc tính quý báu ấy, tôi tưởng cả thấy thiên hạ đều cúi đầu tôn trọng kính nhường mà nhưt là THƯƠNG YẾU.

Thiên luật của ĐỨC CHÍ-TÔN là vậy!

TÂN-LUẬT ĐỨC CHÍ-TÔN cốt-yếu muốn cho ta làm, đặng ta bảo vệ cái TAM-CANG NGŨ-THƯỜNG của nhân loại. Nói về phương Đông này dầu cho luận tới các quốc-gia, xã-hội đến đâu đi nữa, họ tự-trọng, họ văn-minh thế nào, họ chưa ra khỏi đường lối ấy, niêm-luật ấy bao giờ; nếu họ ra khỏi là muốn tự bỏ cả xã-hội của họ thì nó sẽ thành cái gì chứ không thành xã-hội” (ĐHP 30.3.nh ÁT MÙI)

“Vi có cho nên cả khuôn khổ quyền-lực của ĐẠO cốt-yếu để tạo THÁNH. Bây giờ ta mới luận về quyền đời: cả quyền đời, thật quyền của họ, thiệt lực của họ là NHON-ĐẠO. Muốn thành tựu NHON-ĐẠO ấy họ phải thông-minh trí-thức, lịch duyệt thể tình; thông-minh trí-thức phải học, lịch duyệt thể tình họ phải chuyên nghiệp lấy họ, nghiệp làm quan ấy.

Vì có cho nên một ông quan mới đầu tiên thung-thình bực nhỏ lên bực cao, học đặng chuyên chú nghề nghiệp của họ, cốt-yếu họ cầm quyền trị dân ấy, đặng chi? Họ mong mỗi gì? Họ mong-mỗi cho toàn cả nhân-loại được hạnh-phúc, cả cái sống còn của dân được bảo thủ cái sanh-hoạt của dân được hòa-ái, tương thân, thật ra họ không có đi ngoài khuôn khổ TAM-CANG NGŨ-THƯỜNG của văn-minh ta lưu lại từ thử tới giờ.”

3-Chương-trình học-vấn để trở thành Quốc-Đạo:

Muốn đặng hòa-bình người CAO ĐÀI ngày nay HỌC những gì?

Bà ĐOÀN THỊ ĐIỀM đã giảng cơ ban cho tập thi ca: Nữ Trung tòng phận dài 1401 câu, đã nêu rõ chương trình học vấn đủ đây với mục đích là: “Học tinh-thần khai thác NHO TÔNG” (câu 442)

*Muốn hiển tổ vinh tông báo hiếu
Học cho hay trọng-yếu miếu đường
Tàng quen cõi ngựa cầm cương
Trận trung quyết-thắng chiến-trường đoạt binh*

*Lựa những mặt tài tình thọ giáo
HỌC cho hay mỗi đạo quân thần
Trương Lương dâng dếp ba lần
Chút công ấy định HÓN TÂN nên hư
TRONG-NI nhận vi sư HẠNG-THÁC
HỌC tinh thần khai thác NHO-TÔNG
Gẫm coi tổn bấy nhiêu công
Làm cho thiên hạ đại-đồng trí-tri
Tôn kính thầy cũng bì cha trẻ
Mới đắc truyền mọi lẽ cao sâu
HỌC hay kế nhiệm mưu mầu
HỌC nên tài đặng giải sầu quốc-gia
HỌC đặng định chánh tà giả thiệt
HỌC cho thông đặc-biệt hư nên
HỌC gan sắt đá cứng bền
HỌC cho đủ chước xây nền NAM-PHONG
HỌC cho rộng giao thông tứ xứ
HỌC cho cùng xử sự ngoại-lân
HỌC cho đặng bực tài thần
Ưu quân ái-quốc vua cần dân nghinh
HỌC cho thấu máy linh cơ tạo
HỌC cho toàn trí-xảo văn-minh
Thâu tài hay, nhập nước mình
Làm cho dân hưởng thái-bình giàu sang*

**Chương II:
ĐỨC CHÍ-TÔN ĐẾN
ĐẶNG CHUYỂN QUỐC-ĐẠO**

- A. Tổ-phụ lưu-truyền một nền văn-minh tối cổ là Đạo Nho
 - B. Từ trước nước Nam chẳng Đạo nhà
 - C. Đức Chí-Tôn đến đặng chuyển Quốc-Đạo
 - 1. Hai chữ văn-minh của thời-đại này
 - 2. Phương-pháp lập thân danh
 - 3. Đức tánh Trung, Hiếu, Nghĩa
-

Chương II: ĐỨC CHÍ-TÔN ĐÊN ĐẠNG CHUYÊN QUỐC-ĐẠO

Thật ra ngày giờ này con dân Việt-Nam muốn đến toà lâu-đài nguy-nga ấy cũng phải có được trong tâm-hồn một dòng máu bất-khuất, dòng máu đạo-đức lưu-truyền từ Ông cha đã bao đời truyền nối, thì cái học ấy mới phát-huy được hết tinh-thần Nho-Tông mà làm ngọn đuốc thiêng cho toàn nhân-loại trong buổi này!

Thử hỏi tâm-hồn của người Việt-Nam trong buổi này đang hướng về đâu? Phải nương vào đâu làm điểm tựa cho tâm-hồn?

A- Tổ-Phụ lưu truyền nền văn-minh tối cổ là Nho Đạo

Đức Hộ-Pháp Thuyết Đạo (đêm 14-3 Giáp Ngọ)

“Bản-Đạo thuyết về tâm hồn của dân tộc Việt Nam trong giờ buổi này.

Cả thầy con cái Đức Chí Tôn Nam, Nữ cũng như Bản Đạo. Chúng ta đã thọ hưởng đặc ân Tổ-Phụ lưu truyền một nền văn-minh tối cổ là Nho Đạo.

Cả phong-hóa văn hiến đều thuộc về Khổng-Giáo, từ khi lập quốc thì dân do căn bản tối cổ của nền văn-minh Khổng-Giáo mà đào tạo nên hình tướng của quốc-thể chúng ta. Có lẽ hỏi Tổ Phụ Ông Bà lập quốc tưởng cho cái nền văn hiến cổ truyền ấy nó phải còn tồn tại mãi mãi. Do nơi đó mà đào tạo cả tâm-hồn của nòi giống; chắc các Đấng ấy chưa biết sự thay đổi trong giờ phút này mà các con cái của họ; máu-mủ của họ đã chịu ảnh hưởng.

Nếu nói phong-hóa cổ truyền của Tổ-Phụ chúng ta để lại, thì con người của chúng ta về tâm-hồn vẫn chơn chất hiền-

lương đạo-đức. Nếu nói cái tâm hồn chơn-thật của họ thì vẫn là hình tướng Đạo-giáo tạo cho họ đó vậy.

Sau 80 năm dưới quyền đô-hộ của Pháp, Pháp đã đem cho ta một nền văn-hiến mới nữa là: Văn-hiến của Đạo Thiên-Chúa mà ta gọi là Gia-Tô-Giáo từ trước.

Ấy vậy ta thử lấy trí xét đoán coi cái nền văn-minh của ta, văn-minh tối cổ ấy đương nhiên cùng với một nền văn-minh tối-tân kia, thử hỏi tâm lý Nho-Tông đào tạo phong-hóa của ta như thế nào? Phong hóa của Thiên-Chúa-Giáo đào tạo nên văn minh giờ phút này chúng ta chịu ảnh hưởng gì?

- Một đảng thì chỉ lấy Đạo Tam Càng Ngũ Thường làm căn bản, chỉ biết lấy tinh thần tâm lý làm mục thước mà đào tạo tâm hồn của mình.

- Còn một đảng thì lấy khoa học, lấy quan sát thiết tướng của sự sống làm căn bản.

Chúng ta ngó thấy hiển-nhiên trước mắt rằng: Hai cái hình ảnh ấy chẳng khác nào như hai người đàn bà:

- Một người thì chơn-chất thật thà chỉ lấy tâm-lý làm căn-bản cử xử thế tình, lấy tâm làm mục thước, một hành-vi chi chẳng hề khi nào dám đi qua của tiếng gọi tâm hồn.

- Một đảng lấy cả phong thể trang nghiêm hình ảnh đẹp đẽ sang giàu, hết thầy cả bóng dáng mỹ thuật ở trong mình đào tạo ra, thì chúng ta ngó thấy một đảng lấy Sắc làm căn bản, một đảng lấy Tâm làm căn bản.

*Bản Đạo dám chắc; thử chúng ta để dấu hỏi (?) nếu như có một người mỹ-nhân như thế và một người thô-nhơn như thế. Ta để câu hỏi có một vị tình lang đang chọn lựa như vậy: Bản Đạo dám chắc sự chọn lựa ấy không cần nói cả thầy các con cái Đức Chí-Tôn đã để trong cái trí và trong mình rồi. **"Hữu nhan sắc hữu ác đức"** lời cổ nhơn đã để lại quả không sai đó vậy.*

Bây giờ chúng ta nghĩ lụng lại, nếu như một người lịch-sự kia, chúng ta để trong óc não của họ, dạy dỗ họ cho có tâm

hồn nhân-đức, đạo nghĩa, biết giữ khuôn khổ của một người đàn bà thì đáng giá là người của thiên-hạ đó, là vì họ lấy Tam Tàng Từ Đức làm căn bản.

Người lịch sự ấy làm y theo lời mình đã dạy thì quý hóa thế nào, tôi tưởng cả thầy trên mặt địa cầu này, nếu người đàn ông nào để ý lập đời thì mơ mộng có một điều là: Được người vợ nhân-từ đạo nghĩa mà lại đẹp thì còn hạnh phúc nào hơn nữa.

Nếu có tay nào đào-tạo được như thế thì dám chắc cả thiên hạ khen tay đó lắm vậy!

Ấy vậy tâm hồn của thiên hạ như thế đó, ta thử hỏi có thể nào đào tạo hơn loại, đẹp đẽ như sự mơ ước của chúng ta đó hay chăng?

Bản Đạo trả lời: Đạo Cao Đài sẽ đào tạo họ!”

Nhưng thương thay cho dân-tộc Việt-Nam phải chịu thua sút, chịu chậm tiến hơn các nước khác, cũng vì cái án bất công của xã-hội, của chế-độ đã áp đặt Nữ-phái một cách quá đáng: nhất là không cho đi học. Như thế sự dốt nát chẳng những đè nặng lên đầu người Nữ-phái mà thôi, lại còn gây thêm biết bao điều mê tín dị-đoan; họ biết đâu là chơn-lý, đâu là văn-minh và nhất là không có môi Đạo nhà. Chính vì lý-do này làm cho dân-tộc phải đi đến mất nước và cội nguồn văn-hoá, đạo-đức cũng bị lung lay. Phải nhìn thẳng vào sự thực để thấy rằng:

B- “TỪ TRƯỚC NƯỚC NAM CHẴNG ĐẠO NHÀ”

Đức Chí-Tôn xác nhận điều ấy rằng “Từ trước nước Nam chẳng Đạo nhà”

Đức Quyền Giáo-Tông cũng có nói rõ lý-do là Việt-Nam từ trước đến giờ không có Đạo.

“Quả thật vậy!

“Người nước Nam từ cổ chí kim thật không có ĐẠO trong nước nhà, mà người Nam ta có tâm đạo, người Nam trôi

danh khắp địa-cầu về bề tín-ngưỡng: đạo PHẬT, đạo TIÊN, đạo NHO tuy khai bên ÁN-ĐỘ và TRUNG HOA, sau người Nam biết đặng cũng hết lòng sùng bái.

Đạo GIA-TỔ của mấy vị Linh-mục bên Thái-Tây đem truyền bá bên nước ta thì người Nam cũng kính trọng. Phần nhiều trong người Nam thì hay đi chùa, đi miếu, đi nhà thờ cầu-khẩn, vọng tưởng hết lòng, ngưỡng-mộ trời Phật. Người không đi chùa, đi miếu, không đi nhà thờ thì trong nhà cũng thờ cha mẹ quá vãng ấy là đạo NHO.

Mấy bằng cứ trên đây chỉ rõ-ràng người Nam-Việt tin-tưởng Trời, Phật, Thánh, Thần; tin-tưởng chắc rằng người chết thì cái xác phàm này chết, tiêu diệt, chớ linh-hồn bất tiêu bất-diệt. Vì Đạo-Tâm ấy mà trong thời-kỳ chuyển Đạo này ĐÁNG CHỈ-TÔN thương lòng thành-thật của nhơn sanh nơi đây mà khai TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ (ân-xá lần thứ ba).

Tuy khai ĐẠO tại nước Nam mà cũng khởi ư Đông. Bàn-cổ sơ khai: Thiên khai ư Tý, địa tịch ư Sửu, nhơn sanh ư Dần.

Từ năm Bính Dần, đạo phát khởi tại TÂY-NINH lần lần truyền ra Gia-định, Biên-hòa, Thủ-dầu-một (Bình Dương), Chợ-lớn là mấy hạt ở hướng Đông. Qua năm thứ nhì, thứ ba, ĐẠO mới truyền ra mấy hạt ở hướng Tây.

Dẫn hồi tạo thiên lập địa thì nội vùng Á-đông đây văn-minh trước, nên từ Bàn cổ sơ khai, Đạo cũng khai bên vùng Á-đông trước, như: đạo Phật thì cũng khai mở tại Thiên-trước là Đức Nhiên-Đặng Cổ Phật; Thích-Ca khai đạo Phật, Đại-Đạo là đạo TIÊN thì LÃO-TỬ khai tại Trung-Huê; sau nữa Khổng-Phu-Tử khai đạo THÁNH cũng tại Trung-Huê là ở miền Á-Đông.

Sau, lần lần Đạo trải khắp qua hướng Tây nên ĐỨC CHÚA JÊSUS truyền đạo THÁNH bên hướng Tây. Kế đó ĐẠO mới roi truyền ra khắp năm châu.

Ngày nay là châu nhi phục thủy nên ĐẠI-ĐẠO phát ra tại Á-đông này. Bởi có ấy nên trong bài khai-kinh của ĐỨC LỮ-TỔ cho hai câu đầu như vậy:

“Biển trần-khổ vơi vơi trời nước

“Ánh thái-dương gội trước phương Đông”

Mặt trời mọc ở hướng Đông rồi lần lần lặn thì qua hướng Tây, Đạo truyền ra cũng như thế.

Trong thời đại hạ-nguơn này đây, nhân-loại ở thế gian phần đông vì ham cái văn-minh vật-chất, ham ăn mặc sung-sướng, giành giựt cấu xé môi phú-quí, bã vinh-hoa, vẻ cân-đai, mùi chung-đỉnh, mạnh còn, yếu mất, đua chen lẫn lộn

Than ôi! Nếu nhân-loại như thế sao khỏi động lòng Trời!

Đấng CHỈ-TÔN vì háo sanh, đại-từ đại-bi, thấy nhân-loại đang mờ-mịt trong vòng hắc ám, làm đường lạc nẻo mới khai ĐẠI-ĐẠO để độ dẫn chúng sanh thoát khỏi bến trầm-luân khổ hải này.

Tôi chỉ rõ cho thiện nam tín nữ biết rằng: Người Nam không ĐẠO nhà, mà nay Đấng CHỈ-TÔN thương tâm-đạo chúng ta nên khai ĐẠO tại đây.

Hồi đầu của năm khai ĐẠO, ĐỨC CHỈ-TÔN có cho ông Nguyễn Thế Vinh cũng là người đạo-đức và con nhà Nho-phong ở tại Chợ-lớn một bài thơ tứ tuyệt như vậy:

Từ trước nước Nam chẳng đạo nhà

Nay TA gầy dựng lập nên ra

Vì dẫu ai hỏi sao bao nã?

Rằng trẻ roi sau biển hóa già!

Bài thơ tứ tuyệt này chứng tỏ rằng tự cổ chí kim nước ta không đạo nhà; nước mà không Đạo cũng ví như người ta không hồn, nhà không đạo-đức tự-nhiên cang thường luân-lý phải suy bại.

ĐẠO là chi? ĐẠO rất cao thâm mầu-nhiệm, Đạo trùm càn-khôn thế giới không có vật chi, không có việc chi ra khỏi

ĐẠO, tôi xin diễn tắt rằng hễ có đời tức nhiên có ĐẠO (Quyển Giáo Tông 24.8. Mậu Thìn)

Nhưng tại sao lời thơ lại nói:

“Rằng trẻ roi sau biển hóa già”?

Đức Hộ-Pháp đã lý giải lời này vào năm 1946 rằng:

“ĐẠO CAO-ĐÀI tức là ĐẠO TỔ-Phụ của chúng ta...mà ĐẠO TỔ-PHỤ mấy người đã 2.500 tuổi. Phải nhớ điều đó!”

Tại sao ĐẠO được 2.500 tuổi?

- Vì Cao-Đài Đại-Đạo chính là Phật-Giáo chấn hưng tức nhiên đã có từ 2.500 năm nay rồi, nay Đạo trời đến khai nguơn chỉ là một sự tiếp nối mà thôi.

Nay đã đến thời kỳ chuyển thế, Tam-giáo qui-nguyên Ngũ-chi hiệp-nhút tức là nền Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ đã thành hình đó. Ngày khai Đạo tại Từ-Lâm tự, Gò-Kén Tây-Ninh nhằm ngày rằm tháng mười năm Bính-Dần (dl 19-11-1926) ĐỨC CHỈ-TÔN có giáng cơ ban cho đôi câu đối để làm biểu-ngữ:

- DI-LẠC thất bá thiên niên khởi khai Đại-Đạo.

- THÍCH-CA nhị thập ngũ thế chung lập Thiên-môn.

彌勒七百千年起開大道

釋迦二十五世終立禪門

Tức nhiên kỳ khai Đại-Đạo này do quyền chấp chương của PHẬT DI-LẠC sẽ ngự trị toàn tâm lý thiên hạ trong 700 ngàn năm.

Trong khi đó Đạo Phật của Đức Thích-Ca làm Chương-giáo trong nhiệm kỳ 2.500 năm đã kết thúc mỗi đạo Thiên.

Quả tình đã có sự chuyển tiếp và có ấn chứng của thiêng-liêng

Đức Hộ-Pháp kể lại lời nói của Ngài Khai-Pháp Chơn-Quân trong ngày lễ Đại-tượng của Người với một niềm tin vững-vàng rằng:

“Tôi tưởng dòng dõi của dân-tộc Việt-Nam trên 4.000 năm đã chết, nào dè ngày nay Đức Chí-Tôn đến định lập QUỐC-ĐẠO thì chắc hẳn rằng đất nước Việt-Nam sẽ sống lại được mà là cứu chữa Tổ-quốc và giống nòi, dân tộc Việt-Nam sẽ cởi ách lệ thuộc giữa thời Pháp thuộc đang bạo hành”. (Khai-Pháp 12-8, Ất-Mùi-1955)

C- ĐỨC CHÍ-TÔN ĐẾN ĐẶNG CHUYÊN QUỐC-ĐẠO

(Đức Hộ-Pháp thuyết ngày 14-10 Quý-Ty)

“Thật ra, nếu không phải cái huyền-linh vô đối của Đức Chí-Tôn đến đặng chuyên quốc đạo chỉ trong một thời gian ngắn ngủi thì nền Đạo chưa rõ đến địa-vị cao trọng và quý hóa như thế này.

ĐẠO CAO-ĐÀI tức Đạo Tổ-phụ của chúng ta chỉ mới có hai mươi mấy năm thôi nếu chúng ta kể từ ngày chuyển thể của nó. Nhưng Thánh-Thể Đức Chí-Tôn và toàn thể con cái nam nữ của Ngài nên nhớ rằng: Đạo Tổ-phụ mấy người đã 2.500 tuổi. Phải nhớ điều đó!

Để nói rõ Thánh-ý của Đức Chí-Tôn đến mức nào và Ngài muốn gì? Giờ phút này cả toàn con cái của Ngài chắc có lẽ thắc-mắc vì vậy. Nội tình của Đạo gặp nhiều nỗi khó khăn, nếu chúng ta không nói rằng nó đã chịu một khó-khăn về mọi phương diện.

Nhưng đối với Bàn-đạo, Bàn-đạo thấy mỗi phen Đạo chịu khổ nhục, chịu khó khăn hay bị chê rẻ khinh khi thì Bàn-đạo lại vui mừng mới chường cho chó! Bởi mỗi phen như thế là mỗi phen Đức Chí-Tôn muốn rửa-ráy nó, tô điểm nó đến một địa vị cao trọng thêm nữa chứ chẳng chi khác. Cả con cái Đức Chí-Tôn đều tin nơi Bàn-Đạo để con mắt quan-sát coi có quả như vậy hay không?

Cái khó nổi đảm-đang đương nhiên bây giờ làm cho thêm nhục cơ-thể Đạo là sửa-soạn tô-diểm đặng một đài vinh-

diệu vô đối. Trong thời gian ngắn ngủi tới đây, nếu cả con cái Đức Chí-Tôn có đức-tin thì hiểu rõ điều ấy.

Trái ngược lại hễ mỗi phen đã gặp khổ-hạnh khó-khăn chi trong cửa Đạo thì nhớ lời của Bàn đạo: vui đi! mừng đi! Bởi chẳng hề khi nào trật điều đó. Để quan sát lại coi, rồi sẽ thấy cái vinh diệu của Đạo Cao-Đài sẽ đến mức nào trong thời gian sau đây” (14-10-Quý-Ty).

Nay là buổi mà nhân-loại đã văn-minh cực-kỳ về phương-diện hoá-học. Hầu như đã đi đến tuyệt đỉnh ước muốn về nhu-cầu đời sống của con người. Nhưng nếu được tiếp nạp nguồn văn-minh ấy từ người vào mà chính mình chưa có văn-minh từ trong tâm-hồn thật sự, thì e rằng mình chỉ học lấy bóng dáng bên ngoài mà thôi. Điều lợi-lộc ấy phải trả bằng giá đắt quá!

Ngay thời điểm Đức Hộ-Pháp còn sanh tiền, Ngài đã có nói về vấn-đề Văn-minh ấy.

1-Hai chữ Văn-Minh của thời-đại này

Đức Hộ-pháp nói:

(Bài 22-TLHS đêm 18 tháng 01 năm Kỷ-Sửu (15-02-1949)

“Toàn-thể con cái của Đức Chí-Tôn không có thể quyết-đoán nổi triết lý cao siêu trọng-yếu tấn-triển của phần hồn, nhưt là phương-pháp đoạt-vị của mình.

Còn một thuyết trọng-yếu nơi mặt thế này, làm cho các Đấng Chơn Hồn quả-kiếp biết bao nhiêu thống khổ, nhưt là giục thúc chiến-đấu tấn triển từ thử đến giờ, đã gây biết bao nhiêu tội tình đó là Văn-Minh 文明

Hôm nay Bàn-Đạo thuyết hai chữ Văn-Minh của thời-đại này.

Văn-Minh là gì? Lấy theo chơn-tự Việt-Ngữ tức nhiên Nho-Tông của chúng ta.

Văn 文 nghĩa là những lời lẽ, hoặc là văn-hóa hay văn-chương, những lời-lẽ mà chúng ta đã đoạt được của người khác hay của mình đặt ra.

Minh 明 nghĩa là minh-bạch rõ-ràng, sáng-suốt, lời lẽ minh-bạch rõ-ràng, đã giúp ta đoạt được những phương-pháp, để mà định quyết tương-lai hay là giữ tồn tại sự tiến triển trong kiếp sống của mình, hoặc là chúng ta dùng phương-pháp về văn tự, để lưu truyền ngôn-ngữ của chúng ta, dựng định một sự tấn triển của phương sống; hay phương-pháp sống của xã-hội, chúng ta đã định, chúng ta đã đoạt được, tức nhiên sự tiến-hóa tồn tại, bảo thủ với một phương-pháp văn-chương, đủ lẽ hay là giải-nghĩa bao quát của chữ Văn-Minh là Civilisation.

Chúng ta nên hiểu có ba nghĩa Civilisation, có thể tưởng rằng:

1- Một là tổng-số của sự tiến-triển về tâm-lý tức nhiên về chính lý, về khuôn khổ, về hình thức của sự sinh-hoạt con người đã đoạt được và lấy trí óc bảo thủ cho nó tấn triển thêm, tấn triển cho mỹ-mãn hơn nữa.

2- Thứ nhì là tổng-hợp các sự tấn triển của xã-hội, một quốc-gia mà họ đã đoạt được, họ muốn bảo thủ tồn tại, nhưng họ bị tư-tướng mới mẻ hay là những điều mới-mẻ do phương tiện của sự sanh-hoạt mới mẻ sản-xuất, giục thúc họ, dường như muốn khám phá những cơ-nghiệp của họ, đào tạo về văn-hóa của họ, về phương diện hạnh-phúc cho họ. Tư-tướng mới mẻ ấy, có thể bỏ ra, nếu cả đại-nghiệp của họ được, họ tìm phương bảo thủ cho còn tồn tại.

3- Thứ ba là phương-pháp của tinh-thần quyết thắng vật-chất, tức nhiên là những phương-pháp mà chúng ta không thể đè nén cả tinh-thần về thể-chất của hình thù ta, với cái trí óc ta vẫn biết Thiên-Liêng do Thiên-tánh, dựng làm cho người xứng đáng làm người, không hạ mình xuống tánh chất con thú.

Với ba nghĩa lý ấy, nghĩa lý nào chắc?

Nếu nói ba thuyết ấy chắc cả thầy ba, thì chúng ta nên nhìn nhận nghĩa lý sau chót hết là chánh-đáng, tại sao mà không có thể tưởng tượng rằng: Giúp cho loài người đến địa-điểm có thể tưởng là hạnh-phúc được.

Con người bây giờ có thể bay giữa không trung như con chim kia là máy bay, có thể lặn xuống biển được là nhờ máy móc, có thể không ở mặt đất mà lại ở trên mây, trên không khí Thiên-Liêng, nó không cần đi mà nó có thể chạy trên mặt đất, nó không cần bay mà nó có thể ở giữa lưng trời được, nhưng chưa phải đó là hạnh-phúc! Đó là theo cái văn-minh mà thiên hạ tưởng-tượng, có thể đào tạo hạnh-phúc cho nhơn-loại được, không phải theo ôm bó hay an ủi hoặc bợ-đỡ dựng mảnh thi hài đầy-đủ sung-sướng hạnh-phúc, hay nó giúp cho mảnh thi hài này tưởng-tượng mình không còn một lực-lượng nào đối phó với mình. Tưởng hạnh-phúc thực sự, nhưng chưa phải là thật hạnh-phúc của họ vậy, hạnh-phúc thiệt không phải là phân xác, hạnh-phúc thiệt của con người là phân hồn.

Chúng ta đã ngó thấy biết bao nhiêu vị Vương-Đế đã tạo giang-san sự nghiệp, từ thượng-cổ đến giờ ai không tưởng đến: "Tứ hải vi thiên hạ chi giao", lấy hạnh-phúc của một Đấng làm Chúa cả các dân-tộc khác, mà so sánh dám chắc nếu chúng ta dờ lịch-sử ra coi thì chúng ta để dấu hỏi mơ-hồ họ chưa có thể chắc hạnh-phúc được.!

Trái lại chúng ta thấy một tấn tuồng: "Hễ càng cao danh-vọng lại càng dày gian-nan". Nếu họ không thỏa-mãn về tâm hồn thì không phải là hạnh-phúc! Dầu sang trọng, sung sướng cách nào cũng chưa gọi là hạnh-phúc được, không phải tâm hồn thỏa-mãn thì không phải là hạnh-phúc thật.

Con người bao giờ cũng vậy, đi tìm hạnh-phúc chớ không phải tìm ăn, tìm sống, nhờ sống cho họ sang cả vinh-hiến phủ-phê thỏa-mãn, ấy là về phân xác của họ mà thôi. Dám chắc chúng ta đoạt được dấu hạnh-phúc ấy hiện hữu, chúng ta thấy một vật vi hậu, con người bao giờ cũng vậy, thân-thể của họ sung sướng bao nhiêu đi nữa chỉ hai ba ngày đầu thôi, còn

thứ-vị đến năm ba ngày sau họ nhâm-nhí. Hễ họ đoạt được hạnh-phúc về phần xác, dầu cho họ đoạt được đến địa-vị bực nào đi nữa cũng không thỏa-mãn, cái hạnh-phúc không phải do nơi xác thịt này mà sung sướng hay vinh-hiến.

Ấy vậy, văn-minh tạo hạnh-phúc cho loài người về phần xác là đời, chẳng khác nào như ngọn cỏ đầu sương, bất quá là lèo con mắt cho thiên-hạ mà thôi, chớ chưa thỏa-mãn. Họ tạo dựng không phải tồn-tại, không phải vinh-hiến.

Cái thuyết của văn-minh là cái phương-pháp giúp cho con người biết duy-chủ con vật của mình, mà điều-độ sự sống còn tồn-tại nơi mặt thế này. Sống tạm tại mặt thế này làm cho họ thỏa-mãn đặng điều-độ mảnh thi-hài, hay thể-chất này thôi, duy có tinh-thần đạo đức mới đặng.

Một lần nữa, giải thật nghĩa hai chữ Văn-Minh:

Văn là quyền hạn, Minh là sáng-sủa đạo-đức. Nếu Văn-Minh mà thiết-tướng được, là thực-hiện một nền Tôn-Giáo cao siêu tại mặt thế-gian này mới thiết hạnh-phúc. Về phương-pháp Đạo-Đức mới thật hạnh-phúc”.

Cái hạnh-phúc thật sự phải được lập trên thân danh của mỗi người!

2- Phương pháp lập thân danh.

(Đức Hộ-Pháp Thuyết Đạo tại Đền-Thánh, đêm 14-11 Giáp-Ngo)

“Đêm nay Bản-Đạo giảng cho đám Thanh Niên Nam Nữ lưỡng-phái. Có lẽ giảng hơi dài, đừng vì lẽ mệt ngồi ngủ gục, hãy cố lắng tai nghe:

Bản Đạo giảng phải lập thân danh thế nào và căn bản nào? Và chẳng sanh nơi thế kỷ 20 này. Bản-Đạo thường nói: Cái phương sống của con người là tranh-đấu cố gắng đem cả trí não khôn-ngoan đặng bảo-vệ sống còn của mình. Có lạ chi, dầu muốn, dầu không, dầu thuận từng hay là nghịch. Hối kiếp sanh của mình đã rui sanh làm người rồi, thân của chúng ta ở giữa vạn-vật là vật hữu sinh cũng như cả vạn-vật kia vậy. Có

thân, có phận thì con người của ta phải lập thân-phận thế nào? Bởi thế bậc hiền triết thường nói:

“Đã sanh ra đứng trong Trời Đất,

“Phải có danh gì với núi sông”.

Nếu con người không nên danh-phận chi hết, dường như tinh-thần của họ thiếu phận làm người. Cái sống buộc ta phải sống chung cùng vạn vật, ta phải khôn-ngoan khéo léo, biểu ta sống đặng chi? Đặng làm gì?

Ta đã đồng sinh cùng vạn vật, tức nhiên giữa khối sinh lực của ta đã xuất hiện ra, tức nhiên ta là một phân-tử trong khối sinh-lực của toàn thể chúng sinh. Ta có phận-sự phải bảo vệ cái sống ấy. Không có quyền diệt cái sống hay là nghịch với cái sống. Tỷ như mặt hồ kia đầy nước, mà nếu ta múc nước trong hồ ấy ra thì hồ đầy ấy sẽ vơi một phần.

Ấy vậy, ta sống, ta chịu nợ của cái sống. Sống chung cùng cả bạn đồng sanh, chúng ta phải làm thế nào cho sự sống ấy tồn-tại hiển-hách mãi thôi. Ta không có quyền phép nào, quyền hành nào làm mất cái sống ấy, tức nhiên không quyền diệt sự sống.

Hại thay! Chúng ta phải hiểu rõ rằng: Sống đây không phải thú vị, vui hứng gì, mà sống đây buộc chúng ta phải tìm phương giải-thoát khỏi sống ấy. Đương nhiên bây giờ ta vẫn sống, ta không thể chối cãi là ta đã chung sống cùng bạn đồng sinh của chúng ta là phải lập thân danh đặng bảo vệ sống ấy.

Vì muốn bảo vệ sống ấy mà Tiên-Nho của chúng ta để lại thuyết: "Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ".

Tu thân là gì? Là trau-giồi mình: biết mình, biết người, biết vạn-vật đặng định phận của mình. Ta không thể ngu-muội, ta phải làm sao cho khôn-ngoan ấy nhờ tu thân. Tu thân ấy căn-bản là gì?

Dầu cho thiên kinh vạn điển đi nữa, cốt yếu một điều là tạo tâm-đức của ta và dùng cái tình-ái của ta cho có khuôn

khổ, có niềm luật, qui định một căn bản chắc chắn là tu thân đó vậy.

Ấy vậy, nó chỉ có bấy nhiêu, chúng ta tầm hiểu rằng: Muốn định phận của mình, muốn tạo công danh của mình phải do căn bản tình đức. Nếu trái lại do nơi thời may, hoặc là hung bạo, hay là xảo trá, gian lận những điều ấy đều giả dối hết.

“Quan tiền vũ hậu”, ta thử xem xét coi cái sống đương nhiên của bạn đồng sinh, họ đã hành vi và thi thố điều gì? Dầu cho tên Đạo Chích kia nó là kẻ cướp, kẻ hung bạo, mà nó chưa hề dám từ bỏ Tam Cang Ngũ Thường của nó, kẻ hung bạo dối trá chừng nào, càng ép mình trong khuôn khổ tình đức chừng ấy. Họ mượn màu tình ái dặng lợi dụng lòng gạt thiên hạ mới dặng. Nếu đi ngược chiều tình đức thì chẳng hề làm lớn với ai được.

Kẻ cướp, kẻ hung bạo, tàn ác, nó muốn làm anh chị thiên hạ, nó muốn mượn màu tình đức ấy, hơn nghĩa ấy cho tới tận cùng, gạt thiên hạ, thiên hạ theo mới dặng.

Trái ngược lại, đối với người đã đoạt được khuôn viên tinh thần tình đức ấy, do nhiên tự nhiên nó có, chẳng cần kiếm, nó có sẵn hiển nhiên.

Từ cổ chí kim, chúng ta dờ lịch sử của hơn loại, chúng ta ngó thấy rõ ràng điều ấy: Bất cứ thời buổi nào vị anh hùng nào quán thế, ở thế gian này muốn lập thân danh phải mượn màu tình đức ấy. Bản Đạo chỉ cho ngó thấy, nếu một tướng cướp muốn làm Chúa thiên hạ, râu thiên-hạ trong tay, phải lấy tình đức đối đãi với kẻ bộ hạ mới râu cả xương máu của họ dặng tô điểm địa vị của nó.

Trái lại nương nơi hung bạo lập nghiệp như Sở-Bá-Vương, như Tần-Thủy Hoàng kia thì nó phải tiêu hủy cả cơ nghiệp.

Bản-Đạo đã ngó thấy một điều, nếu để tâm quan sát kỹ hơn nữa, hề có tình đức chắc chắn, thì chẳng cần tìm, công-

danh cũng tự nhiên đến, dầu đến với phương diện nào nó cũng tìm đến.

Tích xưa, một bậc Hiền-triết là: Nguyễn-Hiến là học trò yêu của Đức Khổng Tử lại là anh ruột của Đạo Chích. Thầy Nguyễn-Hiến, Bản-Đạo thuật ra cả thầy con cái Đức Chí-Tôn thấy người như thế không có người thứ hai nữa.

Buổi nọ Thầy Tử-Cống đi xe bốn ngựa mặc áo lông cừu đi ngang qua nhà Thầy Nguyễn-Hiến. Thầy Nguyễn-Hiến nghèo đến nỗi nhà lợp bằng cỏ tang, vách làm bằng cỏ du. Nghe Thầy Tử-Cống đi ngang qua lật-đật ra chào đón, lấy áo mặc vô, vải áo rách; xỏ chân vô tới giày, giày thủng gót; đội mào buộc không nhịp, ra đứng giữa đường đợi Thầy Tử-Cống. Thầy Tử-Cống đi xe ngang thấy Ngài đứng bên đường, Thầy để lời than:

- Ôi! Ngài không nghĩ đến công-danh ư?

Thầy Nguyễn-Hiến trả lời:

- Thầy xưa có nói: Kẻ biết Đạo dù nghèo cũng không nghèo tức nhiên không làm quan, ấy là kẻ không mờ. Biết Đạo không giữ Đạo là kẻ bịnh. Tôi chỉ là kẻ không mờ, chớ không phải kẻ bịnh!

Thử coi Thầy Nguyễn-Hiến nói ai bịnh? Phải chăng Thầy Tử-Cống bịnh?

Công danh mà chi, tới hôm nay nhắc đến công-danh, Thầy Nguyễn-Hiến là người hi hữu danh cần gì cao trọng như hàng phẩm của vị Thủ-tướng trong triều đình hay là vua, chúa mới lưu lại danh phận mình.

Ông Vua Nghiêu không muốn truyền ngôi cho con mới tìm hiền, lúc chưa gặp Ông Thuán, nghe Hứa-Do là người có tài đức mới cho người dời Hứa Do đến triều.

Vua Nghiêu nói: Trẫm nghe người tài đức lớn, vậy Trẫm muốn nhường ngôi cho người thay Trẫm làm Chúa thiên hạ?

Hứa-Do trả lời:

“Tiêu-liêu sào lâm bắt quá nhứt chi, yển thử ẩm hà bát quá mẫn phúc” Nghĩa là con chim tiêu liêu ở rừng chỉ làm ổ trên một nhánh cây, con yển thử xuống giòng sông uống nước chẳng qua đầy bụng. Kẻ hạ thần đã quen thú an nhàn, cách sống riêng biệt. Bệ-hạ muốn nhường ngôi cho kẻ hạ thần cũng vô ích.

Nói xong bỏ ra về. Khi đi ngang qua nguồn nước mới lum-khum xuống rửa tai cho hết vẩn-vít vì nghe thiên hạ nói muốn làm vua kỳ quá.!

Ông Sào-Phủ là người giữ trâu thối, dắt trâu xuống giòng nước cho uống, thấy Hứa-Do lum khum rửa tai. Sào-Phủ hỏi:

- Anh làm chi rửa tai vậy?

Hứa Do mới thuật lại: Vì vua Nghiêu muốn truyền ngôi cho làm vua, tôi không muốn vẩn vít trong lỗ tai nữa.

Sào Phủ nói:

- Anh làm gì cho thiên-hạ biết Anh là Hiền-đức muốn truyền ngôi cho Anh, nếu người ta biết Anh là Hiền đức, tức nhiên Anh đã muốn làm cho người biết; chắc chắn hơn nữa là tại Anh tỏ cho thiên hạ biết Anh là Hiền đức. Anh đừng tỏ cho thiên hạ biết Anh là Hiền đức, thì ai biết Anh đâu mà nhường ngôi, cần chi phải rửa tai. Sào Phủ nói xong liền dắt trâu đi lên trên dòng nước cho uống.

Hứa-Do lấy làm lạ hỏi:

- Bẩn ở đây sao dắt trâu lên trên kia cho uống?

Sào Phủ trả lời:

- Vì sợ Anh rửa tai trôi ra, trâu Tôi uống nhảm. Đó là công danh của kẻ Triết hiền.

Ta thử ngó lại nước Việt Nam ta từ cổ chí kim, kẻ lập thân danh biết bao người mưu kế quỷ quyệt như Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc đã lập ra một cơ quan vĩ đại là khối Tây Sơn. Trịnh gia gian xảo thế nào thì Tây Sơn gian xảo cũng thế. Trịnh phò Lê diệt Nguyễn tức nhiên phò Lê đặng mượn danh nhà Lê

đặng diệt Nguyễn, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cũng thế mượn màu phò Lê đặng diệt Trịnh.

Chúng ta thấy gian xảo bao giờ cũng nương theo tình đức, lợi dụng tình đức đặng lập thân danh. Những mưu kế xảo quyệt chẳng hề khi nào bền-bĩ lâu dài đặng. Thân-danh dầu lập bao nhiêu cũng không thể tồn tại. Lịch sử của nước Việt Nam để trước mắt cho chúng ta ngó thấy.

Bây giờ nói chuyện nước Tàu, kẻ lập đế vị bền vững được 800 năm là họ Lưu. Lưu Bang bắt quả là một anh Đình Trưởng, tức nhiên là anh đưa đồ vậ thối, mà thâu phục được lòng dân, ru ai dân, binh vực kẻ yếu, đương đầu với kẻ mạnh, tức nhiên lúc yếu của mình mà dám đương đầu cùng Sở Bá Vương cứu trăm họ lê dân trong nước lửa. Lấy tình đức làm căn bản lập Hớn-thất giang san của Ngải được 800 năm.

Còn như Sở Bá Vương dùng bạo tàn dựng nên cơ nghiệp chỉ một đời thối. Từ cổ chí kim chưa một Đế Vương nào để di tích cho bằng Tần Thủy Hoàng, nhưng đào tạo nên bởi hung tàn bạo ngược, chỉ ba đời thối.

Napoléon 1er vẫn là một người thương dân trong hàng lê thứ, đi từ tên lính lên tới Đế vị rồi, biết bao nhiêu vinh diệu cho nước Pháp thọ hưởng.

Hại thay! Tới chùng lên Đế vị rồi, phong hầu, phong bá (Công, Hầu, Vương, Bá) cho cả hàng tướng sĩ của Ngải, tới trận Waterloo những kẻ sang trọng trở nên nhát nhúa mất chí khí anh hùng nên Ngải phải thua. Cả tướng sĩ đã lập nên Đế vị cho Ngải sau khi chỉ còn Ông Nai còn biết tình của Ngải, còn bao nhiêu đều phản phúc. Lợi dụng tình đức ấy nó chỉ là bóng dáng giả dối. Cả cơ nghiệp dầu đào tạo mạnh mẽ liệt cường cao trọng cũng như giọt sương trên ngọn cỏ chẳng hề khi nào bền vững được.”

Thánh-ngôn Thầy có dạy rằng:

“Cơ Trời màu-nhiệm, đối với đời, mà máy Thiên cơ đối với Đạo, lại càng huyền-vi thậm-trọng hơn nữa, có lẽ tâm

phàm dầu cao-kiến đến đâu, cũng chưa đạt thấu được. Những vai tuồng của Chí-Tôn sắp-đặt trên sân khấu Đạo, nếu so-sánh lại cũng chẳng khác chi những bậc nguyên nhơn lãnh phận-sự đìu đời từ xưa đến nay mà thôi.

Muốn an tâm tĩnh trí và đề nén lửa lòng, cần phải có một nghị-lực vô-biên, một tâm-trung quảng-đại, thì mới khỏi bực-tức với những trò đã vì mạng-lịnh Thiêng-liêng phô-diễn ở nơi thâm-hiểm nặng-nề này. Nên biết rằng, mỗi việc chi đều có hạn định, có căn-nguyên, dầu các bậc tiên bối cũng vậy. Phải lấy nét đạo-đức mà đoán xét, thì mới hiểu thấu sự mâu-nhiệm vĩ-đại của Chí-Tôn sắp-đặt.

Xưa Hồn-Bái-Công chưa phải là chánh-đáng một vị Minh-Quân, mà cơ Trời vẫn để cho nghiệp Hồn ba trăm năm quyền-bính. Nào tạt đó hiền-tài, hữu thi vô chung, nghe lời sàm tấu, giết người lao công hạn mã, nếu chẳng phải chí của Trương-Lương thì không thể nào khỏi xung-tâm oán-trách. Võ-Tắc-Thiên hoang-dâm thái-thậm, Tỳ-Dương-Đế lỗi Đạo muôn phần, khi Sở Hạng bạo ngược vô biên, Tần-Thủy-Hoàng hôn-quân cực-điểm, nhưng, than ôi! Máy Thiên-cơ buổi nọ nếu phải chịu chuộng một ít vị công-thần bị khệp vào vòng những kẻ đã chịu sở bực, thì phải thay-đổi, bôi-xóa sự-nghiệp non-sông của những Chúa tế ngu-muội ấy chăng? Cười...

Đời là Đời, Đạo cũng vậy, chi chi cũng có định phân mực-thước. Những kẻ chí-sĩ lãnh trách-nhậm nghiêng vai gánh vác cả non-sông, đều làm phận sự, công nghiệp nhiều ít ấy, tính lời vốn với Tòa Thiêng-liêng, hoặc ghi tên tuổi vào thanh-sứ thiên-niên, chớ chẳng phải để kể công-trình với Chúa-tể ấy.

Than ôi! cái mư giận thường làm đổ-nát những công sáng tạo đã qua, không biết bao nhiêu vĩ-đại.

Hiền-hữu chỉ biết hành-động của người, mà chưa biết đến Thiên-thơ của Đức Chí-Tôn. Có biết thanh-suy, mà chưa chịu biết để công-linh đào-tạo thời-thế, dựng đìu-dắt chúng sanh cho kịp buổi.

Bần-Đạo hỏi bốn Hiền-hữu có ai đã mang sao đội nguyệt, ăn mật nằm gai, chịu muôn sự khổ-hạnh cõi đời để tạo hạnh-phúc cho nhơn-sanh chưa?

(T... Đ... bạch.....)

Cười... Đối với bực Hiền xưa, chưaặng muôn một nếu Chí-Tôn không lập sớm Đại-Đạo, chờ đôi ba chục năm nữa, e khi các bậc nguyên-nhơn đang vị hiện-thời, đều phải chịu luân-hồi không biết mấy kiếp” Thái Thượng Đạo-Tổ: 16-7 giáp-Tuất (1934)

Đức Hộ-Pháp nói tiếp:

Cả con cái Đức Chí-Tôn, Thiên-phong, Chư Viên quan quyền Đạo và Đời, các em Nam, Nữ.

Mấy em đãặng ân Thiêng-liêng ban thưởng do lòng đạo-đức của mấy em, nên mấy em được hưởng sự vinh dự hôm nay là lập một sự nghiệp hữu hình cho thiên hạ.

Qua nhớ lại khi Đức Chí-Tôn vừa đến tức nhiên năm 1925 khi đó trong các Môn Đệ của Ngài, Qua chẳng biết mỗi người đã lãnh sứ mạng đặc biệt riêng nhau làm sao! Đức Chí Tôn đến với họ một cách riêng biệt thế nào Qua không hiểu. Chỉ Qua biết phận sự của Qua là Đại Từ Phụ giao phó với một lời yếu thiết như thế này:

- Tắc, Đời quá khổ chẳng phải khổ về xác thịt mà thôi, mà lại khổ đến tinh thần nữa, nạn của nhơn loại tương tàn tương sát sắp đến. Thầy giao cho con một cây Cờ Cứu Khổ, chẳng phải cứu khổ tinh thần mà thôi, lại lẫn cả thể xác nữa. Trọng hệ hơn hết là điều ấy Thầy giao phó cho con, nhưng mà con phải hiểu: có khổ về tinh thần mới biến sanh ra khổ của thể xác.

Thầy nói rõ Thầy giao cho một gánh Đạo và Đời. Thật sự ra Bần Đạo xin thú thật, gánh của Đạo chẳng hề khi nào làm cho Bần-Đạo khùng khiếp. Duy có gánh của Đời Ngài giao phó nó nặng nề hơn hết.

Mấy em Nam, Nữ nghĩ coi; một lời tiên tri trước kia nó hiện tượng hôm nay ra thế nào, mấy em biết cái quyền linh vô biên của Đấng cầm quyền thưởng phạt vô hình nó mạnh mẽ và chon thật thế nào? Bởi có cho nên khi Đạo mới phô thai thì các quỷ quyền toan diệt Đạo. Buổi sơ sanh Đạo yếu ớt, bạc nhược, ngu dại, dốt nát thế nào, nên bị nó giục cho thiên hạ dùng cả năng lực quyền hành của mình toan tiêu diệt cho kỳ đặng Đạo. Hồ đồ mưu chia rẽ làm cho trong Thánh-Thế của Đức Chí-Tôn phải ly tán, Anh nghịch Em, Em bất hòa với Anh, cả nền Đạo chinh-nghiêng đảo ngược.

Gánh một chức vụ Hộ-Pháp cầm cả Luật Pháp của Đạo, không lẽ Qua ngồi ngó đặng chịu tội cùng Đức Chí-Tôn. Qua phải tìm phương giải quyết đem chữ Hòa của Đức Chí Tôn muốn ấy đặng làm căn bản. Bởi có cho nên mới sản xuất ra Phạm-Môn và Qui-thiện.

Thiên hạ nói Qua lấy Tộc Qua là Phạm, tức nhiên lập cái đảng-phái cho họ Phạm.

Qua hỏi: Thiên hạ đã tuyên-truyền dối trá ấy đặng đánh đổ cả uy-tín của Qua như thế nào, Qua chưa hề trả lời cho ai hết, dầu cho quyền hành buổi nọ rất mạnh-mẽ đòi phen đem đến Luật hình, mà chính mình Qua cũng chưa nói cho họ biết nghĩa lý Phạm-Môn là gì?

Hôm nay mấy em biết chưa?

Có lẽ phần nhiều mấy em đã biết, Phạm ấy là Phật, Phạm Môn là cửa Phật, nói rõ hơn nữa là cửa Tu Chơn của Đạo, cửa Bảo-thủ Chơn Pháp của Chí-Tôn. Còn Qui Thiện thế nào Qua chưa nói ra cho thiệt tướng.

Thiên hạ đều hung bạo, vì lẽ hung bạo làm cho anh nghịch em, em hận anh, trong cửa Đạo không có một vẻ chi là Đạo hết. Lập trường Qui-thiện là cốt yếu đem lòng lành của toàn thể con cái Đức Chí-Tôn hiệp nhưt cùng nhau làm một đặng bảo thủ Chơn Truyền của Đạo.

Buổi đầu tiên nó sản xuất tại nơi Mỹ-Tho, Qua lập "Khố Hiền Trang" mấy em biết hai chữ Khố Hiền ý định Qua thế nào không? Trong bảy mươi hai anh em chung sức cùng nhau mà làm đầu trường Qui Thiện ấy là Đinh Công Trứ vẫn là một trong đó vậy. Nhờ cả sự giáo hóa của Qua cái nghĩa lý tối yếu, tối trọng của Chơn Pháp Đức Chí Tôn Qua giao lại cho nó, để làm thế nào cho thiên hạ hết thống khổ về tinh thần lẫn vật chất. Sự biết Đạo của Đinh-Công-Trứ là vậy.

Tướng cũng như Qua đã bị các nạn-nhân của các lực lượng quyền Đạo luôn quyền Đời.

Buổi nọ thiên hạ tuyên-truyền dối trá thì Đinh-Công-Trứ cũng bị nạn ấy. Qua đã bị thiên hạ chê là lo Đời hơn lo Đạo, thì Đinh-công-Trứ cũng vậy, thiên hạ nói nó cũng như Qua lo Đời hơn lo Đạo.

Mấy em ôi! Trong buổi phong ba bão táp, nhơn loại ở trong sông mê bể khổ, một con thuyền Bác-Nhã chưa tạo thành đặng độ-rỗi họ, ít nữa mấy em cùng Qua cố gắng tạo cho thành đặng cứu vớt khổ não của họ đặng bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Thiên hạ thấy mấy em khổ-não, cái khổ ấy nó đã làm cho Qua đổ biết bao nhiêu giọt huyết lệ từ khi mới biết Đạo.

Tân-Dân-Thị chính của mấy em tìm phương chui đục, tìm phương giải khổ cho mấy em. Mấy em được hạnh phúc hay chẳng là do lòng đạo đức của mấy em. Qua còn sống đây thì Qua cũng lo tạo dựng mây may hạnh phúc cho mấy em. Tạo hạnh phúc ấy chỉ có một đường lối duy nhưt là Qua làm sao cho mấy em giải khổ, phận sự Thiêng Liêng của Qua là vậy.

Trong Bí-pháp Qua viết chữ Hòa, nơi Tân-Dân-Thị nhờ chữ Hòa mà thêm lòng yêu ái. Qua gởi hai chữ Hòa-Ai nơi lòng của mấy em đó vậy. Qua cầu xin mấy em có một điều là chung sức cùng nhau đặng tạo hạnh phúc cho nhau mấy em đã có sẵn tình đức của Đức Chí Tôn đã đến trong ba chục năm nay thôi, chỉ trong ba chục năm hưởng được đặc ân của Đại-Từ-Phụ đã đến tạo cả tâm hồn mấy em. Tình đức trong Đạo ấy, mấy em tu thân dễ quá chừng quá đổi. Tu thân mấy em là làm

nền móng vững chắc dựng lập công danh, đừng ngó ra ngoài những giả dối đó mà cho là sự thật. Chưa có thật đâu mấy em. Đứng trong cửa Đạo nương tình đức lập thân danh. Qua dám nói chắc cả con cái Đức Chí Tôn Nam, Nữ để ý, do căn bản tình đức ấy chẳng hề khi nào hư, nếu Qua không nói mấy em ngồi trên đầu thiên hạ.”

Với tinh-thần ấy, với tình đức ấy, hỏi vậy các bậc tiền bối, nhất là Đức Hộ-Pháp, đã phơi gan trải mật lo cho nền Đạo như thế này là do động-lực nào đã thôi-thúc mà phải chịu đắng cay đường ấy? Phải chăng từ trong trái tim yêu-ái, trái tim yêu-thương xuất phát từ trong bản nguyên của đức tánh TRUNG HIẾU NGHĨA mà ra? Thử tìm hiểu xem nguồn phát xuất ấy.

3- ĐỨC TÁNH TRUNG HIẾU NGHĨA.

Đức Hộ-Pháp thuyết tại Đền-Thánh

Thời Tý mồng 6 tháng 7 năm Mậu-Tý (dl. 10-08-1948)

“Đêm nay, Bản-Đạo giảng ba chữ **TRUNG HIẾU NGHĨA**, bởi vì Trung, Hiếu, Nghĩa là biểu hiện một chơn tánh của linh hồn cao trọng.

Nhà Nho nói: **Tánh tự tâm sanh 性似心生**.

Đó là lý thuyết của Đạo Nho, chỉ biết có một điều là ta quan sát có thể thấy hiện tượng mà tả trạng hình được, vì Đạo Nho chưa phải là một Tôn Giáo huyền bí.

Còn Đức Chí-Tôn đến dạy ta biết rằng tánh là chơn tướng của chơn thần, còn tâm là chơn tướng của chơn linh. Chí-Tôn dạy: Tánh của mỗi chúng ta là hình thể thứ nhì của ta. Hình thể thứ nhất là Tâm tức là chơn linh, thứ nhì là tánh tức là chơn-thần, thứ ba là xác phàm thú chất này. Chí-Tôn hỏi: Tại sao từ trước đến giờ theo triết lý Đạo Nho lấy nghĩa "Tánh tự tâm sanh" mà tả ra?

- Bởi vì nó có liên quan mật thiết cùng nhau. Trong tâm mình như thế nào xuất tánh ra y như vậy. Nhà Nho thấy hiện tượng mà đặt tên, còn Chí-Tôn chỉ rõ cho biết: Chơn thần cũng

tán bộ như chơn linh. Mỗi cá nhân đều có hai năng lực ấy có đủ quyền năng đào tạo ra hình hài xác thịt của ta. Một chơn linh cao trọng tự nhiên có một chơn-thần cao trọng, bởi cả hai vẫn đi đôi đồng đường với nhau, cùng tấn triển trong con đường Thánh-đức của Chí-Tôn. Cả hai có liên-quan mật thiết, nên hề chừng nào đạt pháp đặng có đủ quyền năng định vận mạng, nghĩa là nó đã tấn tới đúng mức rồi, dầu quyền của Ngọc-Hư-Cung cũng không còn lãnh hội nó nữa.

Quyền tự chủ đã đạt đặng như các cơ quan hiển vi tấn triển tới mục-đích, tới giới định hiển nhiên ta thấy nơi mặt thể đây vậy. Trong Đạo-giáo của Đức Chí Tôn trích ra một hạng Tiên, không còn chịu quyền của Ngọc-Hư-Cung định luật. Họ tự làm chủ họ, tự dùng quyền-năng đặng đào tạo xác thân của họ, tạo y khuôn khổ họ đã muốn.

Họ tự vi chủ mà tạo hình thể ấy, bằng chẳng vậy thì con thú là xác phàm của họ, sẽ lôi kéo ràng buộc, phản lại họ, làm cho họ phải đọa lạc. Còn như con thú này không còn quyền lôi kéo họ được thì họ mới đủ quyền-năng vi chủ nó mà dục tấn trên con đường tận thiện tận mỹ, toàn tri toàn năng mà họ đã định đạt đến cùng tận sở-hướng.

Chơn thần là đệ nhị xác thân tạo hình bằng ngưng khí của bảy tầng thiên. Bỏ Tạo-Hóa-Thiên là tầng thứ chín, linh hồn đến tầng thứ 8 trụ thân quyết định đến thế gian này làm việc gì, kể từ tầng thứ 7 mới tạo xác thân. Ta chia 7 tầng làm 7 phách, Đạo Giáo nói là 7 cái thi hài hữu tướng, 6 cái thuộc về khí chất, cái thứ 7 là xác thú này đây.

Bảy tầng có liên quan lạ lùng với thất tình, tầng thứ 7, 6, 5 là ba tình: Ai, Hi, Lạc; tầng thứ tư là Dục; tầng thứ ba là Ái; tầng thứ nhì là Ó; tầng thứ nhất là Nộ. Tới tầng chót này thì xác thịt là hiện tượng của Nộ giác.

Ấy vậy, Bản Đạo chỉ rõ rằng ba tánh đức **Trung, Hiếu, Nghĩa do ở tình ái, phát hiện đó là cái tình độc nhất có liên quan mật thiết với chơn linh**. Ta thấy con nít sơ sanh, thi hài chưa biết vi chủ, nó chỉ sống với chơn linh mà thôi.

Khởi đoan nó chỉ biết thương mến những kẻ gần-gũi như cha mẹ; còn Chơn-thần để gìn giữ nó, cho nó biết tìm cái sống, bảo tồn sanh mạng. Thật ra theo Đạo Pháp, con nít từ 12 tuổi mới bị chịu ảnh hưởng của xác thịt, còn dưới 12 tuổi xác thịt chưa có quyền.

Ba tánh đức Trung, Hiếu, Nghĩa thuộc quyền năng của ái tình mà ra nên gần-gũi với chơn linh lắm, đến đời ta thấy hình trạng nó như kẻ sơ sinh kia vậy.

Bản-Đạo vừa nói Trung, Hiếu, Nghĩa do nơi tình ái xuất hiện ra tướng diện, nên nó gần Thánh, một khi giải thể rồi lên tầng thứ 7 là chắc-chắn được giải thoát, đạt vị, bởi nó gần với Thánh.

Tại sao Trung? Tại tình ái cao thượng dồi dào đối với quốc dân nòi giống lên đến nhiệt độ, nó quá vĩ đại. Nếu ta thấy một vị công thần liều mạng sống đặng bảo vệ cho quốc dân, trung ấy chưa phải là trung với vua, mà trung với nước chớ! Có điều vua là tượng trưng cho nước, nên trung với vua tức là trung với nước. Mà có trung đặng là vì quyền năng ái chủng, ái quốc nuôi trong tinh thần nhiệt liệt, nên tình ái ấy vì chủ tinh thần, cho nên ta thấy có kẻ vì trung dám hy sinh tánh mạng được là vì vậy.

Tới Hiếu. Tại sao có Hiếu? Bởi các chơn hồn sáng suốt cao siêu đã có sẵn hai điều hiếu:

- Hiếu với Đấng Tạo-đoan của chơn-linh.
- Hiếu với Đấng Tạo-đoan của chơn thần.

Bởi có hiếu trước với hai Đấng ấy, biết trọng hai quyền năng tạo hóa Chơn linh và Chơn-thần thì tự nhiên phải biết nhìn Đấng tạo hóa hình hài của mình đồng thể chớ. Tâm hiếu tự nhiên mà xuất hiện vì nó có sẵn, mà hệ có sẵn tâm hiếu tức nhiên phải là chơn-linh cao trọng thấu-đáo được nguyên do đâu mình đến và là con của ai?

Đã hiểu rằng mình có hiếu với Đấng tạo sanh Chơn linh và Chơn thần như thế nào rồi, thì đến hiếu với Đấng tạo sanh

hình hài đã sẵn có rồi vậy. Nên, hiếu không thể dạy được: hoặc có hiếu, hoặc không có hiếu mà thôi.

Bây giờ tới Nghĩa. Tại sao ta có Nghĩa? Tại sao Nghĩa lại hiện tướng trên tánh đức của một chơn linh cao trọng?

Nơi cõi Hu-linh mỗi người có một gia-tộc, một đại-nghiệp, anh em đông biết bao nhiêu. Bản Đạo xin nhắc lại câu này cho toàn cả hiếu điều yếu trọng: Chẳng phải vì sự tình cờ mà chúng ta được chung đứng trong lòng của Đức Chí Tôn ngày nay đây.

Biết đâu trong 24 chuyến thuyền Bác-Nhã chở các Nguyên-nhân hạ trần đặng làm bạn và độ rỗi các Hóa-nhân và Qui-nhân, lại không có chúng ta ngồi chung trong đó. Đã từng chia đau sót khổ cùng nhau chẳng những trong thế giới này mà trong các thế giới khác nữa. Đã từng chung sống cùng nhau, cái thâm tình vĩ đại đã nhiều. Nếu cả thấy không nhớ lời này của Bản-Đạo, đến khi linh hồn xuất ngoại rồi, sẽ ân hận biết bao nhiêu mà chùng ấy đừng trách Bản-Đạo không chỉ trước. Không thương yêu nhau cho trọn nghĩa là lỗi tại mấy người đa! Chớ không phải tại Bản-Đạo không nói.

Ban sơ, nơi cõi Hu linh, thọ nhứt điểm linh đến thế này tạo ngôi vị, làm bạn với biết bao nhiêu chơn-linh khác, dầu nguyên do của mình là thảo mộc hay thú cầm cũng phải có nhiều bạn, chùng nào đạt đến địa vị mới biết bạn nhiều. Người nghĩa ta có nhiều ở mặt thế này, lo tìm người nghĩa đặng tương liên cứu hiệp tâm tình trong cánh khổ nã, truân chuyên chịu hình thử thách này.

Tìm mà vẫn lo ngại sợ làm, bất kỳ gặp ai, dầu là kẻ thù cũng tưởng là người nghĩa, nếu rũi ở bất nghĩa cùng nhau, về cõi thiêng liêng sẽ hổ-thẹn hối hận muôn phần. Đối với nhơn loại ta đã sẵn có cái đại nghĩa đó, đi tìm nghĩa tức là đi tìm bạn, dầu nơi cõi hu linh hay tại thế, đại nghĩa vẫn còn lưu lại, ta không từ chối được, cho nên hệ đi tìm nghĩa thì không còn phân biệt ai là người nghĩa, ai là người thù. Hỏi ta tìm nghĩa ở

đâu? Trước nhứt tìm thân tộc anh em sau mới ra toàn thiên hạ được.

Bản Đạo kết luận: Trung, Hiếu, Nghĩa là ba tánh chất của một vị Thánh, vì có nên Tiên Nho buổi trước tâm hiền thì duy lựa trong ba tánh đức đó mà tìm thì ắt tìm đặng không lầm. Tại mặt thế này, thảng ta có gặp người như thế tức ta quyết đoán chắc hẳn là chơn linh cao trọng, chớ không phải người hèn hạ phàm phu, trái lại, kẻ nào phi ân, bạc nghĩa, bất hiếu, bất trung, là chơn linh hạ tiện đi lần đến hoàn cảnh thú hình và thú tính mà chớ”.

Đây là cái bản nguyên, cái vốn của Tâm hồn dân tộc VIỆT-NAM là vậy.

Còn tâm-lý chung của nhân sanh thì sao? Hồn thiêng sông núi cũng như cái dòng máu hào-hùng của dân tộc để lại trong tâm hồn Việt-Nam trong thời buổi này như thế nào? Tâm hồn dân tộc vẫn được lưu-truyền cái nòi anh-phong đó “Anh-hùng tử nhưng khí hùng nào tử”!

Có như vậy mới giữ bền cái Quốc-Đạo Nam-phong này chứ!

Chương III: QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG

1. Hườn thuốc thờ Người và thờ Trời
 2. Chúng ta quan-sát coi nền Quốc-Đạo có phương thế gì để làm nền Tôn-giáo hoàn-cầu
 3. Nho-Tông chuyên thế
 4. Bảo-thủ thuần-phong mỹ-tục
 5. Phong-hoá Việt-Nam đối với phong-hoá các dân-tộc vạn quốc
 6. Quyền-hành của người Cha
 7. Ông chủ quyền thứ nhì là Hương đảng
 8. Phương-pháp tổ chức trong hương thôn Việt-Nam
 9. Đệ nhứt chủ-quyền của xã-hội Việt-Nam
-

Chương III: QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG

1- HUỒN THUỐC THỜ NGƯỜI VÀ THỜ TRỜI

Chúng ta thấy trường hỗn-độn, một nền văn-minh gồm có tinh-thần duy vật mạnh mẽ mà chớ, cái chánh-sách của loài người chạy theo duy-vật đương nhiên thì mặt địa-cầu này chưa hòa-bình vì họ chỉ biết tranh sống với duy vật, chớ chưa sống với tinh thần chí-thành.

Thử nhìn lại Việt-Nam có gì để trình-diện với thế-giới buổi này không?

- Dân-tộc này có quyền tự-hào về nòi-giống, về đất nước của mình như Đức Chí-Tôn đã hứa: Một về nòi giống, một về xã-hội, một về tư-tưởng.

Đức Hộ-Pháp thuyết tại Đền-Thánh, ngày 1 tháng 4 năm Mậu Tý (1948):

“Bữa nay Bàn-Đạo giảng một vấn-đề trọng yếu nhưng chẳng giảng một bữa mà đủ, nên cần phải tiếp tục nhiều lần Bàn-Đạo mới giảng dứt. Sau một buổi lễ cúng rồi, thì giờ lên giảng-đài rất ít, Bàn-Đạo phải thúc nhặt lại là vì mỗi lần hành lễ rồi cả thầy đều mệt. Bàn-Đạo sẽ liệu phương sắp đặt lại là giảng trước giờ hành lễ.

Theo trong bài thi của Đức Chí-Tôn gởi cho Hoàng-Đế Bảo-Đại có hai câu yếu-trọng cho nền Thánh-giáo Chí-Tôn hơn hết là hai câu này:

“Quốc-Đạo kim triêu thành Đại-Đạo
 “Nam-phong thử nhựt biến Nhơn phong”
 國道今朝成大道
 南風此日變人風

Hai câu này chúng ta hiểu rằng Đức Chí-Tôn muốn nói với Ngài Bảo-Đại nền Quốc-Đạo của Người, ngày nay đã thành Đại-Đạo. Trong chữ Đại-Đạo bao trùm cả đức tin loài người.

Câu thứ nhì "Nam-phong thử nhựt biến Nhơn-phong"

Chữ phong không phải là gió, nó có nghĩa-lý lắm! Phong đây là phong-tục, Chí-Tôn muốn nói phong-tục nước nhà của Người sẽ làm nền phong-hóa của loài người. Hai câu ấy chúng ta nên đoán xét, suy-gẫm coi Đức Chí-Tôn vì thương mà quá lời chăng?

Thảng như Tôn-giáo nào kích-bác họ sẽ nói Chí-Tôn tự-tôn, tự-trọng hay là họ có đức-tin hơn nữa họ có thể họ bàn luận rằng: Chí-Tôn vì quá thương mà nói vậy! Chúng ta thử coi nền Quốc-Đạo của chúng ta sẽ trở nên nền Tôn-giáo của toàn cầu chăng? Và phong-hóa chúng ta có thể thay thế cho cả nhơn-loại trên mặt địa-cầu này chăng?

Chúng ta nên quan-sát, suy-gẫm rồi tưởng-tượng coi có thể đặng vậy không?

- Có thể đặng và Bàn-Đạo tin quả-quyết rằng nó phải như vậy đó!

Tội nghiệp thay! Một sắc dân đã từng bị nước Trung-Hoa khắc phục, tuy chịu trong hoàng-đồ, chúng ta có một lịch-sử trong 4.000 năm tranh-đấu, vẫn tự-do, độc-lập không chịu từng mạng lệnh của Trung-Hoa. Nước chúng ta như cái vải áo, còn Trung Hoa như cái áo, chúng ta không có lý lẽ gì từ chối tinh thần một sắc dân anh-dũng ấy, nó phải nương cái năng lực nơi chỗ nào?

Ấy là nương tinh thần Đạo-giáo nước nhà của nó, chúng ta phải chịu ảnh hưởng trọng hệ hơn hết của hai nền Tôn-giáo Trung-Hoa thọ giáo Ấn-Độ dạy chúng ta tu cho đặng chí thiện, chí nhơn. Phật-giáo bên Ấn-Độ dạy chúng ta tự tu đặng đạt đại-từ đại-bi. Hai cái khối tinh thần hiệp nhau lại làm một nền Tôn-giáo, để đặng bảo trọng tinh thần quốc-túy của mình.

Chí-Tôn đã nói cùng người Pháp: Từ từ một sắc dân ấy chỉ biết nô lệ chưa biết vi chủ, vì vậy mà Ta đến bồi thường sự bất công ấy, Đạo-giáo đã dạy chúng ta chí thiện chí nhơn, đại từ đại bi, tinh thần đó vậy. Hỏi vậy ngày nay chúng ta phải từng hay chăng?

Tôi dám chắc giọt Cam-Lô ấy, tinh thần loài người đã khao-khát, để bảo-tồn sanh mạng, bằng chẳng vậy thì nhơn-loại phải tự diệt mà chớ!

Tại sao tự diệt? Chúng ta thấy trường hỗn-độn, một nền văn-minh gồm có tinh thần duy vật mạnh mẽ mà chớ, cái chánh-sách của loài người chạy theo duy vật đương nhiên thì mặt địa cầu này chưa hòa-bình vì họ chỉ biết tranh sống với duy vật, chớ chưa sống với tinh thần chí thành. Cái quyền-năng của Đạo-giáo Gia-Tô mạnh mẽ dường nào mà ngày nay phải thoái bộ trước năng lực của toàn cầu, còn Đạo giáo mà đến thay thế đặng cái năng lực ấy, rồi đây cũng chưa chắc thắng tấn tuồng tương lai, mà vật chất sẽ dẫn đến con đường tử lộ không phương cứu chữa, duy có Đức Chí-Tôn đến cứu loài người mà thôi.

May thay! Trong nôi giống Tô-phụ chúng ta để lại một tử thuốc, tử thuốc ấy ngày nay lấy ra làm món thuốc cứu cả tinh thần nhơn-loại trong hoàn-cầu này và trong tử thuốc thiêng-liêng đó để làm vị cứu sanh, tức nhiên là cái phương cứu khổ chẳng khi nào sai chạy. Nhưng vì chẳng đủ năng lực để cứu thế, đem hoàn thuốc hằng sống ấy bảo tồn sanh mạng loài người.”

(Tại Đền Thánh, đêm mùng 5 tháng 4 năm Mậu Tý (1948)

“Bản-Đạo để đại khái đề-mục cho toàn cả tiềm tàng thử coi nền Tôn-giáo của chúng ta sẽ biến tướng ra thành Đại-Đạo là chỗ nào?

Nó đã đem cái gì cho nhơn-loại về mặt tinh-thần đạo-đức mà biến ra Đại-đồng?

Chúng ta đã ngộ thấy nguyên-do Đạo-giáo, bao giờ loài người cũng phải chung hợp lại với nhau, nào xã hội, nào là gia đình, dầu trong buổi ăn lông ở lỗ loài người chẳng hề qua mặt luật thiêng-liêng đó đặng. Buổi ấy, tất cả có bí-pháp, hội hợp gia đình.

Đức Chí-Tôn duy có một mình, Ngài phân ra mới có Phật-Mâu.

Ngài phân ra đệ nhị quyền hiệp lại đệ nhất quyền, đủ quyền-năng tạo ra Càn-khôn Vũ-trụ để lập gia đình cho loài người đó vậy. Nhờ Chí-Tôn phân tánh là bí-pháp lập thành xã-hội đó. Chúng ta đã hằng tưởng hiểu cả, loài cầm thú phải có hiệp lại mà biến sanh được, giải rõ là trống mái, đực cái hay nam nữ vậy, nó tương liên trước mặt chúng ta hoặc một cách âm thầm bí mật. Vậy loài người bao giờ cũng có xã hội nhơn quần, gia đình, vì mặt luật buộc như vậy, lời chúng ta thường nói: "Chưa ai ở đất nẻ mà chun lên"!

Mỗi cá-nhân đều có nguyên-do căn bản.

Hại thay! Xã hội bình-quyền tức nhiên mặt địa-cầu ngày nay bị một quyền năng vật chất ấy nương với quyền năng tinh thần mà loài người đạt đến địa vị cao trọng và đạt cơ mẫu-nhiệm của tạo đoan.

Đời có triết-lý, khoa-học làm cho đảo lộn tinh thần, họ làm rồi họ tự kiêu là làm chủ cả cơ quan bí mật của loài người, tự khoe mình là Trời; tự kiêu, tự đắc, tự tôn, tự đại. Chúng ta đã thấy họ từ chối mọi lẽ thiên nhiên. Ngày giờ nhân loại xu hướng theo phương pháp vật hình, quyền năng khoa học, lý thuyết quái gỡ dị đoan ấy, làm cho tinh thần loài người ngu xuẩn, cho rằng không Trời, không Đất, tức nhiên không Đạo, không người, không xã hội, không gia đình; sống như con vật chung hiệp với nhau đồng sống vậy thôi. Sống không quyền lực tinh thần vi chủ, không thể nào nhơn loại tự bảo tồn cho dân chúng đặng mà tránh khỏi nạn tiêu diệt, họ coi mạng sống của loài người là một vật dụng, để hưởng hạnh phúc sung sướng, lường gạt, buộc tinh thần loài người làm nô lệ cho vật hình,

chúng ta thấy tấn tuồng nguy ngập, xô đẩy loài người đi đến diệt vong.

Tổ-phụ chúng ta sống từ thượng cổ đến nay 3.000 năm, một vị chí Thánh để lại cho đời mực thước niêm luật xã hội, nhơn quần. Ngài định phải có gia đình, có tông tổ, có xã hội, Ngài lập pháp trọn trong điều ấy, từ thường dân chí Vương Đế, không ai ra khỏi mặt luật.

Tổ phụ chúng ta chịu Đạo-giáo để lại sự thờ phượng tông tổ gia đình chúng ta, tức nhiên thờ kẻ quá vãng, ta coi người chết như sống, chúng ta tôn sùng mạng sống của con cái Người, vì loài người là Thiên hạ mà Thiên hạ là Trời.

Chúng ta biết nhìn nhận Trời trên mặt địa cầu, chúng ta biết thờ phượng Trời, tức nhiên thờ loài người đó vậy. Đạo giáo chúng ta để lại 2.000 năm, vậy điều trọng hệ là thờ Trời và thờ Người. Buổi hỗn-độn này, nhơn loại vì khoa học mà đi đến một đường tử lộ. Chúng ta cần đến Đạo giáo phó trương trên mặt địa cầu này cho nhơn loại họ biết tự tỉnh để trụ cả tánh loài người lại, hưởng hoàn thuốc cứu sanh mạng họ.

Bản Đạo giảng lần trước, tiếp kỳ này kết-luận là huồn thuốc thờ Trời và thờ Người, thẳng vạ loại phản-phúc mà còn chối nữa thì chịu tận diệt mà thôi”.

2- Chúng ta quan sát coi nền Quốc Đạo của chúng ta có phương thế gì để làm một nền Tôn giáo cho hoàn cầu?

(Tại Đền Thánh, ngày 14 tháng 4 năm Mậu Tý (1948)

“Đương nhiên bây giờ, cái tinh thần của loài người chỉ xu hướng theo trí thức đương nhiên của họ. Họ có thể được cái hành-vi bí mật thiêng-liêng mà lập nên cơ giới phi thường ở mặt địa cầu này. Nhưng cái cơ giới ấy do nơi hóa-công sản xuất ra tâm não của kẻ trí thức thông minh dựng bảo vệ sanh mạng của loài người và lập hạnh phúc cho loài người.

Trái ngược lại, những hạng trí thức thông minh ở trong thời đại này đều nảy sanh do một tâm lý khoa học mà thành hình, rồi tâm lý khoa học ấy trở lại tàn sát sanh mạng của loài người, đó là đến những cánh bạo ngược. Hơn nữa, trước mắt chúng ta đã ngó thấy hai trận giặc trên hoàn cầu đã giết hại nhau, nên hiện giờ trên mặt địa cầu đã tự giết chết bao nhiêu mà kể.

Cái trí thức tinh thần ấy có làm gì cho đồng bào và thời đại này đặng hạnh phúc chăng? Trái lại, nó đem cho đời một tấn tuồng thống khổ trước mắt cả thấy. Bản-Đạo chỉ nhắc lại cho con cái của Đức Chí-Tôn thấy rõ: Nhơn loại hiện nay đã xu hướng theo hạng trí thức tinh thần khoa học thì có kể đâu là thương chủng tộc, nên ngày nay đã gây ra biết bao tấn tuồng thê lương thảm đạm, nhơn loại hết yêu ái nhau; mà trái lại người với người họ đối nhau còn quá hơn thù dữ, người với người mà họ chưa biết tôn trọng mạng sống với nhau, họ lại đoạt mạng sống của nhau đặng tìm hạnh phúc.

Mặt địa cầu này, sanh ra các đảng phái nào thì chỉ biết tương tàn tương sát với nhau mà thôi, họ không kể gì là sanh mạng của con người ra thế nào cả. Họ không biết tôn trọng mạng sanh của loài người, họ chỉ biết lấy xương cốt của loài người mà lập đài danh dự của họ thôi. Cái mục đích bạo tàn của họ chúng ta đã thấy hiển nhiên trước mắt, cái thảm khổ của đời mà chưa hề có ai thấu rõ tâm lý khổ não của đời, đem lòng thương hại đến nhơn sanh.

Từ Phật giáo ra đời đến bây giờ, tinh thần của loài người mới biết thương hại cho nhau, một nơi nào có một tâm hồn ưu ái thì các Tôn giáo đương nhiên trước kia là một huồn thuốc để cứu chữa cái bệnh thảm khổ của loài người nơi mặt địa cầu này. Nhưng nay huồn thuốc cứu chữa ấy để tại mặt thế này nó không thể trị đặng một bệnh tinh thần mà khoa học đương nhiên của họ đã sản xuất trên mặt địa cầu này. Thử hỏi chúng ta có đem gì hạnh phúc cho họ không? Chúng ta chỉ biết đem hai chữ Nhơn-Nghĩa mà lập nền hạnh phúc cho họ thôi.

Tuy vậy, nòi giống của chúng ta là một sắc dân chiến đấu, một sắc dân oanh liệt, từ xưa tổ phụ ta biết hiền lành, biết kính trọng, biết thương yêu, kính trọng mạng sống của loài người lắm. Cái tánh thông thái, cái tánh thông minh của Tổ-phụ của chúng ta sản xuất trong một nguồn cội từ lành, không điều gì đem đến trước mắt Tổ-phụ của chúng ta mà Tổ-phụ chúng ta tìm tòi không được.

Nước Việt-Nam ở trong khoản đất phì nhiêu nên Tổ-phụ chúng ta biết trọng sanh mạng con cái của Trời, biết nhận ơn như là anh em, là cốt nhục, đồng chung mà ra, biết nhìn câu: "Tứ hải giai huynh đệ"; Tổ-phụ ta biết thương yêu ơn loại, bất kỳ là một sắc dân nào, một nòi giống nào có trí thức cao minh làm cho loài người đặng hạnh phúc thì Tổ-phụ ta kính trọng tôn thờ vậy.

Một nền Tôn-giáo nào đến nước Việt-Nam ta truyền bá thì Tổ-phụ ta kính trọng tôn sùng ngay. Nên mỗi Đạo nào vào nước Việt-Nam ta đều được kết quả mỹ mãn. Lòng mộ Đạo của Tổ-phụ ta trước kia lấy lương thiện làm căn bản, lấy Nhơn-nghĩa làm môi giới, cái sự tôn nghiêm của Tổ-phụ ta từ từ hiển nhiên chúng ta đã ngó thấy.

Trong nước hiện giờ thì có các Đạo-giáo thanh liêm chánh trực đang làm cha mẹ cho dân, cái tinh thần tạo hạnh phúc cho dân, một trang anh dũng biết bảo trọng nền quốc túy, nâng đỡ nước nhà, biết tôn sùng Nhơn-nghĩa, chúng ta đã ngó thấy. Các Đạo-giáo của chúng ta đem cái Nhơn-nghĩa làm hườn thuốc liêng vào tâm lý của loài người là có thể trị đặng cái tinh thần bạo ngược của họ.

Nhơn-loại vì quá ý tài sức nương theo cái tinh thần khoa học mà làm mất cái tinh thần căn bản ơn-luân nên nay ta đem cái đạo ơn nghĩa mà thức tỉnh loài người, đặng cho họ nhìn với nhau vì danh Nhơn-nghĩa hầu thương yêu nhau, dắt nhau đi đến Chủ-nghĩa Đại-đồng.

Cái nền Nhơn-nghĩa của chúng ta, nó có thể làm môi giới cho các chủng tộc trên thế giới, đạo ơn nghĩa của chúng ta

là một căn bản của quốc thể của nước Việt Nam và có thể thành Quốc-Đạo được."

3- Nho tông để chuyển thế

(Tại Đền Thánh, thời Tý mồng 5 tháng 5 Mậu Tý (dl. 11-06-1948)

"Hôm nay Bàn Đạo giảng tiếp câu Thánh-ngôn của Đức Chí-Tôn **"Nam phong thử nhứt biến Nhơn phong"**.

Bữa trước Bàn-Đạo đã giải rõ đại công của nền ơn-luân phong-hóa của ta.

Nay ta sưu tầm căn nguyên của Nam-phong coi do đâu mà sản xuất. Bàn Đạo đã giảng là cốt yếu muốn thực hành phong hóa nhà Nam, phải do nơi Nho-tông mà làm căn bản.

Thời kỳ này Chí-Tôn đến, lấy Nho tông để chuyển thế và thi thố cho cả toàn cầu vạn quốc một triết lý tối tân, đặng chỉnh đốn sửa đương những tệ tục tối phong của ơn loại mà đem vào Thánh chất của con người. Đức Chí Tôn đã tìm định đến đặng sửa đương. Vậy ta nên tìm hiểu Nho-Tông là thế nào? Đã cho ta vật gì? Có đủ phương tiện mà chuyển thế đặng chăng?

Trước hết ta phải biết trong tay ta có khí-cụ gì rồi mới có đủ can đảm xông pha ra chiến trường quyết thắng, tìm xem coi ơn loại đang thiếu thốn điều gì và xem coi ơn loại đang tìm kiếm vật gì, mà vật ấy chúng ta có hay không?

Nói đến Nho-Tông, thì chẳng còn gì phải biện thuyết nữa, vì đã có chẳng biết bao nhiêu là Hiền-môn, Thánh-tích để lại từ xưa. Kể từ ngày Đức Khổng-Phụ-Tử giảng thế đã hai ngàn năm trăm năm, nếu ta suy xét cao xa hơn nữa thì ta thấy Đạo Nho phát sanh từ vua Phục-Hi là tối cổ hơn hết. Ta không thể tìm đâu xa hơn nữa, duy biết rằng Đức Khổng-Phụ-Tử học Nho của ông Châu Công, đặng chỉnh đốn lại Đạo Nho, khi Ngài đến tại thế này vậy.

Đạo Nho đã làm được những gì?

Ta thấy Đạo Nho của chúng ta có Hội-Thánh mà Hội Thánh ấy bí ẩn khéo léo lạ lùng duy có một người có thể kiến thiết quốc-phong của một nước mà thôi, chớ không đủ năng lực chuyển cả tâm lý toàn cầu được. Vì sự khuyết điểm ấy, Đức Chí-Tôn mới đến lập Hội-Thánh, đền thờ của Ngài kêu là Cao Đài, danh từ đó chỉ rõ đền thờ cao trọng của Ngài tại thế này, tiếng Pháp gọi là Haute Église nghĩa là đức tin cao trọng.

Hỏi Hội Thánh của Đạo Không lập quốc thế nào?

Ta thấy Hội Thánh của Đạo Không trong gia đình làm gia pháp biến sanh ra phong hóa gia nghiêm đó vậy. Người chưởng quản gia đình tức là giáo sư, Hội Thánh của Đạo Không tức là ông cha, nên thiên hạ thường kêu là chủ gia.

Trong hương đảng có Hội Thánh của hương đảng, theo cổ tục thì ông Hương Chủ là chủ của Hội Thánh hương đảng, còn chức Hương Cả và Đại Hương Cả là người ta mới bày ra sau đây mà thôi. Trong hương lân ngày xưa, chức Hương Chủ là lớn hơn hết vậy. Khởi đầu trong gia đình, rồi mới tới hương lân, rồi mới ra đến quốc gia, người chủ của quốc gia ấy là nhà Vua.

- Ông cha ta trong gia đình,
- Ông Hương Chủ trong hương thôn,
- Ông Vua trong nước.

Cả ba người ấy giữ ba giềng mối đạo, phụng thờ ba Tôn giáo. **Tổng số ba Tôn giáo ấy lại là Nho tông.**

Ông cha trong nhà thì thờ Tiên Tăng Tổ Khảo của Tông-môn, ông là giáo sư, là thầy cả trong gia đình.

Ông Hương Chủ thì thờ Chư Thần tức là cả Công Thần vì nước mà hy sanh tánh mạng, được nhà Vua ân tứ làm chủ hương lân, nên trong làng ta chỉ thấy có đình thờ Thần thiên thu phụng tự mà thôi, nên ông Hương Chủ là thầy Cả của làng.

Nhà Vua thì thờ Đức Chí-Tôn tức là Ngọc-Hoàng Thượng-Đế. Ta thấy sự tế tự Đấng Chí-Tôn ấy lưu truyền từ

đời thượng cổ, nên hằng niên mới có tế Nam Giao, đó là tế Đức Chí-Tôn vậy.

Từ đời lập quốc đến giờ, trong phong hóa nhà Nam không thấy lúc nào sơ thất sự phụng-tự, nếu đoán chắc là nhờ âm chất của Tổ-tiên ta biết phụng thờ Đức Chí-Tôn, cái thâm tình ấy còn lưu truyền lại mà ngày hôm nay Ngài mới đến dựng đền bồi ân nghĩa ấy lại có lẽ. Thế thì Ngài đến vì Tổ tiên ta đã gieo mối thâm tình nồng hậu, chớ chẳng phải vì sự tình cờ mà Ngài đến nước Việt-Nam này đâu. Trong phong hóa của ta gồm có: Phong-hóa của nhà, phong-hóa của làng, phong-hóa của nước, tức là phong-hóa chung của xã hội nhơn quần Việt-Nam ta đó.

Bây giờ chúng ta khảo cứu coi Nho-tông đối với xã hội là gì?

Tức nhiên ta thấy là luật pháp, tuy rằng 86 năm nay bị ảnh hưởng của văn minh Âu-Châu, chúng ta lãng quên nền phong hóa tốt đẹp của ta mặc dầu, nhưng tự cổ chí kim chưa nước nào có đặng.

Chí-Tôn đã đến, Đạo Nho có Thất thập nhị Hiền và Tam thiên đồ đệ.

Chí-Tôn lập Hội-Thánh có Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị Hiền và Tam thiên đồ đệ. Rõ-ràng là Hội-Thánh của Đạo Nho đó. Hiện giờ ta nhận thấy Ngài áp dụng nền chánh trị của nhà Châu dựng lập chánh-trị của Đạo, làm cho cả cơ quan yếu thiết của Đạo Cao-Đài ra thiết tướng, đặng đủ năng lực chuyển thế, ta không có gì mà nghi ngờ nữa cả.

Gia nghiêm của ta lập thành do phong-hóa của Tổ-phụ để lại có những gì? Căn bản gia nghiêm hay gia pháp do nhơn luân chi Đạo, nên lấy nhơn luân làm chuẩn đích, mà nói về nhơn luân thì mỗi người đều biết. Khởi đoan là hôn phối, việc vợ chồng đối với nhau để trọn quyền của ông chủ gia đình liệu là người chồng, sau quyền chủ gia ấy lại có quyền nội trợ để cho người vợ, hai quyền ấy vô đối.

Ta thấy lối 100 năm trước đây, quyền của cha bảo con chết cũng phải chết, không phải bất hiếu như ngày hôm nay của những kẻ học đòi theo lượn sóng tự do văn-minh vật chất, rồi còn trở lại muốn làm chủ cha mẹ.

Không! Nho-pháp không cho có quyền lực ấy bao giờ. Nho pháp không chịu cho cái giọt máu, cái giọt khí huyết, do vật ấy tạo hình, lại muốn làm chủ vật ấy tạo đoan ra nó, như vậy là sai luật thiên nhiên của Chí-Tôn đã định.

Hỏi vậy cái quyền nắm đạo như luân trong tay của ông cha ta quan sát theo con mắt của đời văn-minh này thì nói là quyền áp bức có phải? Hại thay! Nếu quyền ấy không chính đốn lại phong-hóa của con người đem vào khuôn khổ thuần-phong mỹ-tục thì cả nhơn loại trên mặt địa cầu này sẽ chạy theo hướng ứng với sự tự do mà đi đến địa vị con vật, là mất hết tính chất làm người đó. Tự do kết hôn, tự do định phận, không cần cha mẹ là những người đã trọn kiếp sanh lịch duyệt thế tình, mà sự lịch duyệt ấy còn vốn thiếu; nên ta hằng thấy cảnh tượng của sự tự do định phận ấy, đã làm bại hoại thân hình, tâm lý con người tại thế thể nào rồi, điều ấy không chối cãi được.

Bần-Đạo buổi ấu xuân bị ảnh hưởng của tự do, thấy sự kèm thúc của gia nghiêm lấy làm khó chịu. Khi ấy Bần-Đạo đang học Pháp-văn. Lúc về thăm ông thầy Nho, khi đến đó ông mới tường thuật tình cảnh bối rối gia đình của một vị quan viên bà con xa với Bần-Đạo. Vì vợ làm khổ tâm cho chồng là vị quan viên ấy, đến nỗi gia đình phải tan nát. Ông tường thuật câu chuyện này vừa xong thì lại than rằng: Hại thay! Vì buổi trước không phải cha mẹ định hôn, mà tự do kết hôn nên ngày hôm nay mới ra đường ấy.

Thừa dịp ấy Bần-Đạo mới vấn nạn ông, Bần-Đạo hỏi rằng: Gia-pháp của ta nghiêm khắc quá lẽ, đến sự chần con như chúa ngục chần tù, nếu không có quyền tự do thì con sẽ tối tăm ngu dốt?

Ông lại trả lời rằng: Không, không phải gia-pháp áp bức làm cho con mất tự do đâu, mà trái lại người có quyền lắm chớ, đến nỗi gia pháp định cho mẹ phải tòng con kia mà "tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử". Quyền của con còn có thể thế cho quyền cha được rồi, thì có áp bức chỗ nào đâu? Chỉ có kèm thúc tâm tình của con cho nó đừng thương ai trước khi thương vị hôn-phối của nó, để cho nó đủ đầy tình ái mà thương người vợ tương lai của nó vậy thôi.

Muốn định hôn cho con thì trước hết cha mẹ đã lựa chọn tâm lý của vị hôn thê coi có hòa hiệp với tâm tình của con mình không chứ, chẳng phải xem xét tánh đức mà thôi, mà cha mẹ là người lịch-lãm thế tình nên thâm hiểu cả tâm tình của đôi lứa, dẫu cho đôi lứa chưa biết nhau trước mà cũng có thể chung khổ cùng nhau, đồng tâm đồng chí thương yêu nhau đặng.

Đạo nhưn-luân khởi thủy từ hôn nhưn, mà Nho-phong đã định cho cha mẹ vi chủ, nếu để cho đứa con vi chủ thì chỉ có hư mà thôi, mà gia-đình hư tức nhiên sẽ có ảnh hưởng tới xã hội vậy.

Đây là Bần-Đạo duy mới nói có gia-nghiêm mà thôi, vậy bây giờ chúng ta luận về tâm lý. Sự hám vọng tự do quá lẽ, mà đưa tâm lý con người đến mức khả ố, nguy hiểm không thể tả được. Ta thấy nó gieo trên mặt địa-cầu này một triết lý vô lối là triết lý: Vô phụ, vô quân; không quê hương, không gia đình.

Bởi vậy ta mới thấy thế tình con sanh ra ngỗ-nghịch, không tuân phụ huấn. Thảng như ngoại nhơn có hỏi đến tại sao đã lớn, đã khôn, mà không biết nghe lời phụ-huấn cư xử với đời vô để, vô nhơn không còn tình thương nhơn phẩm, thì chừ Đạo-hữu biết kẻ bất hiếu kia sẽ trả lời ra sao không? Nó trả lời rằng: Tôi không xin họ sanh tôi, tôi không muốn họ sanh tôi, chẳng qua là họ vì lỡ mà sanh tôi nên họ phải nuôi tôi đó thôi.

Ồi! Ân đức thâm sanh thật không còn có nghĩa gì hết.

Những tục lệ ấy nếu Đạo Cao-Đài không xuất hiện đặng chỉnh đốn lại, sợ e cả nhơn loại trên mặt địa cầu này sẽ thành ra ác thú."

4- BẢO THỦ THUẦN PHONG MỸ TỤC.

(Tại Đền Thánh, 12 tháng 5 năm Mậu-Tý (dl. 18-06-1948)

“Hôm nay Bàn-Đạo tiếp tục khảo cứu phong hóa của dân tộc Việt Nam đối với phong hóa các dân tộc khác, cốt yếu xem coi chúng ta có phương gì chinh đốn đạo nhơn-luân của họ đặng? Máy kỳ trước Bàn Đạo đã giảng rằng: Đạo nhơn luân khởi đoan do chồng vợ, có chồng vợ mới có cha con, có cha con mới có dân tộc lập thành quốc gia xã hội.

Đương nhiên chúng ta thấy đạo nhơn-luân của các sắc dân trên mặt địa cầu buổi này đã nghiêng đổ và lung lạc tất cả, nhưt là bên Âu-Châu, đạo nhơn luân của họ tồi tệ là thường, Bàn Đạo thấy rất nên bại hoại, từ thử đến giờ chưa nghe ai nói cha lấy con, anh lấy em, mà bên Âu Châu thường có xảy ra điều ấy.

Hại thay! Trải qua tám chục năm nay những tánh tình yêu nghiệt ấy lại truyền sang đến nòi giống chúng ta, ngày nay vẫn còn thấy tán tuồng đó nữa, yêu nghiệt đã biến tướng biểu sao thiên hạ không loạn được. Đạo nhơn luân đã vậy, tinh thần của con người không còn biết phẩm vị, nhơn cách gì hết, nên hội giống ác nghiệt biến sanh ra mãi thôi. Thành thử nhơn loại ngày nay quá bạo ngược, tương-tàn tương-sát lẫn nhau, người đối với người còn dữ hơn thú đối với thú nữa, vô nhơn vô đạo, cha không xứng phận cha, con chẳng biết đạo con, anh chẳng ra anh, em chẳng ra em, chồng không nên chồng, vợ không đàng vợ, nên luân lý của nhơn loại trên mặt địa cầu này không còn có khuôn khổ gì hết.

May thay! Đạo nhơn luân của Tổ-phụ chúng ta lưu lại, dầu bị ảnh hưởng của văn minh ngoại bang làm cho ô-úế đôi chút, nhưng nhờ Đức Chí Tôn đến phổ truyền nền Chơn-giáo của Ngài nơi đất Việt-Nam này, có thể còn sửa đưng đặng và lại sẽ làm khuôn mẫu cho toàn cả các sắc dân nơi địa cầu này bắt chước theo nữa.

Đạo làm chồng, chúng ta có gương xưa tích cũ, nhờ nơi Nho-Tông rất oai quyền, nghiêm khắc, mật luật của nó kèm chế tâm lý của con người. Đạo nhơn luân của nhà Nho ta có cái vẻ đẹp thiên nhiên, ai tiêm nhiễm đến cũng sanh mê mẩn, cảm kích, vậy mới tạo tâm lý theo Nho-Tông làm hình trạng tinh thần Nho Đạo, khuôn tuồng đó duy ở Việt Nam mới có, còn các Tôn-giáo khác hình tướng lại biến ra làm khuôn mẫu riêng trên sân khấu đời, nên Đạo Nho-Tông thâm nhập vào cốt thể của cả thầy con người đặng.

Bao nhiêu gương để chinh đốn đạo nhơn-luân, cốt yếu làm con người biết đạo vợ chồng là trọng, đặng sửa đưng cho nhau lập mình lên bực chí Thánh. Như thời xưa vợ ông Châu Công, Ngài là Tế Tướng đầu triều mà bà vợ vẫn lo canh cửri làm ăn nuôi mẹ chồng, một vị mạng phụ phu-nhơn mà cư xử được như vậy thật đáng quý. Kịp đến khi ông hồi hưu, buổi già cả vợ chồng đối với nhau như chủ khách.

Nước ta lại có bà vợ của ông Phan-Thanh-Giản. Ông xuất sĩ rồi bận việc triều chánh luôn, hết khi ở Bắc rồi lại vào Trung, không mấy khi vào Nam. Bà mạng phụ ở nhà với cha mẹ chồng lo thủ hiếu thay thế cho chồng, xét ra thì gương ấy cả Âu-Châu cũng chưa hề có vậy. Ngày giờ nào, gương mẫu tiết liệt ấy trải ra cho toàn phụ nữ trên mặt địa cầu này đồ theo, thì ngày ấy danh thể của phái nữ mới được trọng nề, nhưt là phụ nữ Cao-Đài cần phải làm cho đặng, hầu sửa đưng nền phong hóa của Việt-Nam trước đã.

Còn về sự tồi tệ thì chúng ta hằng thấy tích xưa điển cũ, như có câu: "Đồ phụ loạn gia". Lạ lùng thay và khéo léo thay! Chẳng phải do ở bọn hàn mặc hoặc thượng lưu trí thức, lại ở nơi một người đàn bà hạng thường, đủ khôn ngoan đạo đức có đủ hạnh kiểm có thể sửa chồng nên phận được.

Xưa kia có người lính cảm lộng cho Yến-Tử là quan Tế Tướng. Ông này thì nhỏ người, còn chú lính cảm lộng thì to lớn kịch cỡm. Ông Yến Tử tuy là Tế Tướng đầu triều, nhưng con người có tánh cách nho nhã, nề nếp nhà quan, không kiêu

hãnh, gương mặt khiêm hòa, còn chú lính cầm lọng lại vênh mày vênh mắt, bộ tướng tá nghênh ngang, tưởng rằng không phải Yến Tử mà chính anh ta là Tể Tướng đầu triều mà chớ! Lúc Tể Tướng đi ngang qua, người vợ chú lính núp kẹt cửa thấy vậy, nên khi về nhà mới đòi làm tờ để. Anh ta hỏi tại sao? Người vợ nói rằng: "Thiếp núp sau cửa, thiếp thấy chàng đi ngang, Quan Tể Tướng, Ngài thì nhỏ người mà gương mặt nho nhã, tỏ vẻ hạ mình còn chàng thân hình to lớn mà chàng hiên ngang coi trời to mắt quá lẽ, vì thế, thiếp lấy làm hổ người không thể ở với chàng nữa".

Nhờ vậy, chú lính ấy biết cảm hóa, sau sửa mình lập thân trong hàng ngũ quân binh lên đến bậc Tướng. Ấy vậy, đạo Nhơn-luân nếu biết giữ chặt, thì vợ có thể làm nên cho chồng, dạy chồng nên đạo được. Phụ-nữ Cao-Đài cũng thế đã hai mươi ba năm nay tiêm nhiễm đạo đức tinh thần, tạo đầu óc tâm não, vậy tìm phương dạy chồng thế nào!

Có nhiều hạng người được vinh vang thì lên mặt phách xác, không nhớ đến căn bản hèn hạ của mình khi trước, phải biết rằng chúng ta đứng đọt với thiên hạ được là nhờ Chí-Tôn tô mày vẽ mặt cho đó, hạng này rất nhiều, phụ nữ nên để ý sửa dạy cho họ bớt tâm tự kiêu đôi chút.

Đối với cha con, Nho-Tông để lại nhiều vẻ đẹp của Tổ-phụ chúng ta lưu truyền dựng làm chuẩn thẳng mà sửa đường xã hội và lập quốc. Cha hiền mới sanh con thảo, con thảo là hột giống để làm một nền móng tương lai, tương lai quý hóa không thể tả, bởi Tiên Nho chúng ta đã nói: **"Vua Nghiêu tìm ông Thuấn dựng truyền ngôi, chẳng vì lẽ gì hơn là nghe danh ông Thuấn chí hiếu, mà một khi ta được chí hiếu rồi thì không gì sánh bằng. Có hiếu rồi mới có nghĩa, có trung, có cương, có tr; nghĩa là hễ có hiếu rồi thì có thể có đủ hết tính đức khác"**.

Ngày xưa người ta tìm hiếu, đến tận nơi thôn lân, huyện, phủ, tỉnh lý, để hỏi thăm những gương hiếu thuận. Người ta tìm hiếu tức là tìm hiền, do cái hiếu ấy suy độ ra cái hiền của bậc

đanh thần triều chánh, mà muốn có hiếu thì cha phải có từ vậy. Bàn Đạo thấy quốc dân Việt Nam bị ảnh hưởng của ngoại quốc, con không cần cha, cha không biết đến con, tồi phong tục ấy đã thấy rõ ràng trước mắt. Bởi vậy, trong xã hội có ba người quan trọng: Cha, Chủ, Chúa.

Cha là ông chủ của một gia đình, Chủ là ông chủ của một hương đảng, Chúa là ông chủ của một nước, cả ba vị ấy làm đầu từ gia đình lên xã hội. Nếu quyền cha nắm không kham là do người cha bất lực. Truy căn nguyên là do tại tự do kết hôn, chồng không phải chồng, vợ không phải vợ, cặp xách với nhau rồi tự lập gia đình, đạo Nhơn luân không có chỗ nào ràng buộc, chẳng qua là chơi hoa giỡn nguyệt, không cần bản gì hết, biểu sao khi sanh con ra mà chúng lại không trở nên kẻ vô bốn. Nhứt hạng Việt Nam lai của ta là tối hại.

Bàn-Đạo đã nói để cha mẹ định hôn, như thế có lợi hơn vì như ta vẫn thấy, cả kiếp sanh lúc còn nhỏ, cha mẹ còn đủ, đến ông nội, ông cố cũng còn nữa, trọng một chút là ta vẫn cũng còn thấy đông đảo, đó là khi chưa biết khôn. Khi đã khôn biết khôn ngoan thì ông nội đã đi đâu rồi, rồi cha mẹ đã già, mà mình cũng già nữa, trong lúc ông bà cha mẹ mất, mình cảm thấy cái quyền trong tâm lý của mình cũng mất.

Cha mẹ là bậc cao kỳ trí thức, đáng kính, đáng tôn, khi cưới vợ cho con đầu cho chúng ta chưa có tình thương nồng-nàn đi nữa, nhưng thời gian qua chừng nào, nhứt là khi cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng đã khuất, thì vợ nhận thấy ở chồng là hình ảnh người cha của mình, còn chồng nhận thấy ở vợ là hình ảnh mẹ của mình, nên được khuấy khỏa tấm lòng và khấn khít không lìa nhau là vì lẽ ấy.

Nói gì trên bực trong dâu, một đời nếu không có xảy ra điều gì thì thôi, còn nếu có xảy ra điều chi sanh phiền sanh giận, thì chừng ấy không phương thuốc gì trị được cả, tâm lý phải chia lìa thì tình kia phải xa cách, mới để bỏ nhau, thay chồng đổi vợ, con cái sanh ra thấy tấn tuồng ấy tập tánh học theo, biểu sao tương lai không hư hèn và tánh đức không lạc

làm phạm tâm lià đạo đức. Làm cha mẹ nếu chúng ta biết Tiên Nho đã đối với con người như thế nào và toàn cả xã hội Việt-Nam, cả nòi giống cùng con như thế nào, đến nỗi trong một Tông-đường có đưa con nào ngõ-nghịch cha mẹ định từ bỏ thì chỉ nói ngoài cửa miệng, chớ chưa thấy ai từ con được bao giờ.

*Nhớ lại, khi Bàn-Đạo đi ngoài Qui-Nhon, gặp một ông già tên là ông Sáu Chèo, vì ông bán chèo nên mọi người kêu như vậy, vô nhà nhìn thấy bàn thờ ông bà không có treo tranh biển gì hết, chỉ để một câu đối, mà chỉ có một vế thôi: "**Nhược niệm Cửu Huyền chi bốn, khả năng tu tĩnh ngộ thân**", nghĩa là: Nhớ đến Cửu Huyền thì phải rán gìn giữ thân mình. Bàn Đạo thấy thờ có một câu mà không có sớ thùy gì hết, lấy làm lạ thì ông nói: "Một câu đó đủ nghĩa để dạy con cái biết tuân theo, thành tâm tu chĩnh thì Cửu Huyền sẽ vinh diệu, biết giữ thân mình không bịnh nhược thì sanh con sáng láng mạnh khỏe khôn ngoan".*

Đời bây giờ thiên hạ mê đường hoa nguyệt phong tình, sanh con lớn lên thành ho lao, ho tổn, hay tật nguyên, có nhiều sắc dân sanh con thấy tàn tật ghê khiếp lắm, vì có mà mấy năm trước đây Hitler thi-hành chánh sách của Đức Quốc Xã xử tử hay là thiên những kẻ tàn tật, bịnh hoạn, lấy lý rằng kẻ ấy chẳng giúp ích gì cho nước, chẳng những thêm một miếng ăn cho xã hội lại còn di hại cho nòi giống nữa, nên giết bỏ đi chỉ chừa lại những dân đình cường tráng, nhưng vì Đức Quốc Xã đã làm quá lễ thành ra tàn ác, nghịch đạo làm người.

Tổ-phụ chúng ta không thi thố chánh sách ấy, chỉ dùng tinh thần đặng giữ con cho nó tránh khỏi sự bạc nhược đã nói, mà nòi giống Việt-Nam này không bị tiêu diệt là nhờ khéo giữ đạo nhơn luân từ trước đó vậy.

5- PHONG HÓA VIỆT NAM ĐỐI VỚI PHONG HÓA CÁC DÂN TỘC VẠN QUỐC.

(Tại Đền Thánh, đêm 19 tháng 5 năm Mậu-Tý (dl. 25-06-1948)

*"Bàn-Đạo giảng tiếp về **khảo cứu phong-hóa nước ta đối với các dân tộc vạn quốc.***

Bàn-Đạo đã giảng rằng trong quốc-gia xã hội chúng ta có ba quyền: Cha, Chủ, Chúa. Ba quyền ấy cầm cả chánh trị của nước nhà, có khác nhau chằng duy có nhỏ và lớn, chớ chánh kiến vốn đồng với nhau. Ba quyền ấy làm nền tảng cho phong-hóa chúng ta vậy.

Hôm nay, Bàn-Đạo tiếp giảng về quyền làm cha và triều-chánh của ông cha, tức là gia đình liên quan thế nào đối với triều chánh của làng và triều chánh của nước.

Chúng ta thấy trong ba quyền ấy, duy có quyền chúa là trên hết, sau biến tướng đến quyền cha, quyền thầy. Ấy là đạo Tam Càng: Phụ tử, Sư đệ, Quân thần. Bàn Đạo sẽ giảng rành mạch về quyền chúa ấy sau. Bây giờ Bàn Đạo giải rõ quyền cha mà thôi.

Vả chằng chúng ta để ý cho tận tường xem coi xã hội chúng ta thấy có điều đặc sắc riêng biệt không giống với các xã hội khác, là từ khi Đức Khổng Phu-Tử hiệp ba quyền ấy làm Hội-Thánh của Ngai:

Ông cha tức là thầy của gia đình, ông chủ tức là ông thầy cả của làng, ông vua chúa tức là ông thầy cả của nước. Vì có nên hình trạng của ba quyền ấy Bàn-Đạo nói rõ là lớn nhỏ khác nhau mà chánh kiến vẫn là một. Trong gia đình nếu ta không gọi là ông Cha thì gọi là ông Chúa của gia đình, cầm đầu cái triều chánh của ông, bà vợ trong gia đình, người ta còn gọi là Nội Tướng tức là Thủ Tướng của gia đình, cả con cái là Lục Bộ Đài Quan, tôi tớ hoặc những công nhân giúp việc trong gia đình tức nhiên là toàn dân vậy.

Ấy vậy, gia đình theo phong hóa Việt-Nam ta rất trọng hệ, ông Cha của gia đình cũng như ông Chúa của nước vậy, nên xét ra đến cực điểm phong hóa của ta thì thấy tốt đẹp lạ

lùng. Chỉ vì ta không quan tâm đến thôi, nếu để ý ta sẽ vui hứng hạnh phúc đặc biệt, bởi không có dân tộc nào giống như chúng ta, kỳ dư nước Tàu cũng chịu một ảnh hưởng văn minh như chúng ta mà cũng không đồng một vẻ hay là giảm bớt thì có. Trọng hệ là gia đình, mà gia đình có được trọng hệ thì ông Chúa của gia đình mới trọng. Vì có đạo làm Cha, phong hóa chúng ta kính trọng một cách vô đối.

Đối với xã hội, Tổ-phụ chúng ta biết con cái lớn lên phải lập gia thất, nên mới lưu truyền món hương hỏa ấy. Lấy gia pháp làm chủ đích, gia pháp ấy biến ra gia nghiêm, mà gia nghiêm chặt chẽ kèm thúc con cái chẳng có ý chi khác hơn là dụng oai quyền đó mà tạo một vị Chúa tương lai cho gia đình, nên Tổ-phụ chúng ta trông nom điều trọng hệ ấy mà hủy bỏ cả hành tàng phụ thuộc ở ngoài là cả sự sanh hoạt của gia đình, chỉ lo bảo thủ lấy tinh thần làm Cha tương lai cho đúng giá trị của nó.

Lạ chi đối với nòi giống của chúng ta thường nghe mọi người nói: "Phụ có từ, từ mới hiếu" mà Bản Đạo đã nói rằng cả tánh đức của con người đứng đầu trên hết là hiếu, Bản Đạo cũng đã giảng, đời Thượng cổ người ta đi tầm hiền chỉ do nơi hiếu, nên Vua Nghiêu chọn ông Thuấn kế vị cho Ngài là vì ông Thuấn là bậc chí hiếu, tánh đức hiếu ấy là cái năng lực căn bản của các tánh đức khác, nó là tánh đức của đạo đức tinh thần và nó đi gần tánh chất của loài người.

Con người đã có hiếu thì các tánh đức tốt đẹp khác đều là phụ thuộc, bởi vì khởi đoan của tâm hiếu, không phải biến sanh một ngày, một bữa gì mà kể từ giọt sữa mẹ mà hiện ra làm căn bản môi giới cho các tánh đức khác nảy nở, mà ta đã thấy và định quyết rằng người đã làm được con hiếu thì thế nào cũng sẽ là cha từ. Mà hạng phụ từ rất tối cần, tối trọng cho xã hội vậy.

Ấy vậy, trong gia đình phải có phụ từ, mà tại sao cha phải từ?

Phương ngôn nói: "Cha hiền sanh con thảo", lại có câu: "Hiếu thuận huân sanh hiếu thuận tử, ngộ nghịch huân sanh ngộ nghịch nhi", sách xưa truyện cũ ta thấy còn lưu lại nhiều thành tích rất quý hóa. Đứa bé thơ kia học ai trước hết? Học cha mẹ nó. Trí óc non nớt của nó chưa có hình trạng gì, bởi lúc sơ sanh không có điều gì ô trược dính vào chung quanh nó, hỏi nó trông vào ai, dòm ai. Dòm cha bắt chước cha, dòm mẹ bắt chước mẹ, dòm anh em bắt chước anh em. Trong gia đình nếu có gương cha lành, thì sự ấy huyền bí thay!

Nó sẽ bắt chước như vậy, đầu buổi sơ sanh, đứa con chưa biết nghe, hiểu thấu đáo cho thấu lý, nhiều khi cha mẹ dạy nó không tuân, Bản Đạo vẫn quả quyết rằng cái phụ giáo và mẫu giáo đó không mất, đầu đứa con có lơ lửng không nghe đi nữa, chớ rồi nó cũng hằng để vào tâm cái huyền diệu vô đoán ấy, chúng ta không thể tưởng tượng được, khi cha mẹ khuất rồi, đứa con sẽ tiềm tàng cái giáo hóa buổi sơ sanh ấy làm căn góc trong bản tâm của nó.

Làm người cha hiền không biết làm mất tự do của con, trái lại còn trọng nữa, trong xã hội chúng ta như vậy đó. Đừng thấy hình trạng giáo hóa bề ngoài lấy nghiêm trị làm căn bản mà gọi rằng đối với nòi giống chúng ta cha mẹ áp chế con làm mất tự do của nó. Không phải như vậy đâu! Có lẽ vì nhìn thấy Tông đường hư hoại, nên cha mới nghiêm trị con, đừng bảo thủ tương lai của Tông-đường, chớ chẳng phải cố làm cho mất quyền tự do của con.

Bản-Đạo giảng tích này cho cả thầy nghe mà suy gẫm, thì thấy nòi giống chúng ta vốn trọng sự tự do của con cái mà trọng một cách khéo léo.

Đời Tiên Lê có ông Thừa Tướng đầu triều không có con. Hai ông bà thường đến chùa này miếu kia cầu tự. "Nhơn hữu thiện niệm, thiên tất tùng chi", nên bà vợ hạ sanh được một đứa con trai. Quan Thừa Tướng đã niên cao kỳ trường mà có một đứa con trai thì nỗi mừng vui đó không thể luận được. Người Nam mình hay ví trứng mỏng cũng không ví bằng cậu công tử

đó nữa. Từ khi nhỏ đến lớn, trong gia đình đối với cậu thì ai cũng là tôi đòi nô lệ hết. Hai ông bà cung đao để, lớn lên rồi hề thấy cung lại thêm nhông nhẻo, rồi du côn, rồi hoang đàng chi địa vô giáo dục. Tấn tuồng xảy ra như vậy mà quan Thừa Tướng và phu nhân cũng không dám động tới, vì quá cung thì còn ai dám động tới cậu nữa đâu, cậu muốn lên trời hay xuống đất gì cũng được.

Đến tuổi đi học, cho vào trường thì không ai chịu nổi, con các quan bị cậu đánh luôn, ngày nào cũng có mắng vồn. Thấy tình trạng như vậy, biết con mình bị cung quá không ai động tới được. Đến khi trưởng thành 17, 18 tuổi, ôi thôi thanh lâu, tửu quán, trà đình, cờ bạc, không món nào mà cậu không có, ngoài ra còn du côn, du đảng, ai thấy gia đình ấy mà không nói rằng do căn trước tạo nhiều quả nên nay phải thống khổ tinh thần như vậy.

Nhưng ông bà cũng vẫn cung không động gì tới cậu công tử cả, ông chỉ buồn than nói với ông bạn là quan Hình Bộ Thượng Thư rằng:

- "Tôi có một đứa con mà con cầu, con khẩn nên nay mới ra có đôi", thì ông bạn nói:

- "Thưa quan Thừa Tướng, nếu Ngài giao quyền trọn vẹn cho tôi đem lệnh lang về ở với tôi dựng tôi giáo hóa thử coi".

Quan Thừa Tướng đã hết phương rồi, nên giao cho ông bạn dạy dỗ cũng không được gì hết, cậu công tử vẫn còn buông lung điếm đàng hơn nữa, nên ông định dùng oai quyền mà trị, mới cho quan Thừa Tướng hay:

- "Tôi phải dụng quyền đối với lệnh lang mà đối với Ngài nữa, việc làm của tôi thể là nhẹ thể Ngài, nếu Ngài vui lòng như vậy, tôi mới sửa lệnh lang dựng".

Quan Thừa Tướng chịu:

- "Bạn làm sao giúp tôi được thì làm, vì tôi cùng đường hết kế rồi".

Quan Hình Bộ Thượng Thư thả cho cậu công tử ra ngoài đánh lộn, giựt của, làm đủ thứ, rồi bắt bỏ tù, lên án như các tội nhơn khác vậy. Vô khâm cậu bị đánh khảo tra tấn chịu không thấu, thông tin về nhà cho Thừa Tướng hay. Ngài làm như tuồng cha đau lòng vì con, ra chịu tội trước triều đình, rồi Ngài và quan Hình Bộ Thượng Thư đến người này người nọ xin tha thứ, đi tới đâu dắt công tử theo tới đó, cậu thấy khổ trạng như vậy nên lương tâm tự hối, biết tội mình làm để lụy đến cha đường ấy.

Về nhà ông rước thầy cho đi học thêm nữa, vì cậu đã biết ăn năn, sợ cha mẹ và chịu ở nhà không dám phóng túng chơi bời nữa. Nhưng, trong gia đình cũng không chiều được, cậu chỉ kiêng có cha mẹ thôi, ngoài ra không kể ai cả, nổi giận là cậu đánh đập liền. Ông mới tính một phương thế, lấy cớ là con nhà trâm anh, bắt cậu để móng tay, từ đó cậu ít đi ra ngoài chơi bời, mà cũng hết đánh thiên hạ nữa, là vì cũng bị lật móng tay hai ba lần gì đó, nên hoảng mà thuần nét lại.

Đến khi triều đình mở khoa mục, cậu nhờ trí thông minh sáng suốt lạ thường lại học giỏi nên được chắm đậu Trạng-Nguyên. Nhà vua và cả mọi người biết tánh đức của cậu trước như vậy mà nay được như vậy thì ai cũng mừng, trong gia đình còn mừng hơn nữa. Thiết lễ Tân quan, khi vị Tân quan vào bái lễ Từ đường, rồi trở ra hội yến với các quan; quan Thừa Tướng mới kêu con lại nói:

"Ngày nay con đã vinh hiển rồi sẽ ra làm quan thì móng tay con không để làm chi nữa, con đưa đây cho cha", ông cắt từ tế, đem vào bàn thờ Từ đường, lấy giấy đỏ gói lại, bao ở ngoài một lớp hàng đỏ nữa, đề bốn chữ "Trấn tâm chi bửu" nghĩa là của báu để trấn tâm, ông đưa lại cho con và dạy rằng: "Từ đây trở đi hoặc sau này con có kế chí cha làm đến đầu triều, vật trấn tâm chi bửu này cũng không nên rời con". Thì y như vậy, từ đó về sau, cậu con trai thăng quan tiến chức, kế được chí cha làm đến đầu triều, mà cái gói "trấn tâm chi bửu" tức là móng tay đó vẫn còn luôn.

Bản-Đạo dám cả gan nói rằng: Nhờ cái phụ giáo như vậy, mà triều chánh Việt Nam ta mới bền bỉ, và chắc chắn rằng người đó là kẻ đem viên đá đầu tiên xây nền độc lập từ trước đến giờ, nhờ cái tinh thần đó mà chúng ta đạt được tinh thần độc lập ngày nay.

Phụ giáo rất cao kỳ quý hóa. Nếu xét tường tận như vậy thì ta chưa đáng phận làm chúa gia đình. Trước khi tạo gia đình, cần suy gẫm coi ta có xứng đáng làm chúa làm nội tướng chẳng rồi sẽ tạo, cả khuôn khổ tốt đẹp nòi giống chúng ta đã xao lãng, nào giục tấn, nào cấp tiến, nào văn minh, nào duy tân đảo để thôi. Tấn tuồng duy tân vật chất đưa đến tởi phong bại tục, hiện giờ là hoàn thuốc quá độc hại vậy.

Phong hóa tốt đẹp bị bôi dơ, hỏi vậy chúng ta ngày nay đây, ai dẫn đạo tinh thần mà đã biết như vậy thì nên bỏ hay là phải cố thủ? Phải bảo thủ cái thể chất toàn hảo ấy là điều Chí Tôn mong muốn hơn hết. Ngài không nỡ nói ra, mà Ngài trông cho chúng ta biết phục hồi cái phong hóa của Tổ phụ lưu lại, dựng tạo một văn hóa tương lai cho toàn thể mặt địa cầu này vậy.

Nếu Ngài nói ra thì nòi giống Việt Nam sẽ nói là Ngài thủ cựu hay là muốn phá hoại sự tự do của loài người và đòi văn minh vật chất này không thể không chỉ trích Chí Tôn với lời lẽ ấy, nên Ngài không nói đó vậy.”

6- Quyền-hành của người CHA.

(Tại Đền Thánh, đêm 23 tháng 5 năm Mậu Tý (1948)

“Hôm nay Bản Đạo tiếp tục **khảo cứu nền phong hóa của chủng tộc Việt Nam đối với các chủng tộc khác.**

Bản Đạo đã giảng rõ về đạo làm cha trong xã hội của chúng ta đã tạo thành một nền phong-hóa đặc sắc của nòi giống như thế nào rồi. Vậy, Bản Đạo lần lượt giảng tiếp về **cái quyền của cha.**

Bản Đạo giảng về đạo và quyền của cha trước rồi sẽ giảng về đạo và quyền của chủ, sau chót mới đến đạo và quyền của nhà vua tức là chúa.

Ai cũng biết điều trọng yếu trong xã hội Việt-Nam ta là Tổ-phụ là nguồn cội của các Tôn giáo, nên từ Thương cổ Tổ phụ ta đã lưu lại cho nòi giống ta cái cảnh tượng là biết **tôn trọng Cửu Huyền Thất Tổ**, dầu quá vãng hay hiện tiền cũng vậy, sự sùng thượng ấy còn tồn tại trong tâm hồn mãi thôi, chẳng hề khi nào quên ông bà của chúng ta được. Nên Tôn giáo chơn thật ấy nó buộc vạn quốc nhìn nhận là một Tôn giáo đặc sắc của một sắc dân chơn thật hơn hết. Thế thì đạo nhơn luân của chúng ta là do truyền nối hương hỏa của Cửu Huyền Thất Tổ đó vậy. Ta chẳng còn luận chi sâu xa hơn nữa, chỉ nói cái nợ máu thịt mà nòi giống Việt Nam này xem mắc hơn các nòi giống khác trên mặt địa cầu này.

Vì bởi Tiên Nho chúng ta đã lưu lại một lý thuyết chánh đáng chuyên nghiệp để cảm tâm lý của nòi giống chúng ta là "Bất hiếu hữu tam vô hậu nhi kế đại". Trọng hệ hơn hết của nền quốc giáo Việt Nam ta, là vô hậu kế đại, tức nhiên thêm vào cái nợ máu thịt mà ông bà ta để lại, nếu không đương nổi thì phải chịu thất hiếu với cả Tông tộc, Cửu Huyền Thất Tổ, thất hiếu trọn vẹn, mà đã thất hiếu rồi thì buổi tương lai về cõi Hư Linh không ngó mặt ông bà ta dựng. Vì cơ, nên việc hôn nhân nơi nước ta có vẻ nghiêm khắc, truyền lại làm căn bản Tôn giáo trong nước, dùng khuôn khổ trọng nghiêm ấy dựng định luật, thì ta chẳng còn ngạc nhiên, hỏi bởi có sao luật nhơn luân lại gắt gao như vậy?

Xưa kia hễ định luật hôn phối với nhau thành chồng vợ rồi thì chủ hướng duy có một điều là nối truyền hương hỏa. Tiếng tục thường nói rằng: "Dài dòng cả họ", nên Tông tộc nào dài dòng cả họ thì hạnh phúc đảo để, trước phong hóa mà được dài dòng cả họ thì được tôn trọng vô đối, tức nhiên buộc đạo nhơn luân phải gắt gao; khi cưới vợ ba năm mà không sanh con trai nối hậu thì đành trai dựng phép để bỏ và lập thứ. Tại

sao? Nếu người đàn ông căm giận vì thương vợ mà không chịu để bỏ thì mang tội bất hiếu với Cửu Huyền Thất Tổ, với cha mẹ kia kìa.

Thấy đạo nhơn luân của chúng ta trọng yếu đường ấy, mà hề trọng yếu tức nhiên quyền cha vẫn là cái oai quyền cao trọng, quyền cha trong phong hóa chúng ta, nếu con bất hiếu có thể lên án tử hình được, lên án với luật pháp hữu định, bởi vậy nên Tổ phụ ta nói: "Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung; phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu", ấy là luật nhơn luân của ta như vậy đó.

Đối với các quốc gia, các nòi giống khác, nếu có công kích thì họ nói đó là làm mất quyền tự do, mất nhơn phẩm của con. Bản Đạo dám chắc rằng họ thềm thường lắm mà họ làm không được vì tình trạng phong hóa của ta, các nước Âu Châu không thể đối đặng. Bản Đạo giảng về cái quyền cha mà chính mắt Bản Đạo trông thấy hiển nhiên là khi Bản Đạo mới ra trường đi làm việc, đối xứng Cái Nhum, có ông Kế Hiền ở làng Chánh An, tên là Kế Hiền Kỳ làm một vị Trưởng tộc trong Tông đường, niên kỷ độ lối 55 tuổi.

Khi ấy trong nhà thờ Tông đường làm lễ cúng ông Cao Tăng gì đó, mà lệ trong dòng họ, người nào đến giờ tế tự mà vắng mặt thì năm đó mất phần hương hỏa. Sự nghiêm trị rất nhẹ nhàng nhưng mực thước, nên kẻ nào trong năm đó bị phạt ất cát đầu không nổi, rồi chỉ có khóc lóc lén lút vậy thôi nên cả thấy đều phải đến.

Bản Đạo tọc mạch theo coi nghe tiếng đồn mà đến, chớ trong Tông đường của Bản Đạo gia phong thì lại khác. Bởi biết ông Kế Hiền Kỳ còn theo Nho lắm, trong lúc ấy Bản Đạo ngạc nhiên thấy trong con cháu, dẫu nhỏ, dẫu lớn, dẫu trọng, dẫu khinh, mỗi đứa đều đem tới một món, đi thôi rần rộ, độ 7 giờ cúng thì lối 5 giờ đi rước ông Trưởng tộc, các con cháu xúm khiêng ông, ba bốn chục người giành mà khiêng, còn bao nhiêu đi theo sau kiệu, tới nhà thờ làm lễ nghinh tiếp, ôi thôi! Bản Đạo tưởng nhà Vua cũng không bằng. Vô tới giữa điện thờ, con

cháu đem bộ áo của ông cố hay ông sơ gì đó mặc vô cho ông, bịt khăn và trao cho cây gậy. Bản Đạo tưởng tượng đó là ông Vua, ông Chúa của gia đình rõ ràng vậy.

Còn nếu biết ông trị nghiêm trong Tông đường thế nào thì lại càng cảm mến hơn nữa, vì bởi từ thử chưa hề có một con cháu nhà nào đem nhau tới làng mà kiện thưa một việc chi cả, gia luật thật đáo để đẹp đẽ và nghiêm khắc, như thế mà đã năm sáu đời truyền kế. Tộc phái không kể Nội Ngoại gì cũng kế nghiệp được. Trong Tộc phái ấy có một bộ Tông chi không sót một tên nào mà vẫn còn giữ vĩnh cửu luôn. Ngày giờ này các nước ngoại quốc kia nói nhà Nam ta bảo thủ cổ tục ấy, hỏi có ai làm đặng vậy chưa? Nếu có được thì một phần ít thôi, mà cũng không có nữa.

Tại sao? Tại tiêm nhiễm văn hóa Âu Châu rồi đem của quý liêng đi hốt của bỏ đem vào, tinh thần đã thành ra bạc nhược, thô bỉ, chạy theo thuyết duy vật của văn minh vật chất, quên hẳn khuôn khổ Tổ nghiệp ta để lại rất đẹp đẽ vô cùng, thâu thập những vật không đáng giá, làm xáo trộn nền phong hóa tận thiện tận mỹ. Hỏi thử ngày giờ gần đây ta thấy cái hại trong nước là tại làm sao chẳng? Cả đạo nhơn luân điên đảo, biểu sao không trộm cướp loạn lạc, giặc giã tứ tung cho được!

Nền đạo nhơn luân có đủ năng lực bảo trọng tương lai quốc vận lại đem bỏ đi, lấy cái hoàn thuốc độc của thiên hạ đưa cho, đã thiệt thòi mà cũng còn rần rưng cổ lên mà nuốt, nuốt cho chết.

Quyền hạn của chúng ta, ngày nào chưa bảo thủ cho toàn dân tộc được thì đừng mong gì vĩnh cửu. Trái lại cần phải tô điểm Nam phong do tinh thần Tổ phụ ta để lại làm căn bản mới đủ sức mạnh, đủ cường liệt đứng đọt với toàn cầu vạn quốc. Bằng chẳng vậy thì đừng mong sớm hưởng, còn xa vời lắm".

7- Ông chủ-quyền thứ nhì là Hương-đăng.

(Đền Thánh, thời Tý mồng 1 tháng 6 năm Mậu Tý (dl. 07-07-1948))

*“Chúng ta hôm nay tiếp tục **khảo cứu nền phong hóa của nước nhà ta đối với các dân tộc toàn thiên hạ.***

Bần-Đạo đã giảng về chủ quyền thứ ba của xã hội chúng ta, gọi là quyền giáo sư thứ ba theo Đạo Nho mà vị chủ quyền về đạo Nhơn luân hay là chủ quyền về gia đình ấy tức là ông cha. Bần Đạo đã giảng về đạo và quyền của người rồi, bây giờ tiếp giảng về ông chủ quyền thứ nhì của xã hội

Ông chủ quyền thứ nhì mà cũng là giáo sư văn minh Nho Giáo là ông Chủ của Hương đảng. Bần Đạo đã nói chức Đại Hương Cả hay Kế Hiền là mới bày đặt sau này, chớ Nho Giáo chỉ định tới Hương Chủ là hết. Ta thấy rằng vị đó cầm quyền hương thôn, mà thật ra người cũng là chủ quyền của xã hội. Ta để tâm nghiên cứu coi cái phong hóa của đệ nhị chủ quyền nắm đó ra thế nào? Bần Đạo xin nói trước rằng nó tốt đẹp không gì bì đặng, hại thay! Ngày giờ này vì quốc dân xu hướng theo văn minh tân thời mà muốn phế bỏ hủy hoại và cũng do bởi có mà Đức Thanh Sơn để câu thi tự hào rằng:

"Văn hiến bốn ngàn năm có sẵn,

Chi cần dị chủng đến dâng công?"

Nền văn hóa đạt được trải qua bốn ngàn năm, không cần ai dâng công tạo văn hiến khác.

Đạo của vị chủ Hương đảng là coi sóc sự sanh hoạt của dân chúng trong thôn hương, chẳng những nắm chủ quyền sự sanh hoạt mà còn nắm chủ quyền sự chết sống, cầm vận mạng cả thôn hương trong tay nữa. Đạo của người là Đạo thường, lo phụng thờ tôn miếu của triều đình. Các đình làng đương nhiên là Công thân miếu, thờ những vị Công thân bất kỳ nơi nào trong thôn quê đã xuất hiện những vị trung quân ái quốc, vị quốc vong xu, tô điểm giang san, bình vực lợi quyền của xã hội; có công vĩ đại với triều đình, đến khi qui liễu được nhà Vua ân tứ phong cho Thần vị. Điều hay hơn hết là vị Công thân

đạt vị đó, lại được trong bốn thôn sanh quán của người thờ người. Sự khéo léo ta thấy hiển nhiên, vì có vị Hương Chủ trong thôn hương cần nhứt tạo hiền tài; nào là lập trường học, bổ thí kẻ cô cút không phương học vấn, nào là nâng đỡ các gia đình hữu học. Khi đạt đặng khoa mục, khởi làm xâu, bởi gọi hàng khóa sĩ. Bần Đạo xin nói rằng chưa nước nào đã làm như nước Nam ta, khi xuất sĩ vị Tân khoa về quê gọi là bái tổ vinh qui, lạy tạ mô mã Tông đường; ngày đó chẳng cần tá, sự vinh hiển vô đối của họ, nên phương pháp ấy giục tâm toàn quốc cố học, học đặng hành.

Hại thay! Trong thôn hương nhiều nhứt nhiệm nên cũng có sự hay mà cũng có sự dở, là kẻ nào bắt tài thiếu học, hay có tánh chất hèn kém, không đủ tinh thần tế thể an bang; làm cục bấu của xã hội, nếu kẻ ấy không lập thân danh đặng thì duy có trốn mà đi chớ không dám ở trong làng mình nữa. Vì có cả quốc dân nong nả học hành, chẳng phải học để lập thân danh mà thôi chỉ thấy khuôn khổ nghiêm nghị, diều dặt chủ hướng người quân tử dù tánh đức tiêu non mà ở trong làng cũng phải sửa nét lại.

Vị Hương Chủ có phận sự bảo vệ sinh mạng nên theo đảng cựu thì trích đất quốc gia làm công điền; hôi cựu trào số đất công điền trong các đất đai của làng rất thặng, vì thuở ấy dân chưa có gia nghiệp tư bản. Những đất hoang vu, ông Hương Chủ khai mở thành công điền, toàn thể dân đình buộc họ duy có làm xâu mà thôi, mà chẳng phải làm xâu như bây giờ, người nào có làm xâu thì số lúa tư sản của mình được hưởng trọn vẹn, người nào không làm sẽ bị trích mấy phần mười số lúa tư sản của mình đó.

Số sản xuất những công điền ấy chia làm ba phần: Hai phần ba để vào công nho làng, một phần ba nạp cho triều chánh của nhà Vua, nên không có lấy thuế bằng tiền bạc. Nhà Vua buổi nọ muốn thưởng công các quan duy có đong lương mà thôi, vị nào cao cấp mấy học, trung cấp mấy học, hạ cấp mấy học; ngoài ra lương ấy nhà Vua có phương pháp kêu là

ban thường đặc biệt về công nghiệp vĩ đại, ân tứ cho ngựa bốn cặp, sáu cặp hay mười cặp, hay xe đôi chục, năm chục mà thôi, sự khéo léo của quốc gia là giục tâm cho dân cày cấy, ngoài ra sự chăn nuôi súc vật, rồi vì sau này việc canh điền nặng nề thì lại bày ra việc thưởng trâu bò thay thế cho đầu ngựa. Ngày xưa làm quan không ăn tiền chỉ lãnh lương nên tiếng tục gọi là "ăn lương" là vậy.

Một phần ba số lương triều chánh thâu vào thì nhà Vua dùng phát lương cho các quan, năm nào đặng mùa, dư dã thì làm kho dự trữ, nơi các Hương đảng cũng đều phải vậy. Tháng như rui năm nào thất bát, dân đói khó, thì lập tức mở kho ấy phát cho dân gọi là chẩn bản, mà đầu tiên đứng ra tế chẩn là ông Hương Chủ, khởi phát ở kho lúa của làng trước, khi nào thiếu mới lấy thêm ở kho quốc gia.

Sự nong-nã chẳng phải tìm phương cho dân cày cấy ruộng nương mà thôi, phải khuyến khích chăn nuôi súc vật, khuyến khích các tiểu công nghệ trong làng, thúc giục dân nuôi tằm dệt vải làm tơ lụa, các nghề thợ mộc, thợ rèn và các kỹ nghệ nào hay khéo mà dân sở tại làm đặng, quyền ấy là quyền của ông Chủ Hương đảng, còn Ban Hội Tề, Hương Sư, Hương Hào, v.v... đều là phụ thuộc vào triều chánh của ông Hương Chủ mà thôi.

Cái Đạo của vị Hương Chủ là thờ Công thần, mà là thờ mạng sống của toàn dân trong hương nữa, nên cổ tục ấy lưu truyền đến ngày hôm nay, sống cũng phải lo cho dân, mà chết cũng phải lo cho dân. Vì có đồ âm công phải có sẵn. Hồi cựu trào bất kỳ hạng nào, dầu là một vị quan hồi hưu về ở trong làng cũng vậy, hễ khi có một đám tử, người dân của làng đã được định làm nhưng quan có bắt khiêng đám cũng phải đi, không ai khỏi đặng.

Lại nữa, chẳng phải lo việc chết thôi, còn phải lập nhà thương, nhà nuôi trẻ em, trường học, cả cái khuôn khổ văn minh hương đảng lưu lại ngày nay là do nơi chủ quyền của Hương Chủ mà ra vậy.

Hồi lúc Bản Đạo còn nhỏ, nhớ nhứt là khi xay lương và giã lương, hễ lúa đem về kho rồi thì dân làng nhứt là phụ nữ, xúm lại giã cho trắng đặng nạp về triều kêu là nạp lương, tục ấy mới bỏ trong thời gần đây. Mà xay lương thôi thì đồ hội, mệt nhọc mà vui-vẻ lạ lùng. Không thể nói hết đặng, câu hò, câu hát còn lưu lại trong dân gian ngày hôm nay là do nguyên cội xay lương đó. Xay giã xong, 1/3 nộp cho triều đình, 2/3 để cho hương đảng.

Còn một điều nữa là ở trong làng hễ có người nghèo khổ cơ hàn, thì Hương Chủ dạy toàn dân làng phải bảo vệ, hễ cưới vợ không được thì xúm nhau chung tiền lại giúp, cất nhà không nổi thì xúm nhau tạo nhà cho, khi có bệnh hoạn thì xúm nhau đến thăm viếng và giúp đỡ, tình liên lạc mật thiết như cốt nhục, mà khuôn tuồng đó ngày nay đã mất rồi, vì chung tư lợi tư kỷ nhiều quá mà làm cho tiêu diệt hết lòng tương ái tương thân trong hương đảng.

Ta thử nghĩ lại, một ông chủ cầm quyền xã hội đương đó, chánh sách còn bằng mấy Cộng sản, mà là Cộng sản tinh thần, nên Quốc gia chúng ta có Cộng sản thúc nhứt tâm lý làm khuôn phong hóa chung sống cùng nhau, không cướp bóc, không tranh quyền đoạt vị. Ở trong làng, quyền làm chủ hương thôn ấy chỉ có truyền biểu mà thôi, dầu trong triều về đó ở mà dân không tin nhiệm thì cũng không có quyền gì buộc dân đem mình lên đặng.

Phần nhiều triều chánh sau này mới có tham quan ô lại, chớ thời xưa một người làm quan rất sợ điều đó lắm, là vì hễ đã mang danh tham quan rồi thì về làng không ở với ai được, cả làng mặt sát chịu không nổi, cho nên cả cái bí pháp hằng tâm gìn giữ rất nhứt nhiệm, kéo buổi về già không chịu nổi sự trích điểm của thôn lân, được vinh quang chừng nào thì lại càng giữ gìn tánh đức.

Trong làng mà vị nào vì dân, lo cho dân, đủ tánh đức nuôi dạy dân, thương dân như con đờ thì dân sanh cử lên, chớ không phải bầu cử hốt mớ, rồi đưa kẻ bất tài thất đức lên được,

vì trong triều chánh của ông Hương Chủ, ở dưới có Ban Hội Tề, đi từ mức đào luyện từ cấp, rồi mới lên đến Hương Chủ thì đã sáng suốt mực thước lắm rồi.

Ngoài ra nữa, còn một điều là trong hương đảng coi chủ quyền ấy như ông Tòa, đến bây giờ còn chức tước mà quyền không phải vậy. Ông chủ của làng làm Tòa xử, hòa giải dân tình, nên không có tụng cáo ra triều đình bao giờ, hay là trừ các án tiết trọng hệ, như cường đồ, sát mạng, mới thâu đến luật hình triều chánh. Trong làng có điều gì chinh tâm với nhau thì ông chủ của làng xử trước, nếu bất đồng đem nội vụ ra nhà việc, hễ lỗi nhỏ thì nạp tiền câu tra, tội lớn thì căng nọc đánh giữa dân làng, không đến nỗi chết mà hễ bị đánh rồi thì về nhà còn có nước trốn đi nơi khác, hoặc đóng cửa đi đâu đi lén lút khổ não lắm vì bị gièm pha nhạo báng xấu hổ chịu không nổi.

Còn nói về phụ nữ nhứt là gia đình nào con hát bè, hát bộ, thì có dọn mà đi luôn. Đến nghiêm luật gái chửa hoang, để lạnh thì cha ông, con cháu, đều bị đòi ra giữa làng hết thấy. Thứ vợ hôn với chồng, chồng hiếp vợ, con bất hiếu, em vô lễ với anh cũng vậy, đặng giữ nghiêm phong hóa xã hội do khởi đoan từ hương đảng ra quốc gia xã hội.

Triều đình cốt yếu làm đầu đặng nắm giềng mối, chớ thật ra cầm quyền xã hội là trong hương đảng, mà quyền trong hương đảng là của Đệ Nhị chủ quyền, tức là quyền ông Hương Chủ đó vậy.”

8- PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC TRONG HƯƠNG THÔN VIỆT NAM.

(Đền Thánh, thời Tý mùng 5 tháng 6 năm Mậu Tý (dl. 11-07-1948)

“Kỳ trước, Bàn Đạo đã giảng về đạo của vị chủ quyền xã hội chúng ta là ông chủ, nay tiếp thuyết về phương pháp tổ chức xã hội ta trong hương thôn là thế nào và ai cầm quyền ấy.

Ta đã thấy Nho Đạo ta lấy gia-đình làm căn bản, bước từ tiểu-gia-đình là gia-tộc lên đại-gia-đình là quốc-gia. Lại thấy sự khéo léo trong gia đình là phương pháp thực hành. Các phần tử trong gia tộc hiệp lại thành Tông-đường, Một gia tộc nào đủ nhơn nghĩa đạo đức thì Tông đường đó, để mất nong nả cho có đủ phương pháp thi thố cả sở năng của mình; bởi chỉ trông cậy nơi mình làm cho gia đình đứng đọt đượ với thiên hạ một cách vinh diệu, mà hễ Tông đường được vinh diệu, tức nhiên người đại diện cho Tông đường ấy khi ra thay mặt cho Tông đường, đã đào luyện trí thức tinh thần, sở năng, sở kiến, đặng thay thế Tông đường cho xứng đáng trước luật quan phép nước.

Trong hoàn cảnh kiến thiết xã hội là vậy. Làm đầu Tông đường được, tức nhiên trong hương đảng đã để dành địa vị cho danh thế cao trọng ấy rồi. Thanh niên thì vào hàng thành đình, niên kỷ cao trưởng thì vào hàng kỳ lão, lãnh kiến thiết hương đảng, không bỏ một ai. Tuy vậy, Ban Hội Tề có đông đảo mặc dầu, nhưng Bàn-Đạo đã nói rằng Hội Tề bất quá là triều chính của Đệ Nhị chủ quyền là ông Hương-Chủ trong hương đảng vậy thôi.

Ấy vậy, trong hương thôn có mặt nào đứng đọt làm đầu hương thôn, mặt ấy không lẽ triều chính không biết đặng, nên danh nghĩa trong hương đảng liên quan mật thiết với triều đình, mà hễ có liên quan tức nhiên là địa vị triều đình sẽ dành để cho người cầm quyền hương đảng đó vậy.

Tổ chức xã hội chúng ta đi từ tiểu gia đình lên đại gia đình là quốc gia, vì có nên Tiên Nho chúng ta: dầu cho Đệ Tam quyền là ông Cha trong gia đình, mà có tội đem ra giữa triều chánh buộc tội là trị đạo bất nghiêm, còn Đệ Nhị chủ quyền lại là trị dân không nghiêm cũng gọi là trị đạo bất nghiêm. Hình phạt nặng nề sẽ định án cho hai chủ quyền Đệ Nhị và Đệ Tam đó không phương chối cãi.

Cái đạo, nói tiếng đạo mà người cầm quyền trị đạo phải thật hành được đạo đã không dễ, thì cầm quyền trị đạo lại càng không dễ nữa. Phải làm thế nào thi thố cho dân sự trong bốn

thôn thấy tâm Thánh của mình là thay thế Đức Khổng-Phu-Tử làm cha mẹ dân, mà chẳng vậy thôi, còn cầm quyền làm thầy trong bốn thôn nữa mà chớ.

Tổ chức xã hội quốc gia chúng ta không mắc mớ mà thật sự thì khó đáo để. Thuở mà nòi giống này còn kêu cha là bố và mẹ là cái, kẻ nào đạt được vị Bồ Cái hương đảng, tức là cha mẹ của hương đảng, ấy là lời ban thưởng, tặng khen lớn lao lắm vậy, tức nhiên Đệ Nhị chủ quyền là quyền của vị Bồ Cái hương đảng là vinh diệu hơn hết.

Ấy vậy, Đệ Nhị chủ quyền làm cha, làm thầy hương thôn, ta suy xét tướng tượng xem phận sự ấy trọng yếu như thế nào? Cõi dân như con đò, làng như cha mẹ dân thay thế cho triều đình, mà muốn nên phận cha mẹ dân thì vị chủ quyền đó không tư tâm, tư kỹ, hễ tư tâm tư kỹ tức bóc lột dân, trộm cướp của dân, hiếp bức dân. Ta thấy phương pháp đương nhiên, hiện giờ còn giữ khuôn khổ ấy, chỉ hại một điều là hương đảng đương nhiên xu hướng tân thời đã hết làm cha mẹ dân, dờ thói tham quan ô lại, làm cục bướng làm mọt ghẻ tâm lý của dân. Vì có nên giá trị của Đệ Nhị chủ quyền không còn năng lực nữa, mà nếu không còn năng lực tức là hết cầm quyền chuyển tâm lý được, biểu thế nào ngăn cản được dân xu hướng theo văn minh mới, mà nhứt là nòi giống Việt Nam này hay nghênh tân yểm cựu lắm.

Nếu không đủ biệt tài cầm cái khối báu do Chí Tôn để lại mà trau giồi làm cho có giá trị cứ do theo điều mới mẻ ấy thì chỉ có làm cha làm chủ bướng vậy thôi, nên cần phải biết sửa đương lại thì xã hội này sẽ đứng đầu hơn hết. Tại mình làm chủ mà không biết của báu, khinh miệt nên thiên hạ mới khinh miệt nó. Ấy vậy đương thời bây giờ thiên hạ không còn làm cha mẹ, bố cái hương đảng nữa, nên cái vinh diệu của Tiên Nho ta lưu lại đã bị bại hoại thành hình tướng dị hợm lắm rồi.

Vị chủ quyền hương đảng của nhà Nho ta, tuy là tư tưởng tinh thần rất đơn sơ, nhưng nói ít mà làm nhiều, nên vị Hương Chủ hồi cựu trào lãnh làm chủ hương đảng thì triều đình phải

một vị quan đến phong quyền cho và thường nói: "Triều chánh cầu xin một điều là vị Hương Chủ làm sao cho xứng đáng phận sự cha mẹ của dân".

Trước, ta đã thấy quyền làm cha mẹ trong gia đình khó khăn thế nào rồi, thì vị Hương Chủ lên làm cha mẹ dân trong một làng, lời xưa thường gọi là bá tánh là vì bởi nhiều Tông đường hiệp lại mới thành một làng. Nên việc làm cha mẹ dân trong một làng không phải dễ, dân đói phải lo, dân rách phải lo, dân khổ phải lo, một tên dân đau khổ thì ông chủ quyền phải ở bên mình như cha ở bên mình con vậy, cha nâng đỡ danh thể làm cho con nên thế nào, thì ông chủ quyền của hương thôn cũng phải làm nên cho dân thế ấy. Nghĩa là tâm lý của ông cha cầm quyền gia đình trị con thế nào, thì ông chủ cầm quyền hương lân trị dân cũng như cha trị con vậy.

Nếu từ trước đến giờ còn giữ được khuôn khổ tổ chức của tổ phụ để lại, thì Bàn Đạo tướng chẳng hề thấy sự tồi phong đương nhiên và cầm chắc sự thống khổ loạn lạc chẳng hề có dạng. Ngày hôm nay, phong hóa quốc gia xã hội ta không còn nguyên hình tướng nữa, đã thay đổi ra thô tục gớm ghiếc quá chừng.

Đức Lý Giáo Tông lập Bàn Trị Sự:

Ngài lập chức Chánh Trị Sự và Phó Trị Sự, rồi Ngài lại biểu Bàn Đạo lập chức Thông Sự.

Ngài nói Phó Trị Sự là Giáo Tông em, mà nơi làng có Giáo Tông em thì tức nhiên phải có Hộ Pháp em là Thông Sự nữa chớ.

Nếu sự tổ chức hương lân chưa phải cần yếu thì Đức Lý đã không làm như vậy. Ngài đặt chức Chánh Trị Sự tức là ông Chủ, Đệ Nhị quyền trong thôn lân về phần Đạo, hỏi vậy mơ vọng của Đức Lý để Chánh Trị Sự làm gì? Đức Lý có ý đem qui củ Đạo vào Đệ Nhị chủ quyền, dựng phục hồi lại y như trước. Ngài quyết định hơn nữa là để vị Chức Sắc ấy nắm quyền Hội Thánh tức là vào Thánh Thể của Đức Chí Tôn, nghĩa là dự định dựng lên Lễ Sanh, rồi lên Giáo Hữu, tức là vào hàng

Thánh Thể đó vậy. Muốn chỉnh đốn xã hội lại, nên luôn dịp để một khuôn khổ trị Đạo cho dân sanh tỉnh giác, biết vật báu ấy mà gìn giữ, tô điểm, làm cho xã hội thôn lân thêm xinh lịch. Ý muốn là vậy, mà thử hỏi Bàn Trị Sự toàn thể quốc gia ta ngày kia có đủ năng lực và đủ tinh thần đạo đức để chỉnh đốn xã hội ta trong hương thôn, lần lần sửa lại theo tổ chức tối cổ của quốc gia xã hội ta trước được không?

Bản Đạo dám chắc rằng Đạo Cao Đài làm đặng, và nhờ bàn tay của toàn thể quốc dân Việt Nam ta đó. Việc làm bất luận lâu hay mau, miễn đạt được thì thôi, Bản Đạo sợ e một điều là đầu óc hình thể ta thấy trước mắt, thay vì chỉnh đốn đi ngược trở lại khuôn cũ, rồi lại còn xu hướng theo tổ chức xã hội, làm diệt vong phong hóa; thay vì cứu sống lại cái gia tài, lại làm tiêu cả sự tốt đẹp thọ hưởng đã bốn ngàn năm nay còn noi lại.

Bản Đạo mơ ước một điều là toàn con cái của Đức Chí Tôn trong hương thôn tức là Bàn Trị Sự, biết phận sự trọng yếu của mình để đủ tinh thần làm vừa theo Thánh ý của Đức Lý Giáo Tông và Đức Chí Tôn. Bản Đạo mong mỗi cả thầy đem cái quý của Tổ phụ chúng ta lưu lại chỉnh đốn cho đẹp cho xinh đủ oai quyền năng lực, đặng ngày kia đem cho toàn các sắc dân khác đồ theo. Đương buổi này thiên hạ đương thống khổ tâm hồn, nếu họ thấy chánh sách của ta đạt được, họ sẽ lấy và đồ theo mà lấy trong tay Cao Đài họ không thẹn mặt.

Cả thầy nam nữ nhớ lời căn dặn, đặng khi thái bình trở lại, lo chỉnh đốn Bàn Trị Sự trong hương thôn, để làm nền móng tổ chức quốc gia ta sống lại đẹp đẽ mỹ mãn và cường liệt, mà quốc gia ta có đẹp đẽ mỹ mãn cường liệt thì nhờ nơi hương đảng tạo ra; nếu mấy người tạo ra thô bỉ thì sự kiến thiết cũng thô bỉ, hễ mấy người tạo ra đẹp đẽ thì sự kiến thiết đẹp đẽ, mạnh mẽ vì bởi khởi đầu đào tạo bằng hạt giống mạnh, thì cây lên mạnh, bằng hạt giống yếu thì cây sẽ lên yếu.

9- ĐỆ NHỨT CHỦ QUYỀN CỦA XÃ HỘI VIỆT NAM.

Tại Đền Thánh, thời Tý mồng 9 tháng 6 năm Mậu Tý (dl. 15-07-1948)

Đức Hộ-pháp nói:

*“Đêm nay Bản Đạo giảng tiếp về **đệ nhứt chủ quyền của xã hội chúng ta**. Bản Đạo đã giảng kỳ rồi về đệ nhị chủ quyền tức là chủ quyền hương đảng và đã giải rõ ràng cái phương pháp kiến thiết từ thử là lấy gia đình làm căn bản. Tiểu gia đình là trong một nhà liên quan với cả Tông đường gọi là họ, là tánh, trung gia đình tức là tổ chức trong hương đảng của Đệ Nhị chủ quyền, tới Đệ Nhứt chủ quyền làm đầu một Đại gia đình là một nước.*

Ta đã tự hiểu Thánh ý của Đức Chí Tôn sanh ra nòi giống chúng ta và đã tạo cả tinh thần của nòi giống chúng ta, không biết chừng diu dặt tinh thần ấy để lập chánh kiến quốc gia, là lấy gia đình làm căn bản. Ta thấy rõ ràng Chí Tôn muốn cho cả nhơn loại chung hiệp cùng nhau làm một đại gia đình toàn cầu thế giới sau này vậy, nên Ngài định trước cho một quốc dân của Ngài đến lấy tinh thần đạo đức làm căn bản cho cả tinh thần đạo đức toàn nhơn loại, lấy cả quyền năng lập quốc cho nước Việt Nam, đặng làm khuôn mẫu chuẩn đích tương lai lập chánh trị toàn cầu thiên hạ mà chớ.

Nếu không tự tôn, ta cũng nhận thấy rằng điều tương tượng ấy không làm, bởi dầu muốn hay không, quyền năng vô hình cũng xô đuổi dục tấn các dân tộc vạn quốc phải đi đến sự chung hiệp vào đại gia đình của toàn nhơn loại mà thôi.

Ấy vậy, Bản Đạo thuyết Đệ Nhứt chủ quyền do Tổ phụ chúng ta tổ chức và lưu lại trong văn hiến tức là nhà vua. Đệ Nhứt quyền là giáo sư, là ông cha của cả nước. Không lạ gì, chúng ta cũng thấy như ông cha trong tiểu gia đình kia vậy.

Đức Khổng Phu Tử nói: "Đạo trị dân không khác đạo trị gia đình" ấy đạo của Ngài vậy. Chúng ta thấy trước khi lên cầm quyền vì một sơn hà xã tắc, một nhà đương quyền tại vị, hay đã thoái vị cũng vậy, các vị Vương Đế thường có nói nơi cửa miệng hoặc di chúc lại, bao giờ cũng mơ ước cho có người kế vị xứng đáng làm cha mẹ của nhơn dân bá tánh, văn hiến của ta tuy đơn sơ mà thâm thúy lắm, là nói ít mà làm nhiều, và sự khó khăn trọng yếu chẳng thể tưởng tượng được.

Bản Đạo nhắc lại một lần nữa là buổi nòi giống An Nam ta đây còn kêu cha là Bó, mẹ là Cái, mà vị Đế Vương nào lên cầm quyền được dân tặng là Bó Cái, như Bó Cái Đại Vương, thì sự vinh hiển của triều chánh đó không luận đặng, mà sự vinh hiển của Đế Vương đó cũng chẳng tả được đối với lòng dân. Nói ít làm nhiều. Văn hiến của ta do văn hiến của Tàu châm chế sửa chữa lại, lấy của người làm của mình. Lấy căn bản chánh gốc của người ta mà làm của cái riêng của mình với tư cách đặc biệt, tưởng không nước nào khéo léo hơn nước Việt Nam ta vậy.

Ta thấy lời một vị Đế Vương để lại cho con lên truyền kế cho mình như Hớn Chiêu Liệt để lại Hậu Chúa, có câu căn dặn rằng: Nếu nhà cầm quyền nào mực thước trị dân, biết từng theo thì thiên hạ thái bình, quốc thới dân an, Hớn Chiêu Liệt sắc Hậu Chúa viết: "Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi, vật dĩ ác tiểu nhi vi chi" (nghĩa là ông Hớn Chiêu Liệt căn dặn con truyền kế rằng: Đừng thấy lành nhỏ gọi nhỏ mà không làm, đừng thấy ác nhỏ gọi nhỏ mà làm). Vì Đế Vương biết rằng trong tay cầm sanh mạng quốc gia, trị cả bá tánh để lại cho con một di ngôn bất hủ. Nếu cả các Đế Vương trên mặt địa cầu này, cầm sanh mạng quốc gia biết lấy câu ấy làm "trần tâm chi bửu" cho mình, Bản Đạo tưởng chắc, nếu thi hành cho đúng thì cả quốc dân đó hạnh phúc vô cùng.

Tổ phụ chúng ta muốn trong nước ta, dân ta, tình của Vua đối với dân thế nào cho mực thước, chơn thật như cha đối với con, nếu Vua đối được với dân như cha đối với con, tức

nhiên lấy tình ái làm quyền hành, công chánh làm mực thước, tưởng không quốc gia nào trên mặt địa cầu này hưởng được hạnh phúc hơn nữa. Ta thấy tán tuồng ly loạn do kẻ cầm quyền định vận mạng cho nước, cho dân chỉ biết mình, không biết bá tánh.

Thường nghe nói: "Thiên hạ vi gia" hại một điều tuy vậy nhà Vua ở với bá tánh như cha ở với con nên có câu "thiên hạ vi gia" vậy nhà Vua lấy thiên hạ làm nhà, thương dân như con đờ, trái lại họ lấy thiên hạ làm tôi đòi của cái. Thay vì coi thiên hạ như nhà như con, họ lại coi thiên hạ như nô lệ, tư nghiệp của mình, tức là hiểu lầm khuôn khổ của Tiên Nho ta đã quyết định vậy.

Tổ chức thật khéo léo làm sao, chính nhà Vua cũng không thoát cái khuôn viên gia đình. Nếu ngôi Vua truyền hiền thì chẳng nói chi, từ khi các vị Đế Vương truyền tử đến giờ gia đình vẫn ở bên cạnh họ, họ phải bảo trọng gia đình trước nhất, bởi gia đình của họ là Đệ Nhứt gia đình trong quốc gia. Ta thấy từ khi các quốc gia này chẳng chịu ảnh hưởng của Nho Tông mà lập quốc, đã trở nên suy đồi bởi nguyên căn nào, do trị gia bất nghiêm! Cho nên cổ truyền tai hại hơn hết là cái loạn trong cung tẩn, trong vòng hoàng tộc mà sản xuất, đã hiển nhiên như vậy không chối cãi được. Các vị Vua trị gia bất nghiêm, biểu không bại hoại sao được, mà Đệ Nhứt gia đình thất đạo có liên quan mật thiết đến cả toàn bá tánh thất đạo.

Nhà Vua cốt yếu coi bá tánh như con đờ, coi nước nhà như đại gia đình, giữ đạo nhơn luân làm trọng hệ, đã có quyền sanh sát, mà nếu quyền ấy không chuẩn thẳng, biểu sao dân trong nước không thống khổ. Khi sự thống khổ ấy dân chịu đựng nổi chẳng nói chi, thảng như quá sức không chịu nổi được nữa, sanh loạn lên thì triều chánh và cả nước nhà phải nghiêng đổ.

Sự kiến thiết quốc gia lấy gia đình làm gốc, ta không thể chối rằng không biết gia đình ấy hay là từ bỏ đạo nhơn luân, duy có theo lối vô thân thì mới chối đạo nhơn luân đặng, nếu

không chối đạo nhơn luân, tức không chối đạo gia đình, mà không chối gia đình thì cũng không hề chối tương lai vận mạng của tổ quốc mình được.

Ấy vậy căn bản của phong hóa Việt Nam ta do nơi đạo nhơn luân, nơi gia đình, dầu ai thuyết minh phong hóa như thế nào đi nữa nguyên căn tinh túy cũng vẫn do nơi gia đình mà thôi; cho nên gia đình, phân làm ba hạng: Hạ, trung và thượng gia đình; thượng gia đình là Quốc gia, trung gia đình là Hương đảng, hạ gia đình là Tông đường, không có chi là lạ, là khó, nhưng căn nguyên ấy ta không sửa đổi đặng bởi ba bậc hạ, trung, thượng của cơ bản hóa thế nào thì gia đình cũng thế ấy. Cả Càn Khôn có Thượng giải, Trung giải, Hạ giải, mặt luật thiên nhiên của sự tiến hóa trật tự ấy không thể tiêu hủy đặng.

Tổ chức xã hội của chúng ta khéo léo làm sao đâu, Bàn Đạo dám chắc rằng cao thượng hơn hết. Hại thay! Quốc dân ôm của báu trong tay mà không biết quý trọng, liệng rồi chạy theo ăn mót đồ bỏ của thiên hạ, lấy làm của. Đức Chí Tôn đến đặng thức tỉnh nhơn sanh, nên mới có câu Ngài nói với nhà Vua: "Nam phong thử nhứt biến Nhơn phong" là thêm ý rằng: Tổ phụ chúng bây để lại cho bây một phong hóa, nó sẽ biến thành phong hóa của toàn nhơn loại vậy.

Ngài cho biết rằng chúng ta vốn có của báu, mà của báu ấy thiên hạ đang tìm kiếm đặng sống".

Chương IV: CHƠN TƯỚNG CỦA NHO-TÔNG

1. Quyền-năng của Tôn-giáo
 2. Phải giữ lấy nền Văn-minh tối cổ của ta
 3. Chữ Hiếu
-

Chương IV: CHỌN TƯỚNG CỦA NHO-TÔNG

1- QUYỀN NĂNG CỦA NỀN TÔN GIÁO.

Bản Đạo xin thuyết minh quyền năng của nền Tôn giáo.

“Cả chủng loại, loài người và vật loại, chúng ta quan sát ngoài thể thấy loài người và vạn vật phải ở chung hiệp cùng nhau, gọi là xã hội mới sống được.

Chúng ta thấy trước mặt nhiều vật loại sống đặng như ong, kiến, cũng nhờ tổ chức xã hội, giống thú mà còn biết chung hiệp từ đoàn thể tức nhiên có tinh thần xã hội. Loài người cốt yếu sống cũng phải có xã hội.

Lại nữa, nếu chúng ta tìm chọn lý của Phật-giáo thì thấy Chí-Tôn đã phú thác cho loài người làm Chúa vạn-vật. Ngài để tinh thần của loài người cao trọng, tức nhiên cho người có khối linh vĩ đại, trọng hệ hơn, đủ phương thể làm tròn trách vụ đối với vạn vật, tức Ngài định cho ta làm chủ xã hội vạn linh.

Làm trách vụ tức nhiên có tinh thần cảm xúc mà cảm xúc tức nhiên sanh tình. Tình là luật thiên nhiên của Chí Tôn. Tình phân ra hai vở chánh, nơi cỗi phạm thì có luật định giới hạn, chúng ta thấy tạo luật pháp xã hội, hiển nhiên nơi cửa Hu Linh cũng có đặc quyền, nên cũng phải có khuôn luật là Thiên điều. Có nhiều vị Phật cảm vãng quyền thưởng phạt ấy, gọi là nhơn quả, vay trả, hễ nên thì thưởng, còn hư phải thường, luật định như thế rất nên công bình chánh đáng.

Vì có khuôn khổ luật pháp do quyền Thiêng Liêng của Chí Tôn định, bằng chẳng vậy dữ cũng như hiền, lành cũng như ác hỗn độn cả tinh thần của Chí Linh, tổng số không mực thước, không căn đề, không cội rễ.

Ấy vậy Đạo cốt yếu tạo khối tình ái tâm lý của loài người, biết mình là phần tử của xã hội, phải làm điều gì cho xã hội nhờ.

Gia đình là một phần nhỏ trong xã hội, nếu biết gìn giữ thân thể, tôn trọng danh giá cha mẹ, anh em thảng có đũa du côn không kể gia pháp, làm rối loạn gia đình thì kẻ đó ai cũng muốn bỏ, muốn đưa ra khỏi gia đình tông tổ. Sợ e gia đình nào mực thước, thảng có điều vô phúc ấy sẽ xử đũa làm nhục đó, hình phạt nặng nề hơn kẻ tha nhơn.

Cần khôn là đại gia đình, cửa Đạo cũng vậy, xã hội cũng vậy, là một gia đình có cha mẹ, bà con, như một tông tộc vậy.

Lớn hơn gia đình là một quốc gia, là một gia đình lớn, gồm cả các gia đình tổng hợp lại, chiếu theo một khuôn luật do quyền năng của Đạo giáo tức Đại gia đình.

Ta lần lượt đi đến toàn nhơn loại hiệp lại thành Đại gia đình.

Con người sanh ra phải biết trách vụ của mình, trong tiểu gia đình hay đại gia đình cũng vậy. Người ở gia đình chỉ xưng mình là con, vì có Jésus Christ chỉ xưng mình là con của Người (le fils de l'homme).

Ồi! Chỉ làm người mà được thành nhơn thì hiểu giá trị của nó thế nào? Vãn minh Nho giáo hiểu giá trị làm người ấy khó khăn lắm, khó mà mình biện được: "Vi nhơn nan, vi nhơn nan" (làm người khó, làm người khó). Tổ tổ vi nhơn nan (làm người rất nên là khó).

Mong làm người cho xứng đáng là người trong gia đình là khó khăn lắm, mà hễ làm người để diu đỡ được gia đình, tức là chúa gia đình đó; mình là người mà nâng đỡ được quốc vận, là chúa của quốc gia. Giờ ta thử hỏi: Một nền tôn giáo đem tâm lý loài người hiệp một lại là một điều đứng trên cái mực đại gia đình đó. Làm người chủ xứng đáng của gia đình đã là khó, làm người chủ xứng đáng của quốc gia lại càng khó, rồi làm người chủ xứng đáng của một nền Tôn-giáo không phải dễ.

Hễ làm chủ được xứng đáng, thì đối với nhơn quả, ta chỉ có nhơn mà không còn quả nữa. Người đã đem thân này ra làm chúa gia đình, không còn là mình nữa mà là bậc tiền bối; người đáng là người chủ của một nước là bậc Thánh nhơn, người đáng là người chủ một Tôn-giáo ấy là vị Phật.

Ấy vậy, chúng ta muốn quan sát một Tôn-giáo nào được gọi là Chánh-giáo, thì Tôn-giáo đó phải đủ yếu điểm tạo nên người chủ của nó đặng diu đỡ các phần tử của Đạo ấy, đủ hạnh kiểm, đủ quyền năng. Phải cao thượng hơn sự thường tình, đi cho vững trên con đường hằng sống mới xứng đáng là chủ của Đại gia đình Càn Khôn Võ Trụ. Cả phương pháp không mục thước quyền hành để đạt đến địa vị chúa một tôn giáo thì không phải chánh đạo. Ta đã thấy gì? Đạo Cao Đài có không? Ta suy xét coi: Có hẳn. Nếu con đường ấy, kẻ nào cố gắng thì nên người làm chúa nền tôn giáo của Chí Tôn đã tạo sẵn, có mục thước, chuẩn thẳng, phép tắc, để cho người ấy lập nên địa vị."

(Tại Đền Thánh, thời Tý mồng 3 tháng giêng năm Mậu Tý (dl. 12-02-1948)

2- Phải giữ lấy nền Văn-minh tối cổ Nho-Tông của ta

"Nhứt là chủng-tộc Việt-Nam đã thọ ảnh-hưởng tối cổ của Nho-Tông chúng ta, cả thuần-phong mỹ-tục làm cái cảnh tượng tâm-hồn nòi-gióng Việt-Nam, đều là khuôn-khổ của nền văn-minh tối-cổ Nho-Tông của Ta đó vậy".

Chính Đạo-Đức Học-Đường là cái "lò đạo-đức" rèn đúc nên hình, nên vóc từ tuổi thơ sanh để nên người hữu-dụng của Đạo của Đời, góp phần xây dựng cho Đạo Đời hôm nay. Qua hai câu đối đã thể-hiện đủ tinh-thần cao đẹp ấy.

Đạo- đức lưu-truyền hậu-tấn hiếu trung phò xã-tắc
 Học-đường giáo-hóa thư-sanh nhơn-nghĩa lập
 giang-san
 道德流傳後進孝忠扶社稷

學堂教化書生仁義立江山

Qua bao thời-gian vật đổi sao dời, thanh suy bĩ thái, ai thấy được con tim Phật-pháp của Tôn-sư Hộ-pháp đã trải rộng ra để chuẩn-bị cho số thanh thiếu niên ấy, đã mớm vào lòng của tuổi thơ những giọt nước Từ-bi, những bữa cơm Đại-Đồng, Nhân-nghĩa. Nay cũng còn được đảm con chí-hiếu của Đạo-Đức Học-Đường đã và đang thực-hiện câu "hiếu trung phò xã-tắc" và làm điều "nhơn-nghĩa lập giang-san".

Qua rồi bao xuân đi hè lại, mỗi dịp bãi-trường đều được nghe lời giáo-huấn của bậc Tôn-Sư Hộ-Pháp, nay có còn chăng chỉ là vang bóng một thời:

Những lời yếu-thiết này Đức Hộ-Pháp đã ân-cần nhắc nhở nhất là thanh thiếu-niên Việt-Nam nhân ngày Lễ bãi trường tại Đạo-Đức Học-Đường ngày 22-12 Đinh-Hợi. 1er Février 1948.

Bởi vì thuở ấy tinh-thần của các Thầy Cô giáo chỉ đến trường dạy-dỗ cho học-sinh bằng cách Phụng-sự, công-quả mà thôi. Vì Đạo còn nghèo không có tiền để phát lương lại còn phải nuôi cả 2.000 học-sinh ăn bữa cơm trưa nơi Trai đường nữa.

Cái tình-cảm giữa Thầy trò buổi ấy nó chân-tình làm sao! Những ai đã xuất thân từ cái ngôi trường đơn sơ nghèo nàn ấy hẳn không bao giờ quên được nghĩa-tình cao đẹp của thời niên thiếu, lúc nào nó cũng như bông hoa bốn mùa đầy hương sắc. Nó không quá kiêu sa, độc-lập mà nó hàm tiếu động trong lòng hoa lóng-lánh những giọt sương, giọt sương thơ ngây mà đậm ấm nghĩa Thầy trò, tình bè-bạn.

Cái tình thương-yêu giữa Đấng Giáo-chủ và toàn Đạo cũng như các trò sinh nó quý mến làm sao! Đẹp biết bao nhiều Ôi ngàn năm, ngàn năm cao đẹp!

Lúc ấy ông Nguyễn-Hữu-Lương làm Giám-Đốc Đạo Đức Học-Đường. Đức Hộ-Pháp trả lời bài Diễn-văn của ông Giám-Đốc Nguyễn-Hữu-Lương rằng:

“Mấy vị Giáo-viên nhưt là Lương, mỗi phen có lẽ nơi học-đường, mỗi phen đến dự nó làm cho Bản-Đạo cảm-xúc. Đến, hễ thấy đám nhỏ trước mắt rồi thấy tình cảnh khổ-não đương thời, tấn tuồng khổ sở ấy nó phô-diễn cùng các sắc dân và cả toàn quốc của chúng ta. Ngày nay Đạo-Đức Học-Đường biết đảm nhiệm thì Thầy biết giá-trị của mấy con chịu khổ-não nhọc-nhân dường nào!

Hiện nay chúng ta có ba mặt trận:

- Thứ nhưt: mặt trận hình-thức là để chiến-đấu quân tàn bạo sát-hại nòi-giống quốc-dân ta, có chiến tướng binh-sĩ dưới cây cờ Nhơn-Nghĩa của đạo binh Cao-Đài, về phần xác. Phần hữu-hình ta thấy: để bảo-tồn Đạo-giáo, để bảo-thủ thân sống con người.

- Mặt trận thứ nhì để chiến-đấu về tinh-thần trí-thức, mấy con là chiến tướng, thắng tới, tiến tới và cố gắng hy-sinh thắng đặng trận.

- Cũng như mặt-trận thứ ba: Thánh thể của Đức Chí-Tôn tức là Chức-sắc Thiên-phong đã làm chiến-tướng thắng cả tâm-hồn, bảo-thủ nền Quốc-Đạo từ mây mùn và tô-điểm thêm xinh, không có lực-lượng nào đến phá-hoại nó đặng.

Ba mặt trận ấy thấy hiển nhiên trước mắt, cả tương-lai rục-rỡ sẽ có lời hứa-hẹn tốt đẹp, trước qua sau tới, giữ nền Quốc-Đạo, nếu mấy em, mấy con không bảo-thủ vững-vàng thì sẽ bị phản-động-lực ngoại-xâm húng hiếp, cái tương-lai ấy trong tay các em, các con, Thầy có lời yếu thiết gởi gắm cả tương-lai rục-rỡ đó cho mấy em, mấy con nghe à!

Bản-Đạo để lời cùng Ty Giáo-Huấn và học-sinh nam nữ.

Hôm nay các em, các con trong Ty Giáo-huấn hơn ai hết, Thầy đã biết rõ cái chí hy-sinh của mấy con nam nữ, các Giáo-viên, Thầy hiểu rõ hơn ai hết, các con đã thiếu-thốn mọi điều đối cùng sự cực-nhọc của các con thì không giá nào mà so sánh đặng. Trọng-yếu của tương-lai Đạo là tức nhiên tạo tâm-

hồn của sắp nhỏ mà chính mình các con là tay thợ đào-tạo tương-lai của chúng đó vậy.

Các con học-sinh Nam Nữ,

Các con sẽ lớn, đời tương-lai nòi-giống và vận-mạng Tổ-Quốc của mấy con; hàng niên-kỷ như Thầy, như Hội-Thánh đều để cả sở-vọng của mình trong trí não tâm-hồn các con đó vậy. Lẽ dĩ nhiên bất kỳ một xã-hội nhơn-quần chủng-tộc nào cũng thế, mỗi sắc dân đều có văn-hóa phong-tục khác nhau cả thấy. Ta có thể so-sánh một phong-hóa của một nước nào nó có thể cao-thượng hơn của ta mà ta không có thể gì nhìn nó rằng giống hệt của ta?

Bởi mỗi tinh-thần của một chủng-tộc nào, sắc dân nào nó cũng có cái đặc-điểm của nó hết, nhưt là chủng-tộc Việt-Nam đã thọ ảnh-hưởng tối cổ của Nho-Tông chúng ta, cả thuần-phong mỹ-tục làm cái cảnh tượng tâm-hồn nòi-giống Việt-Nam, đều là khuôn-khổ của nền văn-minh tối-cổ Nho-Tông của Ta đó vậy.

Lẽ dĩ nhiên là mỗi Tôn-giáo đều đào-tạo một nền văn-minh khác nhau; ta có thể so-sánh cả phong-hóa, văn-hiến của mỗi chủng-tộc hay mỗi nền văn-minh ta có thể chia ra hai đặc-điểm:

- Có nền văn-minh xuất hiện ra một Tôn-giáo.

- Có nền văn-minh xu-hướng theo xã-hội của cả mấy con có phải lạc-hậu chăng?

Chưa chắc! nếu quan-sát cho tận-tường thì ta ngó thấy cái khuôn-khổ xã-hội của Nho-Tông chúng ta, nó có thể làm một nền-tảng cho tương-lai của xã hội nhơn-quần kia nữa mà chớ! Chỉ ta có chịu thiệt-thòi một điều là nền văn minh cao-thượng ấy, ta chưa biết đem nó ra đặng cho cả thiên-hạ đều biết cái giá-trị của nó, chỗ khuyết-điểm là do nơi đó mà thôi.

Đương nhiên hôm nay ở trước mắt các con đã ngó thấy trong nước các con. Nếu Thầy nói ở trong tâm-hồn các con giờ

này có hai cái ảnh-hưởng thiêng liêng về hai nền văn-minh Âu-Á:

- Âu là nền văn-minh của Công-giáo,
- Á là nền văn-minh sở-hữu của mấy con là Nho.

Buổi giao-thời cả phương-pháp giao-huấn nó chưa thiết-hiện tương diện nó ra cho thiết chắc đặng làm con đường; con đường tinh-thần thiên-nhiên phù-hạp với cả trí-não tâm-hồn của nòi-giống chủng-tộc các con.

Bản-đạo ngó thấy rằng: cái pha lộn của phương-pháp giáo-huấn Pháp còn tồn-tại. Bản-Đạo cũng nhìn nó đã ăn sâu vào tâm-hồn của nòi giống ta. Sau 80 năm đã chung sống cùng Pháp, nhưng nó chưa hề chắc rằng nó đã làm cho tâm-hồn của ta phải xu-hướng trọn vẹn theo nó; bởi vì cả phong-hóa, văn-hiến đều khác hẳn với ngôn-ngữ, với trí-thức của chúng ta.

Ấy vậy, phương-pháp hay-ho hơn hết là nơi các con làm thế nào dung-hòa hai nền văn-minh ấy tức nhiên hai cái phương học-thức ấy.

Bản-đạo đã đi quan-sát cả Đài-loan, ở Nhứt, ở Triều-Tiên, rồi mới cân coi phương-pháp họ đã cải-tổ cả nền văn-minh của họ thế nào và họ đã diu đường cho hạng thanh-niên của họ về phương học-thức thế nào. Bản-đạo ngó thấy một cái hay của họ hơn hết là những điều chi ngoài, họ chỉ để ngoài lại với cái hàng rào kín đáo; cái chi ở trong họ giữ một cách đáo-để kỹ-lưỡng ở trong.

Cả cái duy-tân của họ bề ngoài nếu bất kỳ nước nào để bước chân tới xứ-sở của họ, thì ngó thấy hoàn-toàn là duy-tân; từ cách ăn mặc, tánh-tình cho tới-cử chỉ đều là duy-tân hết. Duy có một điều quý-hóa hơn hết thấy mà Bản-Đạo lấy làm sung-sướng thấy đặng là cả Phong-hóa văn-hiến cổ-truyền của họ, họ vẫn giữ, họ bảo-thủ nó còn tồn-tại hiển-nhiên, không cho cái ngoài kia xâm-phạm.

Ấy vậy cái học-thức của nòi-giống các con đã hai ngàn năm trăm năm văn-hiến, phong-tục cổ-truyền Nho-Tông, cái

đẹp-đẽ của nó, nếu các con khéo giữ cũng như các nước đã chịu ảnh-hưởng của văn-minh Nho-Tông của chúng ta, cái chi mà nó ngoài kia thì để nó ngoài, cái chi mà của ở trong của mình mà nó quý-hóa đó là của sở-hữu mấy con thì mấy con giữ.

Cái học-thức của Tổ-phụ các con để lại, nhứt là do nơi Tiên-Nho, họ chỉ mong có một điều, các con học đặng hành, mà các con thiết-hiện được cái hành đó, hay hay dở là do sự phục-vụ Tổ-quốc nòi-giống các con đó. Nếu nói rằng phục-vụ cả thiên-hạ là quá đáng, phục-vụ nội gia-đình và chủng-tộc của mấy con là khôn-không học-thức cổ-truyền Tổ-phụ các con để lại đó vậy.

Thầy rút ra trong Tam-Tự kinh, Thầy chỉ rõ rằng không phải học-thức đặng làm nhà triết-học, mà cốt-yếu học-thức đặng phục-vụ cho Tổ-quốc giống nòi “Khuyến thủ dạ, kê tư thân, tầm thố ti, phong nhượng mật, nhơn bất học bất như vật”.

Lấy theo một khôn-không mà nói: con chó giữ nhà, con gà nó canh giờ, con tằm nó nhả tơ, con ong nó mửa mật, rồi còn kết-luận “nhơn bất học bất như vật” nghĩa là người không học không bằng vật. Nếu đem ra bốn cái thí-dụ ấy là chỉ nghĩa bốn thí-dụ về phục-vụ mà thôi, “dĩ các sở-hành vi thượng” tức là lấy cái sở-hành ấy làm đầu hết; các con đã hấp-thụ được cái sự giáo-hóa của các Thầy, Cô của các con về đạo-đức tinh-thần. Bản-đạo chỉ mong các con học, học đặng lấy cái thuyết, rồi cố gắng thật-hành cái lý-thuyết ấy ra mới đáng cái học của mình”

Đức Hộ-pháp cũng có lời phủ-dụ (Ngày 17-5 Quý-Ty dl 27-6-1953)

“Các con Giáo-viên Đạo-Đức Học-đường!

Sự khổ hạnh, sự hy-sinh của các con từ khi mở Đạo đến giờ đã un-đức tinh-thần trí-não của đoàn em mấy con hôm nay đã kết liễu. Cái nên của Đạo đường này, mỗi công-trình vĩ-đại của các con, Đạo-sử đã ghi chép.

Hôm nay đến đây Thầy không để lời cảm-ơn, bởi vì lời cảm-ơn ấy nó ở đầu môi chót lưỡi không có giá-trị gì. Thầy chỉ

chức có một điều là lòng yêu-ái của Thầy tương-hiệp với các con, vì nó là báu-vật để cho Thầy đối với các con đó vậy.

Chúng ta sanh làm người đứng giữa vũ-trụ này, đứng trong hoàng-đồ Việt-Nam, giờ phút này chẳng qua là một phần-tử trong xã-hội thôi. Bản-Đạo thường nói: chúng ta cũng có một thân-thể, một đầu-óc. Thân-thể ấy, đầu-óc ấy cũng như thân-thể, đầu-óc ai kia vậy, không hơn, không kém. Nếu chúng ta làm đặng điều gì đặc-lực về tương-lai, định vận-mạng cho xã-hội, định vận-mạng cho nòi-giống, cho Tổ-quốc là đều do chí cương-quyết của ta hiệp cùng đồng-tâm nhứt-trí, đa số tinh-thần thông-nhứt lại, thì cái hành-tàng năng-lực mới có thể hoạt-bát đặng.

Các con cũng như Thầy. Thầy hồi nhớ lại khi mới mở Đạo, một thân côی quạnh bị cường-quyền áp-bức. Đạo lúc đó còn đương trong buổi phôi-thai như trứng mỏng kia. Đời lại bị lệ-thuộc. Dân nghèo, đồng-bào khổ-não, cảnh tượng chết trước mắt, chết lằn, chết mòn, làm cho tinh-thần của Bản-đạo thông-khó biết bao nhiêu. Nhưng Bản-đạo vẫn cương-quyết rằng: một thân làm không nổi mà cái sở-vọng của ta quyết đem ra cứu nước, cứu dân thì nó sẽ đoạt được cái sở-vọng ấy. Nếu ngày giờ nào mà ta có thể tạo các thanh-niên đoàn hậu-tân của chúng ta họ nhứt-tâm nhứt-đức, thì ta mới có thể cứu-vãng tình-thể vận-mạng nước nhà và chủng-tộc đặng.

Vì thế cho nên ta phải cố-gắng, các con ngó thấy buổi sơ-khai Đạo như thế nào? Nước nhà các con thế nào? Vì Thầy cũng có đầu óc như các con chớ có lạ chi đâu!

Có lạ chẳng là nhờ huyền-diệu Chí-Tôn ban cho Thầy để thông-hợp cả tinh-thần các con lại làm một cho nên hình, nên tướng và Thầy giảng cho các con hiểu thêm rằng: Buổi nọ thiên hạ đã áp-bức, chèn ép, nhục-mạ Bản-đạo biết bao nhiêu, nhưng Bản-đạo có thể an-ủi đặng là Bản-đạo tự nói rằng: Một thân ta có thể các người chà đạp đặng, chớ khối hậu-thuần tương-lai chưa hề ai chà đạp đặng.

Vì chí-hướng cương-quyết và can-đảm ấy nên hôm nay tinh-thần đạo-đức này vẫn tiến-triển mãi và thông-nhứt lụng lại làm một khí-cụ vững-chắc và mạnh-mẽ hơn là định vận-mạng cho nước nhà đương nhiên bây giờ đó vậy.

Tinh-thần các con cũng như tinh-thần của Thầy, hết thầy đều đem chí hướng tương-lai, nòi-giống do đám thanh-niên của mấy con đào-tạo thế nào, thì cái hình-trạng của Thầy đào-tạo các con thế ấy. Rồi đây nó sẽ từ từ tiến tới với vẻ đẹp của chúng ta, chúng ta hãy cố-gắng làm cho hiện tượng ra đặng đào-tạo cả tương-lai kia, thì chúng ta mới có thể định trước một tương-lai tốt-đẹp cho nòi-giống nước nhà đó vậy.

Mấy con học-sinh Nam Nữ,

Ở thế-gian này có hai năng-lực tinh-thần là:

1- Chử Tài.

2- Chử Tâm.

Chử tài với chử tâm các nhà triết-học chúng ta buổi trước đã trích điếm, họ đã để hình-trạng nó như thế nào, họ tỏ ra cái hình-trạng của nó vô hình. Nhưng các bậc tiền thân, nòi giống của chúng ta đã trạng tỏ một cách có thể nói sáng-suốt tỏ rõ không có gì gọi là mờ ám.

Chử tài, chử tâm kia, hai tinh-thần đó giờ phút này nó tương-đương với nhau và nó tranh-đấu đặng định-hướng cho nhơn-loại và định tương-lai cho nòi giống hay chẳng? Có chứ! Nhưng chúng ta cần phải coi lại tình-trạng đương nhiên chúng ta thấy rõ-ràng: Chử tài với chử tâm, hai tinh-thần đó giờ phút này nó đương tranh-đấu với nhau, tranh-đấu để định vận-mạng đó vậy.

Ở phương Âu, dường như chử tài thắng hơn chử tâm! Chử Tài ấy nó đưa nhơn-loại đi đến địa-điểm nào?

Thử hỏi hai trận đại-chiến ở Âu-châu nó làm cho nhơn-loại giết lẫn nhau phải chẳng là một bài học hay-ho về chử Tài ấy hay chẳng? Còn chử tâm kia vẫn mịt-mờ biến mất theo thời-gian!

Phải chăng Đức Chí-Tôn đến đây để làm cho rõ-ràng chữ Tâm nơi Á-Đông này hay chăng? Có lẽ Bản-Đạo tin quyết như thế đó. Nếu nhân-loại không tin-tưởng chữ TÂM, lại chạy theo chữ TÀI thì sẽ đi đến chỗ tiêu diệt. Vì có cho nên chúng ta phải nhìn-nhận rằng: Chữ Tài, chữ Tâm phải đi đôi với nhau. Nếu chữ TÀI mà không có chữ TÂM thì không được. Mà chữ TÂM nếu không có chữ TÀI cũng không được!

Hai cái tinh-thần tâm-não ấy của nhân-loại nó phải đi đôi với nhau mới có thể bảo-tồn vĩnh-viễn mạng sống của nhân-loại trên mặt địa-cầu này. Ghe-gồm hơn hết là giờ phút này vận-mạng tương-lai của nhân-loại có thể tiêu-diệt đặng, trong khi nhơn-loại hưởng được chẳng biết một phần thưởng hay một hình-phạt về tương-lai. Hai khối tinh-thần ấy nó có một quyền-lực vô-biên, vô-đối, nó có thể cứu-vãng sanh-mạng nhơn-loại nơi mặt địa-cầu này là CHỮ TÂM, mà cũng có thể tiêu-diệt cả toàn thể nhơn-loại trên mặt địa-cầu bằng một CHỮ TÀI, là năng-lực nguyên-tử đó vậy!

Phải chăng cái năng-lực ấy nó làm mô-giới cho CHỮ TÀI và CHỮ TÂM thí-nghiệm với nhau hay chăng?

Thầy mong-ước cho các con ngó vào CHỮ TÂM làm chuẩn-đích; chữ Tài nó là thừa, vì chữ Tâm của nòi giống mấy con đã 4.000 năm lập-nghiệp dưới sự lệ-thuộc của các sắc dân mạnh-mẽ, đa số dưới hoàng-đồ nước Tàu đã bảo-vệ tinh-thần, nòi giống cho tới ngày nay còn tồn-tại vĩnh-viễn. TÂM ấy nó chẳng đâu xa, chỉ tìm kiếm là có hiển nhiên, vì nó ở trong đầu óc của các con, trong năng-lực của các con. Các con thấu-đạo cả tương-lai của thiên-hạ đem làm khí-cụ đặng định-hướng cho tương-lai của mấy con mà thôi!

Để kết-luận về một đề-tài QUỐC-ĐẠO NAM-PHONG mà Đức Hộ-Pháp đã nhiều đêm thuyết-giảng, thì đây là một bài thuyết-đạo mà Đức Ngài đã thuyết trong đêm Hội-Yên DIÊU-TRÍ-CUNG, đó là Chữ Hiếu (15-8 Nhâm-Thìn)

3- CHỮ HIẾU

Đền Thánh, thời Tý đêm 21 tháng 2 năm Mậu Tý (dl. 31-03-1948)

Đức Hộ-pháp nói:

“Nói về chữ hiếu thật là quá rộng rãi bao la, nên Nho-giáo nói không hết được.

Vì như có câu rằng “Quạt nóng ấp lạnh” nghĩa là khi cha mẹ nóng nực thì quạt cho mát, khi cha mẹ lạnh thì đắp cho ấm, đó là câu nói để tỏ tâm hiếu của con cái theo thể thường tình nhỏ mọn mà thôi, chớ đối với Phật-Mẫu không có một điều gì ta làm đặng đền công sanh thành dưỡng dục của cha mẹ mà gọi là hiếu, bởi mình không phương thể trả cái hiếu ấy đặng bao giờ. Vì vậy mà sách Nho tả không hết được.

Ấy vậy, có hiếu tức là phụng-sự cho cha mẹ đủ mọi phương diện theo hoàn cảnh của mình. Làm con mà muốn nói mình có hiếu mà Ông mặc kệ Ông, mình mặc kệ mình, có khi cả đời thảng hoặc suốt năm không thăm viếng, đợi tin chết đặng về để tang, bằng không chết thì thôi, Ông Bà sống tự họ, mình sống tự mình.

Rủi nghe ai nói: Ông Cha bị cảm nặng, bị lạnh rét sao chú nó hoặc cô nó không về thăm thì lại nói rằng:

- "Tôi cũng lạnh gần chết tôi đây, nhà tôi ở xa, ông lạnh ông ở nhà, tôi đi đường xa đây tôi còn cảm nặng đau hơn ông nữa" vậy.

Đối với cha mẹ mình phải báo hiếu trọn cả kiếp sanh cũng chưa vừa, càng khổ não, khó khăn chừng nào thì tâm hiếu ấy mới quý, mới trọng.

Đối với Chí-Tôn cũng thế. Đêm hôm qua đi cúng chỉ có một ít người thôi, đó là tâm đạo theo Trời mưa nắng! Lại đổ thừa đi mưa sợ cảm sởi mũi nhức đầu. Tội nghiệp Chí-Tôn rủ có lạnh không ai đến cho mà chớ, mà Người chắc không lạnh nên không cầu lạy chi mình, chỉ mình không hưởng ơn riêng, sợ buổi trút hồn là khổ não.

Trong Thánh-Giáo Gia-Tô có câu chuyện như thế này: Đức Chúa Jêsus Christ nói: "Nhiều kẻ được kêu mà ít người đến" (*Il y a beaucoup d'appelés mais peu de venus*) ý nói rằng con cái của Đức Chí-Tôn thì nhiều mà hạng đặng siêu rồi vẫn ít. Có người đó cũng có học thức nghe vậy tức mình nói: "Đáng Cứu Thế đến siêu rồi thì siêu hết, chớ có lý nào kêu lại không đến, Thánh giáo nói làm sao vậy chớ?" coi bộ bất bình lắm.

Đến ngày lễ Đức Chúa Giáng Sinh, tuyết trời lạnh lắm, mà anh ta cũng làm chức trùm hay cậu gì trong Đền-Thánh đó, nhưng đến buổi lễ thấy Đền Thờ trống trơn. Ông Cha mới kêu anh ta lại, vừa cười vừa nói rằng: "Nhiều người kêu mà ít kẻ đến là vậy đó." Anh ta nhớ lại lời mình vấn nạn khi trước, bắt thẹn thường mắc cỡ.

Nếu nền Đạo của Chí-Tôn phải tùng theo sự nóng lạnh mà thịnh hay suy, thì đây về sau, Bản-Đạo tương nếu trời mưa miết ắt diệt Đạo Cao-Đài này đặng có phải?

Chương V: NHƠN-LUÂN CHI ĐẠO

- A. Tam tạng Ngũ thường theo Nho-giáo
 - B. Tam tạng ngũ thường theo Đạo Cao-Đài
 - 1. Thể pháp và Bí pháp của Nhơn đạo
 - 2. Tam tạng Ngũ thường theo Thiên đạo
-

Chương V: NHƠN-LUÂN CHI ĐẠO

Trong buổi Tam-Kỳ Phổ-Độ này Thầy ân-cần nhắc-nhờ Nữ-phái, vì lâu nay Nữ-phái bị thiệt-thời bởi cái án bất công của xã-hội. Nay Thầy đến ban cho một sự Công-bình và Thương-yêu thật sự, tức là thực-thi Bản-đệ tam Thiên-nhơn Hoà-ước rồi đó. Thánh-ngôn Thầy dạy:

... “*Chẳng phải vì đờn-bà mà sớm nôi cơm, chiều trả cháo hoài.*”

Phần các con truyền Đạo kỳ Phổ-Độ này cũng lắm nặng nề, bao nhiêu Nam tức cũng bao nhiêu Nữ; Nam biết thành Tiên Phật chớ Nữ lại không sao? Thầy đã nói nơi Bạch-Ngọc-Kinh có cả Nam và Nữ, mà phần nhiều Nữ lấn quyền thế hơn Nam nhiều. Vậy con phải tuân lệnh Thầy mà lập thành Nữ-phái. Nghe và tuân, Thầy hằng ở với con, lo chung cùng con, con chớ ngại! (TNI/29)

Thầy một lần nữa xác nhận:

“*Trên Bạch-Ngọc-Kinh có đủ Nam và Nữ, các con chớ lầm tưởng là phân biệt. Có các Đấng Nữ Tiên, Nữ Phật còn lớn quyền thế hơn Nam nhiều*” (TNI/9)

“*Thầy dạy: Chư Ái-nữ, Thầy vì Tam-Kỳ Phổ-Độ chẳng phân cao thấp, sang hèn, Thầy chỉ khuyên một điều là đạo hạnh các con phải giữ hằng ngày cho nhằm phương-pháp Nhơn-đạo, tức là Tứ đức đó vậy. Các con hiểu à?*”

“*Nền Nhơn-luân của con nhà Nam-Việt chẳng làm, mà tại các con hay nhiễm thường tình mà hư-hoại, nên chi Thầy phải nhắc lại cho các con đừng lầm nữa, nghe các con!*”

Nam-phái vào. Các con nghe cho rõ, thường ngày các con trông thấy những điều trái tai gay mắt, các con có biết vì sao chẳng? Như kẻ làm quan ý quyền hiếp bức dân lành, đưa

ngu nghịch cha phản bạn, làm rối luân-thường, các con có biết vì tại sao chẳng?... Tại vô Đạo...” (TNI/80)

Thầy dạy: Nữ-phái biết trọng Tam tòng Tứ đức, Nam-phái Tam cang Ngũ thường. Hễ Nhơn-đạo thành thì là phù-hạp Thiên-đạo, nghe à!” (TNI/101)

A- Tam cang Ngũ thường theo Nho giáo

I. TAM CANG 三 崗:

Ba giềng mối lớn trong đạo làm người

Người phái nam khi đã trưởng thành thì phải giữ 3 điều đạo trọng là: Quân thần cang, Phụ tử cang, Phu thê cang

1. Quân thần cang 君 臣 崗 Giềng mối vua tôi. Đạo vua tôi.

Thần dân trong nước phải trung với vua. Vua ở đây tượng-trung cho quốc gia dân tộc. Phải trung với quốc gia dân tộc của mình, giúp vua dựng xây đất nước và bảo-vệ cho dân tộc.

Người dân từ xưa tới giờ đã mất niềm tin với người cầm đầu như vua, Tổng-Thống chẳng hạn, nên khi nói tới vua thì chỉ thấy bóng dáng của một triều-đại của Lê-Long-Đĩnh Việt-Nam hay Tần Thuỷ-Hoàng bạo Chúa.

Phải nên trung-thành với một vị vua vì dân, vì nước, chớ không phải trung thành mù quáng theo một ông vua hay dòng họ nhà vua. Nếu trung thành với hôn quân thì đó là ngu trung.

Mạnh Tử từ ngàn xưa đã dạy rằng: Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh 民為貴社稷次之君為輕 Nghĩa là: Dân là quý, nước nhà là kế, vua tự xem mình là nhẹ. Cho nên vị vua phải tự ý-thức điều đó; còn với người dân cần phải trung thành với quốc gia dân tộc đồng thời trung thành với một ông vua đạo-đức mà hết lòng phò vua giúp nước.

Một vị vua vì dân, vì nước tức là đã quên mình thì đầu chức vua cũng là một chức phẩm trong các phẩm mà thôi. Vua là để phụng-sự cho dân, cho nước. Còn nếu nói rằng ta chỉ quý dân mà không tôn-trọng vua thì e rằng đây là một hình ảnh quý con mà không cần đến mẹ, như chế-độ phong kiến ngày xưa. Nếu cả toàn dân mà khinh thường vua rồi bảo ông vua hết lòng lo cho nước có được không? Người dân có quyền xem trọng hay khinh là khi đối diện với Người kia. Có những vị làm đầu dân-tộc là vị vua tồi-tệ như Lê-Long-Đĩnh hỏi có mấy ai phục, hay nể vì, nhưng liệu có dám khinh trước mặt vua không? Đó là do từ trong lòng của mỗi người mà ra vậy.

Lại cũng có câu “Quân minh thần trung” 君明臣忠 Nghĩa là: Vua sáng thì tôi trung. Rồi khi gặp vua hôn ám thì bề tôi có thể can-gián, không can-gián được thì đưa họ xuống bởi chế-độ quân-chủ dân-quyền thì dân có quyền chứ!

Nếu không thể giữ lòng trung với vua thì cũng phải biết yêu-thương nòi giống quốc gia dân tộc! Còn nếu nói “khinh vua” theo thường tình nghĩ-nghị thì dù khinh dù trọng nào có nghĩa lý gì trong khi đó người dân vẫn cúi đầu mà vẫn chịu sự đàn áp?

“**Tại sao Trung?** Tại tình-ái cao thượng dồi dào đối với quốc-dân nòi giống lên đến cực độ, nó quá vĩ đại. Nếu ta thấy một vị công thần liều mạng sống đặng bảo vệ cho quốc dân, trung ấy chưa phải là trung với vua, mà trung với nước chứ! Có điều vua là tượng trưng cho nước, nên trung với vua tức là trung với nước. Mà có trung đặng là vì quyền năng ái-chủng, ái-quốc nuôi trong tinh thần nhiệt liệt, nên tình ái ấy vì chủ tinh thần, cho nên ta thấy có kẻ vì trung dám hy sinh tánh mạng được là vì vậy.”

2. Phu tử cang 父子崗 Giềng mối cha con.

Phải hiếu với cha mẹ. Phải biết nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ mà lo đền đáp. Thuở nhỏ phải nghe lời

dạy bảo của cha mẹ, khi lớn lên, cha mẹ đã già yếu thì phải lo bảo dưỡng cha mẹ.

Ông Thánh Tăng Tử có nói rằng: "Hiếu giả bách hạnh chi tiên, hiếu chí ư Thiên tắc phong vũ thuận thời, hiếu chí ư địa tắc vạn vật hóa thành, hiếu chí ư nhân tắc chúng phúc hàm trần." 孝者百幸之先孝至於天則風雨順時孝至於地則眾福銜臻

Nghĩa là: Hiếu là nét đứng đầu trăm hạnh, hiếu cảm đến Trời thì gió mưa hòa thuận, hiếu cảm đến đất thì muôn vật tốt tươi, hiếu cảm đến người thì phúc lộc thịnh vượng.

Phần cha mẹ thì phải hết lòng thương yêu, chăm sóc dạy dỗ con cái cho nên người và làm gương tốt cho con.

Cha hiền con thảo, từ xưa đến nay vẫn vậy. Trong gia-đình muốn có con hiền-thảo thì chính cha mẹ phải có được những đức tính đó. Có câu “Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận tử, ngỗ-nghịch hoàn sinh ngỗ-nghịch nhi” là vậy.孝順還生孝順子 逆還生逆兒 Bởi cha mẹ có hiền thì sinh con nó mới bắt chước cái hiền ở cha mẹ, còn cha mẹ ngỗ-nghịch bảo con không giống ngỗ-nghịch sao được.

3. Phu thê cang 夫妻崗 Giềng mối chồng vợ. Đạo vợ chồng.

Đạo vợ chồng trọng yếu nhất phải là thuận hòa trong tình thương yêu chơn thật, dù gặp hoàn cảnh khó khăn cũng phải giữ gìn trọn vẹn như vậy. Vợ chồng sống với nhau, ngoài tình thương yêu, còn phải giữ nghĩa với nhau. Thánh-nhân dạy phải yêu-quí nhau như buổi ban đầu, gọi là “trương kính như tân” 相徑如賓

Đạo vợ chồng rất nên quan-trọng để từ đó gây dựng nên giòng giống, khởi điểm là gia-đình, xã-hội, quốc-gia dân-tộc và đến thế-giới nữa.

II. NGŨ THUỜNG 五常

hay còn gọi là Năm hằng tức là năm mỗi đạo thường..

Ngũ thường gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

1. Nhơn 仁 Lòng thương người mến vật tức là sự nhân-từ, nhân-ái.

Con người thường có hai tình cảm đối ngược nhau: Hễ thương thì không ghét, mà ghét thì không thương. Như thế, muốn có lòng Nhơn thì phải mở rộng lòng thương yêu để cái ghét không có chỗ chen vào.

Lòng Nhơn là căn bản của đạo làm người, là đầu hết các hành tàng. Giữ luôn được lòng Nhơn thì lúc nào ta cũng được an vui, hạnh phúc.

Thánh-ngôn Thầy có dạy:

NHƠN là đầu mối các hành-tàng,

Cũng bởi vì NHƠN dân hoá quan.

Dân-trí có NHƠN nhà nước trị

Nước nhà NHON thiết một cơ-quan.

2. Nghĩa 義 Cư xử theo lẽ phải đạo.

Trong cách xử thế, cái Nghĩa là quan trọng nhất, nó dẫn dắt con người đến đạo đức. Nghĩa phải đi liền với Nhơn, có Nhơn mà không có Nghĩa thì đạo đức thiếu hình thức, còn có Nghĩa mà thiếu Nhơn thì đạo đức thiếu tinh thần. Nó là bóng và hình tức là cặp âm dương cơ ngẫu đó vậy. Nếu dẫn chứng một nguyên-nhân sâu xa, thì đây lời Đức Hộ-pháp nói:

Tại sao ta có Nghĩa? Tại sao Nghĩa lại hiện tướng trên tánh đức của một chơn linh cao trọng? Nơi cõi Hư-linh mỗi người có một gia tộc, một đại nghiệp, anh em đông biết bao nhiêu. Bần Đạo xin nhắc lại câu này cho toàn cả hiểu điều yếu trọng: Chẳng phải vì sự tình cờ mà chúng ta được chung đứng trong lòng của Đức Chí-Tôn ngày nay đây. Biết đâu trong 24 chuyến thuyền Bác-Nhã chở các nguyên nhân hạ trần đặng làm bạn và độ rỗi các Hóa nhân và Quỷ nhân, lại không có chúng ta ngồi chung trong đó.

3. Lễ 禮 Phép tắc tốt đẹp trong xử thế.

Lễ là mực thước để đo lường tư tưởng, hành động trong khi xử thế. Nó thể hiện sự tôn nghiêm trật tự và hòa hợp trong ý nghĩ và việc làm.

Đức Lão Tử có nói: Nếu thất Đạo thì nên theo Đức, nếu thất Đức thì nên theo Nhơn, nếu thất Nhơn thì nên theo Nghĩa, nếu thất Nghĩa thì nên theo Lễ. Vậy muốn trở về với Nghĩa thì phải học Lễ trước hết.

4. Trí 智 Năng lực hiểu biết.

Nhờ có Trí mới phân biệt được sáng tối, phải quấy, thiện ác. Mục đích của Trí là tìm hiểu chơn lý, tức là Đạo, nên cần phải lo học tập để mở mang cái Trí. Khi cái Trí hiểu biết rõ ràng thì hành động mới tránh được sai lầm.

5. Tín 信 Tin tưởng. Nho nói “Nhơn bất tín bất lập” (người không có được chữ Tín thì không nên danh với đời) Tín 信 là gồm có bộ nhân và ngôn.

Lời nói phải đi đôi với việc làm. Phải giữ chữ Tín và phải quý trọng lời mình nói ra. Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy, nghĩa là: một lời nói ra, xe tứ mã khó đuổi theo kịp.

Chữ Tín rất quan trọng, nó thể hiện phẩm chất đạo đức của con người mình. Nhơn vô tín bất lập, nghĩa là: người mà không có chữ Tín thì không làm nên được việc gì.

Tóm lại, phần Nhơn đạo của nam phái gồm hai phần trọng yếu là: Tam tạng (Trung, Hiếu, Nghĩa) và Ngũ thường (Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín). Tất cả gồm 8 chữ, nếu làm trọn vẹn được một chữ thì đủ đạt Thần vị, như những bề tôi trung với vua, liêu thân với nước, được vua phong Thần, đưa về các làng xã làm Thần Hoàng, ủng hộ dân chúng và được hưởng cúng tế; nếu làm trọn vẹn được hai chữ thì được phong Thánh, như trường hợp Quan Vân Trường thời Tam Quốc được trọn vẹn hai chữ Trung và Nghĩa, nên hiển Thánh.

B. Tam tạng Ngũ Thường theo Đạo Cao Đài

Thánh-nhân dạy trai Tam tạng Ngũ thường, Gái Tam tàng Tứ đức .

Với tính cách vững-chắc trong Đạo nhơn-luân không thể thiếu nên dùng làm Tứ đức cho giới nữ-lưu. Thế nên Nữ giữ lấy Tam tàng Tứ đức.

Đây là tất cả giềng mối nhơn-luân đạo trọng của dân-tộc Á-Đông luôn có nền-nếp văn-minh tinh-thần bất-khuất, dù ngày nay lộn sóng văn-minh vật-chất có lỗi cuốn nhơn-loại vào cơn xáo-trộn kinh-hoàng! Chắc-chắn những cái gì hay đẹp truyền thống không bao giờ mất đi được.

Chính Đức Chí-Tôn đến để lập lại cán cân công-bình ấy để được sống lại mà làm người thật xứng đáng với người!

Vì lẽ đó nên Đức Hộ-Pháp quả-quyết:

“Tân-luật Đức Chí-Tôn cốt-yếu muốn cho ta làm, dựng ta bảo-vệ Tam tạng Ngũ thường của nhơn-loại. Nói về phương Đông này dầu cho luận tới các quốc-gia, xã-hội đến đâu đi nữa, họ tự-trọng, họ văn-minh thế nào họ chưa ra khỏi đường lối ấy, niêm-luật ấy bao giờ. Nếu họ ra khỏi là muốn tự bỏ cả xã-hội của họ, thì họ sẽ thành cái gì chứ không thành xã-hội”

“Trong Tân-luật ấy Đức Chí-Tôn định cho Ngũ-giới-cấm, Tứ đại điều-quy và trong ấy cốt-yếu bảo-vệ Tam tạng ngũ thường cho toàn thể con cái của Ngài. Thật ra cái Thiên-luật của Ngài mà Ngài đã để trong tâm-não con cái của Ngài”

Đạo Cao-Đài là thời-kỳ Nho-Tông Chuyển Thế, tức là lấy tinh hoa giáo-lý Nho-giáo để phục hưng đạo-đức trong phần Nhơn-đạo. Do đó, Tam tạng và Ngũ thường của Nho-giáo được Đạo Cao-Đài áp dụng làm căn-bản cho việc tu thân của phần Nhơn-đạo, để sau đó tiến lên bậc cao hơn là tu Thiên-đạo cầu giải thoát.

1. Thế pháp và Bí pháp của Thế-đạo (cũng gọi là Nhơn-đạo)

Tam Tạng và Ngũ thường theo Nho giáo như vừa trình bày ở phần trên là thuộc về Thế pháp của Nhơn đạo.

Đức Cao Thượng-Phẩm giảng cơ dạy về Thế-pháp và Bí-pháp của Nhơn đạo, được Ngài dạy như vậy:

Một nhơn-sanh phải giữ thế nào cho tròn Nhơn đạo?

“Đạo nhơn-luân gồm có Nhơn-đạo và Thiên-đạo. Nhơn-đạo tức là Thế-đạo.

*** Về Thế Đạo:**

“Hẳn mấy em đã rõ đại-cương về Thế-đạo tức là Nhơn đạo:

- Nam thì Tam cương, Ngũ thường,
- Nữ thì Tam tàng, Tứ đức.

Song đó chỉ là thế của Nhơn-đạo hữu hình mà thôi. Nếu mấy em hằng ngày tâm niệm có bấy nhiêu thì làm sao trọn vẹn được.

Trong Thế đạo phải phân-tích ra làm hai pháp lý:

- Một là Thế pháp Thế-đạo.
- Hai là Bí pháp Thế-đạo.

Tam tạng Ngũ thường, Tam tàng Tứ đức là Thế, dựng làm sở hành cho mặt Thế pháp Thế-đạo mà thôi, lấy đó làm chánh đề mà đi.

Bây giờ muốn giữ Tam tạng phải làm thế nào?

1-Quân thần tạng: Vua là kẻ chăn dân. Vậy bốn phận ấy là phải lập trên những hành tàng để cứu giúp dân cho khỏi điều thống khổ. Ấy là công việc của Cơ Quan Phước Thiện bây giờ đó. Tôi phải tỏ dạ trung-thành dâng vua giúp vua mà làm cho bá tánh an cư lạc nghiệp, tức là bốn phận của hàng Thánh thế đó vậy.

2-Phụ tử tạng: Cha là người thay quyền Chí Tôn trong một tiểu gia đình, tức nhiên là phải biết mình là bốn phận giáo hóa dưỡng dục, tức nhiên một Hội Thánh nhỏ trong một gia đình. Vậy con phải trọn hiếu, tức nhiên là không làm điều nhục

tổ hổ tông, tức là bốn phận một tín đồ, hay nói đúng hơn nữa là một Môn-đệ xứng đáng của Đức Chí Tôn đó vậy.

3-Phu thê cang: Chồng là người cầm lái đặng đưa một tiểu gia đình đến chỗ đạo đức thanh bạch, tức là bốn phận của cơ quan Hành-Chánh đó vậy. Vợ là người tùng theo chồng để giúp an sự nghiệp tạo nên hạnh phúc của gia đình, tức là bốn phận của Bảo Cô đó vậy.

Về Ngũ thường thì:

Nhon: là phải biết nghĩa đồng sanh, biết tình đồng hưởng, Âm Dương chi khí, chẳng để lòng sái loạn chơn truyền, tức nhiên là phải trọn vâng theo luật Công bình - Bác ái.

Nghĩa: là phải biết trọn phận người để tạo nên danh trọng giá cao, tức là phải giữ nên phẩm hạnh mà nhìn rõ của chung đồng hưởng.

Lễ: là giữ hạnh nét đứng đắn để tạo nên một nhân phẩm, biết nhường biết nhịn. Tức nhiên là phải giữ trọn hạnh đạo đó vậy.

Trí: là phải thông hiểu việc thế mà đi, không để tên tuổi phải lời chê tiếng nhẽ, tức nhiên là phải trọn vâng luật pháp chơn truyền đó vậy.

Tín: là phải đúng lời đúng hẹn, tức là phải danh chánh ngôn thuận, thuyết hành phải được giống in nhau, tức là phải trọn thế đó vậy.

Đó là mặt Thể pháp Thế đạo. Còn mặt Bí pháp Thế đạo là phương tâm ra định hướng để vẹn giữ Tam cang Ngũ thường, tức nhiên là trọn phần Nhơn đạo. Ấy là kết quả do Thể pháp mà nên.

Nói chung về Bí pháp Thế đạo tức nhiên là phương pháp giúp đời an nhàn đạo-đức đó vậy”.

Về Tam tòng Tứ đức là phần của Nữ-phái:

TAM TÙNG

1- Tùng phụ: như người con phải trọn giữ tiết-trinh, cũng như kẻ Tín-đồ giữ trọn danh Đạo

2- Tùng Phu: như bóng tuý hình, tức nhiên là phải ví mình như một trong Thánh-thể tòng Hội-Thánh vậy.

3-Tùng tử: là phải vì đám hậu-sinh mà quên mình đặng tạo thành sự nghiệp tương-lai cho chúng, tức nhiên là bốn-phận của Chức-sắc vậy.

TỨ ĐỨC: CÔNG DUNG NGÔN HẠNH

1-Về Thế Đạo:

Tức nhiên là việc làm cho nhơn-sanh thoát khổ, lời nói để đưa đường giáo hoá. Hành-vi cử chỉ đặng treo gương mặt thế, tức là phải biết nâng cao giá-trị của Thánh thể Chí-Tôn: nét-na đậm-thắm, giữ trọn Thương-yêu, tức nhiên là làm nền móng cho Đại-Đồng thế-giới, đó là Thể pháp.

Kẻ đã trọn về mặt Thể-pháp tức nhiên hiểu biết Bí pháp. Vì Bí-pháp không chi lạ hơn là phương-pháp bí-yếu để nâng cao giá trị cho Thế-đạo. Nói rõ hơn nữa là phương làm cho đời trở nên tận thiện tận mỹ. Nói theo nhơn-sanh triết-lý thì Bí pháp là kế-hoạch nâng cao đời sống trong Nhơn-nghĩa đó vậy”.

2-Thiên-đạo:

“Về Thiên-đạo cũng có Thể-pháp và Bí-pháp như Thế đạo vậy.

Về Thể-pháp Thiên-đạo tức nhiên là những nơi học hỏi để ung-đúc tinh-thần trên khuôn viên Chánh-pháp.

Trong Thể-pháp Thiên-đạo chia ra làm ba thời-kỳ:

- Thứ nhất là thời-kỳ khai thác.
- Thứ nhì là thời-kỳ luyện tập.
- Thứ ba là thời-kỳ thi-hành.

Trong thời-kỳ sau này mới thường gặp những cơ khảo-đạo đặng thử-thách tinh-thần.

Về thời-kỳ thứ nhất thì là những tạo-tác làm nơi qui hợp đức-tin cho con cái Đức Chí-Tôn, tức là các Đền thờ đó vậy. Khi một môn-đệ đã thọ môn, tòng giáo thì phải do nơi các Đền

thờ đặng tự hiệp Đức-tin: đó là bước đầu tiên của Thễ-pháp Thiên-đạo. Do đó sự cúng kiến niệm kinh là điều yếu-trọng vậy.

Qua thời-kỳ thứ nhì là đem đức-tin đã trụ được đặng tập luyện tâm tánh và khởi lập công trừ quả đặng tự giải khổ cho mình và giúp phương cứu khổ cho toàn nhơn-loại, ấy là phương tập luyện tánh thành, tâm niệm đó vậy.

Qua thời-kỳ thứ ba là thi-thố những đức-tin hầu lấy phương giải khổ mà đem gieo truyền hột giống Thương-yêu, ấy là phương cứu khổ đó vậy. Trong lúc này tinh-thần hay gặp những chướng ngại hoặc làm cho nao-núng tan rã đức-tin, hoặc theo đường quý mị, chia phe phân phái mà nên Tả đạo, Bàn-môn như hằng hữu đã xảy ra đó.

Trong ba thời-kỳ thì:

- Thứ nhứt là lập ngôn.
- Thứ nhì là lập công.
- Thứ ba là lập đức.

Đó là Thễ-pháp Thiên-đạo.

Khi đã trọn phần Thễ-pháp rồi liền bước qua mặt **Bí-pháp** là phương Tu tâm sửa tánh hầu lập thành Chơn-khí thanh-khiết mà hiệp với Chơn-thần đặng tiếp lấy Chơn-linh để giải phương cứu khổ thêm bề siêu lý diệu chơn. Ấy là phương tâm hiểu chơn-truyền chánh-pháp đó vậy.

Khi đã vẹn sạch TINH KHÍ THẦN là đắc pháp đó.

Mấy Em đã học được về khoa bí-pháp khẩu tụng, vậy khá để tâm học hỏi cho được tâm truyền thì công-phu của mấy Em đã được phần thưởng vô giá đó.

Nói về THIÊN-ĐẠO tức là luận về Vũ-trụ triết-lý, là nói về không-gian.

Còn THỂ-ĐẠO là luận về nhơn-sanh triết-lý, tức là nói về thời-gian đó.

Mấy em khá hiểu cho lắm mới được. Phải để tâm suy-nghiệm đó nghe!”

(Trích Tam thể xác thân của đức Thượng-Phẩm)

Phụ chương
TƯ-TƯỜNG ĐẠI-ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ-PHÁP

- Đạo
 - Đại Đạo
-

PHỤ CHƯƠNG: TU-TƯỞNG ĐẠI-ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ- PHÁP

ĐẠO

* Thầy thường nói với các con: Lập một nước thì dễ mà trị một nước thì khó.

Về mặt tinh thần, lập một nền Đạo lại khó mà trị một nền Đạo lại khó nữa. Vì phải hàng phục nhơn tâm thành hay bại là do nơi đó.

* “ĐẠO là chi? ĐẠO rất cao thâm mầu-nhiệm, Đạo trùm càn-khôn thế giới không có vật chi, không có việc chi ra khỏi ĐẠO, xin diễn tắt rằng hễ có đời tức nhiên có ĐẠO”

* Nền Đạo đã thông truyền Quốc-Tế, vậy phải văn-hồi các bản sắc trong lành cho xứng danh là Thánh-Địa, hầu làm cái trụ cột tinh-thần cho nhơn-loại hướng về tin-tưởng.

* Ngày kia, khi Đạo Cao Đài đã mạnh mẽ tràn lan khắp năm châu. Lúc ấy thế giới sẽ đưa nhau về đây thỉnh Ngọc Xá Lợi của Liệt Thánh về chiêm ngưỡng cũng sẽ không kém gì cuộc cung nghinh xá lợi Phật của thế giới ngày nay vậy.

* - Đạo xuất ư Đông 道出於東

Theo nguyên-lý của trời đất thì Đạo luôn luôn phát khởi từ phương Đông

* Câu “Ánh thái-dương giọi trước phương Đông”. Ánh Thái-dương là Đạo đó vậy. Nay đã đến hạ-nguon mặt kiếp, cuối cùng nên Đức Chí-Tôn mới chuyển Đạo nơi vùng Á-đông, đây là nơi nguồn Đạo phát ra, lại khai nơi Nam-kỳ (một trong ba kỳ nơi cõi Á-đông). Vì cõi Đông-dương đây cũng về miền Đông của Á-châu nên ngày nay phải khởi khai nơi hướng Đông trước rồi mới truyền lần ra hướng Tây.

* Như Đức Chúa Jésus khai Đạo bên Âu-châu, thì cũng khởi khai nơi miền Đông của Âu-châu, rồi mới loan truyền khắp cả Âu-châu, ấy là luật tự-nhiên từ cổ chí kim, hễ Đạo phát khai thì cứ bắt đầu từ phương Đông truyền ra.

* Ngày nay là giáp một vòng nên khởi lại điểm ban đầu gọi là “Thiên địa tuần-hoàn châu nhi phục thủy” do đó nền Đại-Đạo phải khai tại Á-Đông này nên Thầy mới mở Đạo nơi Đông-dương là cực Đông của Á-châu mà lại khai nơi xứ Nam-kỳ là xứ thuộc-địa, dân-tộc yếu hèn, kém cỏi, ấy là do nơi Thiên-cơ tiền định cả muôn năm, lại là thường cái lòng tín-ngưỡng của người Nam từ thử.

* Tuy khai Đạo tại nước Nam mà cũng khởi từ Đông, do cái lý từ Bàn-cổ sơ khai: “Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, nhơn sanh ư Dần”天開於子地藉於丑人生於寅. Do vậy mà Đạo khởi khai tại Tây-ninh lần lần truyền ra Gia-định, Biên-Hòa, Thủ-Dầu-một, Chợ-lớn là mấy hạt ở hướng Đông. Qua năm thứ nhì, thứ ba Đạo mới truyền ra mấy hạt hướng Tây”.

“Cái nguyên-lý ấy có từ thuở chưa có càn-khôn vũ-trụ. Đạo-giáo có dạy: Hai lần nguon-khí đưng lại nổ ra khỏi lửa, khối lửa ấy là ngôi Thái-cực, chủ ngôi Thái-cực là Đức Chí-Tôn. Khi trời sét nổ ta nghe gì? An-nam mình kêu là “ùm”. Vì có phép Phật sửa lại là “úm”(úm ma ni bát ri hồng). Câu ấy đọc có nghĩa là nắm cả quyền-năng vũ-trụ quản suất trong tay. Tiếng nổ ta nghe nó ra sao? Khi nổ rồi còn nghe tiếng bay xa, nguyên-căn của tiếng nổ là tiếng trống, còn giọng ngân là tiếng chuông.

* Ấy vậy, nguyên-căn của Đạo-giáo do bên Á-Đông này, có tiếng trống phát khởi trước nên chùa thường sử-dụng độc nhất tiếng trống; tiếng ngân ấy là sự ảnh-hưởng đạo-giáo, mới xuất hiện qua Âu-châu đều là ảnh-hưởng từ Phật-giáo, mà Phật-giáo xuất hiện nơi Á-đông. Vì vậy mà Đạo nơi phương Tây chỉ có tiếng chuông, còn các nền Tôn-giáo phụ thuộc đều không đúng theo nguyên-tắc căn-bản.

* Do nguyên-lý “Đạo xuất ư Đông” Đế xuất hồ Chấn mà ngày nay Đạo Cao-Đài qui nguyên hiệp nhứt nên có đủ trổng và chuông, ấy là thuần-túy tinh-thần Á-Đông để phát-huy đến cả đại-Đông thế-giới vậy”

* Lại nữa trên chữ nghĩa thì chữ ĐÔNG 東 Thánh-nhân khi chế ra văn-tự cũng đã xác-định phương Đông là phương mặt trời mọc; nghĩa là chữ 東 cấu hợp bởi chữ mộc 木 và bộ nhựt 日 tức là mặt trời lên khỏi ngọn cây, lúc ấy vàng dương lộ dạng.

* Kinh đã nói rõ “Ánh Thái-dương giọi trước phương Đông. Tổ-Sư Thái-Thượng Đức Ông”, suy ra có phải là tiền Thánh đã chỉ rõ rằng các môi Đạo khai từ phương Đông trước mà ba Đấng Giáo-chủ của ba đạo-giáo đã lần-lượt xuất hiện, đó là:

- Phật-Tổ Thích-Ca Như-Lai mở Phật-đạo chánh truyền,
- Kế Đức Thái-Thượng Lão-Quân khai Tiên-giáo,
- Đức Thánh Khổng-Phu-Tử khai Thánh-giáo, tức là ba Tôn-giáo lớn đã làm chủ tinh-thần nhân-loại đến ngày nay.

ĐẠI-ĐẠO

* Đức Chí-Tôn muốn nói với Ngài Bảo-Đại nền Quốc-Đạo của Người, ngày nay đã thành Đại-Đạo. Trong chữ Đại-Đạo bao trùm cả đức tin loài người.

* Nền Đạo Cao-Đài vốn là cơ-quan để nắm tay của đời diu-dắt vào trường học của trời mà chớ!”.

* Nền Đạo Cao-Đài thực hiện Trời Người hiệp một đồng trị, mới có cơ-quan giải-thoát như vậy”

“Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ chiếu theo luật Thiên-đình hội Tam-giáo mở rộng môi Đạo Trời, ấy cốt để diu-dắt nhơn-sanh bước lên con đường Cực-lạc, tránh khỏi đoạ luân-hồi và dụng Thánh-tâm mà dẫn dân sanh, làm cho hoàn-toàn trách-nhiệm

nặng-nề của đứng làm người, về bực nhơn-phẩm ở chôn trần-ai khôn-đốn này

* Nếu người nào không Nhập-môn làm môn-đệ Đức Chí-Tôn thì không thể gì vào được Cực-Lạc thế-giới, vì các Đạo-giáo đã bị bế, chỉ còn lại nền Đạo Thánh-truyền của Di-Lạc-Vương tận độ mà thôi”

“Nếu không đi vào con đường Tam-kỳ Phổ-Độ thì không thể gì đi con đường nào mà về Cực-lạc thế-giới là vậy đó. Phương-pháp độ dẫn chỉ có khuyên các chơn-linh dầu nguyên-nhân hay hoá nhân đoạt được chữ “Hoà” với chữ “nhẫn” mới về nơi cửa này được, dầu cho vạn kiếp sanh dày công tu-luyện mà còn ganh-ghét thì sẽ bị vào tay Chúa qui, không trông gì về cùng Thầy được

* Chí Tôn muốn nói phong-tục nước nhà của Người sẽ làm nền phong-hóa của loài người

* Bản Đạo xin nói quả quyết rằng: Từ tạo thiên lập địa đến giờ chưa có nền Tôn giáo nào được mau chóng như Tôn-Giáo của Chí-Tôn đến tạo nơi xứ Việt Nam chúng ta.

* Chúng ta ôn thử lại trong buổi thành Đạo cuối cùng trong 2 năm nay, ta thấy gì? Nếu chúng ta có đủ tinh thần tìm hiểu Thánh ý của Chí Tôn trong 22 năm, để cho chúng-tộc Việt-Nam chịu đau khổ, chịu trong cảnh tương tàn, tương sát, thống khổ, cảnh tượng nguy ngập có nghĩa gì? Ý vị gì?

- Ấy là Đức Chí Tôn xây chuyện cho con cái của Ngài thấy rằng: Hung bạo ở thế gian, không phải năng lực độc đoán mà thắng được và trị thế được.

* Đối với thế gian này, nếu có phương chước, có bí pháp thì duy lấy nhơn đức trị nó mà thôi. Hung bạo của đời này không lấy hung bạo trị đặng, duy lấy đạo đức tinh thần trị mới đặng.

* Đến ngày 14 tháng 10 Bính Dần, nhằm ngày 18-11-1926, Đức Chí Tôn dạy thiết Đại Lễ Khai Đạo chánh thức tại Từ-Lâm-Tự tỉnh Tây-Ninh, đồng thời Đức Chí-Tôn lập Pháp-

Chánh-Truyền phong vị cho Chức-Sắc Hiệp-Thiên-Đài, Cửu-Trùng-Đài, và Đức Chí-Tôn dạy nhóm Hội-Thánh lập Luật, vậy sau ba tháng Đại-Hội, Đạo đã có Pháp, có Luật thì nghiêm-nhiên Đạo thành một nền Tôn-Giáo danh gọi là Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

* “ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ do Đức Cao-Đài Thượng-Đế dùng Huyền-diệu Cơ bút khai sáng tại nước Việt-Nam từ năm Bính-Dần (1.926) đến nay đã 30 năm, độ dân được một số thiện-nam tín-nữ hơn hai triệu người, Tổ-Đình thờ Đức Chí-Tôn và Đền thờ Đức Phật-Mẫu lập thành tại Thánh-địa Tây-Ninh. Hội Thánh hành-đạo dưới quyền Đức Tiên-Trưởng Lý Thái-Bạch kiêm Giáo-Tông về mặt vô-vi, còn về mặt hữu-vi thì dưới quyền Đức Quyền Giáo-Tông Thượng-Trung-Nhật, nay đã qui thiên. Hiện giờ Đức Hộ-Pháp chấp-chương quyền tối cao trong cửa Đạo cho tới ngày có Giáo-Tông hữu-hình chánh-vị.

* Luật-pháp: Luật-pháp của Đại-Đạo là Tân-luật và Pháp-Chánh-Truyền do Đức Cao-Đài Thượng-Đế dùng huyền-diệu Cơ bút giảng dạy để làm qui-cử chuẩn-thăng cho Hội-Thánh truyền giáo.

Diệt trừ mê-tín dị đoan, bắt nạt bóng chàng, phù thủy, bôn Đạo dung-hoà mọi tín-ngưỡng và tùy khả năng tiến-hoá của mỗi hạng người và phong-tục của mỗi địa-phương mà phổ-độ.

* Tôn-chỉ: Tôn-chỉ của Đại-Đạo là diu-dẫn quần-sanh trên con đường xử thế, lấy luân-lý và triết-lý làm yếu-tố.

* Luân-lý: Luân-lý thì dạy con người giữ Đạo nhân-luân, làm tròn bổn phận mình, đối với mình, đối với gia-đình, đối với xã-hội là gia-đình rộng lớn, đối với toàn cả thiên-hạ là Đại-Đồng huynh-đệ.

* Triết-lý: Triết-lý thì cấm xa-hoa phung-phí, tránh bã lợi mồi danh, trọng duy tâm hơn duy vật và xả phú cầu bần, xả thân cầu Đạo đặng giữ cho tâm thần được thơ-thới nhẹ-nhàng.

* Giáo-lý: Giáo-lý của Đại-Đạo là chuyên về tín-ngưỡng và tu-trì, diu-dẫn quần-sanh trên con đường xuất thế.

* Tín-ngưỡng: Tín-ngưỡng thì dạy thờ Đấng Tạo-đoan là Trời, là Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, Chúa tể Càn-khôn vũ-trụ, sùng thượng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đã dày công giảng trần độ thế. Đại-Đạo cũng như các Tôn-giáo nhìn nhận linh-hồn bất tiêu bất diệt và tồn-tại mãi theo định luật quả báo, có vay có trả, phải chuyển kiếp luân-hồi đền nợ tiền-khiên đặng lần bước trên con đường sáng suốt cho tới cõi Hu-linh hằng sống.

* Tổ phụ chúng ta chịu Đạo-giáo để lại sự thờ phượng Tông-tổ gia-đình chúng ta, tức nhiên thờ kẻ quá vãng, ta coi người chết như sống, chúng ta tôn sùng mạng sống của con cái Người, vì loài người là Thiên-hạ mà Thiên-hạ là Trời.

* Chúng ta biết nhìn nhận Trời trên mặt địa cầu, chúng ta biết thờ phượng Trời, tức nhiên thờ loài người đó vậy. Đạo-giáo chúng ta để lại 2.000 năm, vậy điều trọng hệ là thờ Trời và thờ Người

* Tu-trì: thì dạy lập công bồi đức, thủ giới trì trai, trau-giồi đạo-hạnh, tịnh-dưỡng tinh-thần, tu tâm luyện tánh đặng đoạt vị thiên-giêng”

Chung